

diễn đàn

F O R U M

Số 122 /10.2002

ISSN 1164-2378



Diễn Đàn, 11 năm sau

Báo động cấp một

Nếu bạn đọc vì yêu tờ báo mà giật mình thì xin nói ngay : có báo động đấy, nhưng nếu phản ứng ngay thì hy vọng chưa đến nỗi nào.

Số là khi họp ban biên tập (BBT) chuẩn bị cho số sinh nhật tuổi 11 này, cuộc đời của tờ báo lại một lần nữa được đưa lên bàn mổ xẻ. Cuộc hội thảo xoay quanh một số vấn đề dưới đây xin chia sẻ với bạn đọc.

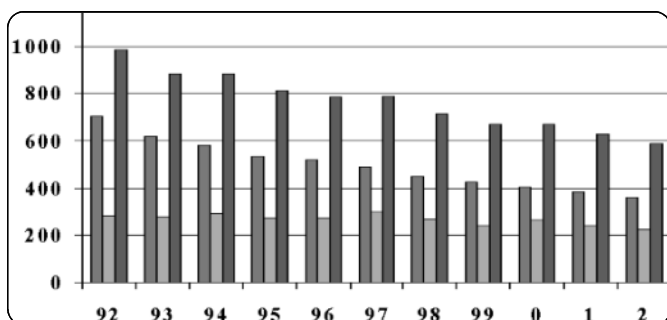
Trước hết là câu hỏi : tại sao Diễn Đàn vẫn sống nhăn ? Thú thực là không ít người trong BBT mỗi buổi sáng vẫn ngạc nhiên tự hỏi như vậy, và lấy làm thú vị. Cái cương lĩnh giữa bạn đọc và chúng tôi : “ công sức thì *chùa*, nhưng xin bạn đọc trang trải toàn bộ chi phí bằng cách mua báo dài hạn ”, lại hầu như không có quảng cáo, không có trợ cấp của bất kỳ tổ chức chính trị nào... kể ra cũng khá kỳ quặc, có lẽ độc nhất trong mọi tờ báo tiếng Việt trong và ngoài nước.

Đơn giản là một khi thu và chi còn cân đối thì Diễn Đàn còn sống. Và báo động là hiện nay số độc giả mua báo giấy đã xuống dưới cái mức cân đối đó. Nhưng như thế có nghĩa nếu nhìn dài hạn về quá khứ thì do ban quản lý sít sao nên tổng quan vẫn còn là trên quân bình. Và nhìn dài hạn về tương lai thì... *con cá nó sống vì nước*. Chúng tôi hy vọng các bạn đọc tiếp tục mua báo giấy, và tiếp tục cổ vũ mạnh hơn nữa bạn bè và người thân mua Diễn Đàn dài hạn. Kinh nghiệm cho thấy ở những nơi có thân hữu của Diễn Đàn tích cực “quây”, thì số độc giả dài hạn tăng lên mức đáng kể.

Số bạn đọc Diễn Đàn trên báo giấy

Hiện nay Diễn Đàn vừa bán báo giấy, vừa đưa một phần lên mạng. Tuy số độc giả trên mạng là rất cao, nhưng nguồn thu chi độc nhất lại là báo giấy, nên xin nói về báo giấy trước.

Giá báo tương đối đắt, cái giá của một quan niệm làm báo. Chúng tôi đã tính cho giá đó sát gần nhất với giá thành, nhưng dĩ nhiên số lượng càng cao thì giá thành càng thấp. Lược đồ sau đây cho thấy biến thiên của số bạn đọc mua Diễn Đàn dài hạn, từ năm 1992 đến nay. Đây là số báo gửi đi của tháng 9 mỗi năm, đủ để có cái nhìn khái quát vì biến thiên đó khá liên tục từ tháng này qua tháng khác. Mỗi năm có ba cột, bên trái là số độc giả ở Pháp, giữa là số độc giả ngoài Pháp, và bên phải



là tổng số. Tháng 9.1992 các con số này là (705, 281, 986) ; và tháng 9.2002 là (359, 226, 585).

Tại sao số báo gửi đi xuống 40% qua 11 năm mà vẫn sống được ? Thật ra thì số bạn đọc mua dài hạn xuống ít hơn thế. Trong những năm đầu số chi mà không có thu rất lớn, vì ngoài việc phải khấu hao một ít thiết bị, chúng tôi gửi báo biểu rất nhiều về Việt Nam và sang Đông Âu (trên 150 số). Đến nay *coi như không còn báo biểu nữa*, báo không bán chỉ còn khoảng 70 số như thường lệ, gửi cho các báo bạn, các cơ quan, thư viện, lưu chiếu. Còn thiết bị phân cứng phần mềm thì ... đã sắp đến lúc đại tu, *đây cũng là một lý do cần báo động*.

Mạng Internet có làm giảm số bạn đọc mua dài hạn ?

Diễn Đàn được đưa lên mạng từ số 81, tháng giêng năm 1999. Nhưng nhìn biểu đồ trên ta không thấy một sa sút bất thường đột biến nào so với tình hình chung ; vậy có thể nói ảnh hưởng của Internet lên số độc giả mua báo giấy của Diễn Đàn là không quan trọng lắm. Tuy vậy điều này có thực, nhiều độc giả cho biết không mua báo giấy nữa vì đọc báo mạng đủ rồi.

Mặt khác độ dốc đi xuống của số độc giả ở Pháp là đều đặn trong 10 năm qua. Thời gian vô cùng tàn nhẫn, và “thị trường” Pháp đã khai phá hết ? Các thân hữu Diễn Đàn ở Pháp nghĩ sao ? Điều rất đáng mừng là số báo gửi đi nước ngoài vẫn như cũ, trên dưới 230 ; vậy là độc giả mua báo tăng nhiều, vì độc giả được báo biểu đã không còn. Lịch sử là Diễn Đàn sinh ra ở Pháp, vì vậy “thị trường” ngoài Pháp chắc chắn còn có thể lên nữa ; ở đây cũng xin biểu dương các thân hữu Diễn Đàn ngoài nước Pháp đã *toàn cầu hoá* tờ báo rất hiệu quả.

Dĩ nhiên nếu Diễn Đàn đưa toàn bộ báo lên mạng thì có lẽ tình hình sẽ khó hơn. Vì vậy xin độc giả đọc báo mạng thông cảm. Cho đến nay chúng tôi chủ trương “ đi ” hết trên mạng phần tin tức và những bài thời sự. Còn lại thì chọn lọc một ít và để lại một ít. Thực tế cho thấy như vậy là vừa phải ; độc giả giấy không quá giảm và độc giả mạng tăng mạnh.

Số bạn đọc Diễn Đàn trên mạng

Trong 10 ngày từ 16.09.2002 đến 25.09.2002 có 956 bạn đọc đã truy nhập Diễn Đàn trên mạng, tổng cộng 1056 lần truy nhập, để đọc 4413 trang.

Đây là những ngày cuối tháng nên số bạn đọc ít hơn trung bình. Và con số “ bạn đọc ” này có nghĩa : nếu bạn truy nhập hai lần trong một ngày thì tính một người, và hai lần truy nhập ; nhưng nếu bạn truy nhập hai lần trong hai ngày khác nhau thì tính là hai “ bạn đọc ” và cũng hai lần truy nhập.

Trong 40 ngày từ 17.09.2002 đến 25.09.2002 có 4347 “ bạn đọc ” và 5004 lần truy nhập, để đọc 17605 trang.

Trong 360 ngày từ 01.10.2002 đến 25.09.2002 có 32691 bạn đọc, 37715 lần truy nhập, để đọc 143 874 trang.

Từ những con số trên, để cho dễ nhớ, chúng tôi ngoại suy bằng những con tính sau :

Trong tháng vừa qua (30 ngày từ 17.09 đến 15.09) có 3391 nhà mạng du vào thăm quán Diễn Đàn trên mạng, với mỗi ngày trung bình 113 bạn đọc và 130 lần truy nhập.

Mỗi lần truy nhập thì bạn đọc đã đọc khoảng 3,3 trang web trong bản quán. Trừ đi trang chủ, còn lại trung bình độc giả mạng du đọc 2,3 bài trên mạng mỗi lần vào.

Trong năm vừa qua mỗi ngày bản quán có khoảng 91 khách vắng lai, với 105 lần truy nhập.

KẸ THÙ CŨ, CHIẾN TRANH MỚI

Cao Huy Thuần

Ngôi chơi xoi nước... Ông Kofi Annan đang phấn đấu hết mình để tổ chức Liên Hợp Quốc (LHQ) khỏi rơi tõm vào tình trạng nhàn nhã phong lưu đó trước ý muốn của Mỹ đơn phương làm chiến tranh tại Irak. LHQ sinh ra là để ngăn cản chiến tranh. Chiến tranh chỉ có thể quan niệm được, nghĩa là chỉ hợp pháp, với con dấu của Hội Đồng Bảo An đóng trên một quyết nghị. Nhưng chiến tranh ngày hôm nay, nghĩa là sau 11-9, dường như đã thay đổi bản chất theo ý trời, nghĩa là ý của Hoa Kỳ, khiến cho ngôn ngữ pháp lý mà LHQ đã dùng từ 57 năm nay trở thành ngọng. Tôi thử đọc một đoạn văn thông thường thôi của ông Tổng Thư ký LHQ để chứng minh điều đó, và đồng thời cũng để sửa soạn nước non mời ông chén trà, trà Tàu, trà sen, nụ vối, hay trà khổ qua.

Đoạn văn thông thường, như chẳng có gì thông thường hơn, vốn vụn mấy câu, nằm trong lời kêu gọi gửi ông Bush trước khi ông Tổng thống Mỹ đang đàn đọc diễn văn mà cả thế giới chờ đợi trước Đại Hội Đồng LHQ ngày 12-9 vừa qua :

“ Căn cứ theo điều 51 của Hiến Chương LHQ, Quốc gia nào bị tấn công đều có quyền thiên nhiên về tự vệ chính đáng. Nhưng, ngoài quyền đó ra, nếu các Quốc gia quyết định dùng vũ lực để đối phó với những đe dọa tổng quát hơn đề nặng trên hoà bình và an ninh quốc tế, không gì có thể thay thế tính chính đáng mà chỉ LHQ có thể ban cấp ”.

Có gì lạ tai đâu ? Ấy vậy mà có ít nhất ba chuyện đáng nói.

Chuyện thứ nhất là quyền tự vệ chính đáng. Luật quốc tế ngày nay cấm dùng vũ lực để giải quyết tranh chấp, cấm luôn cả việc đe dọa dùng vũ lực. Đoạn 2 điều 4 Hiến Chương nói rõ như vậy :

“ Trong quan hệ quốc tế của mình, các nước thành viên của LHQ không dùng đe dọa hoặc sử dụng vũ lực để chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của các Quốc gia hoặc vì bất cứ một duyên cớ gì khác không hợp với những mục tiêu của LHQ ”.

Từ cả năm nay thế giới nghe ông Bush đe dọa. Đe dọa chiến tranh. Đe dọa lật nhào tổng thống nước khác. Đe dọa vật lỏng con vịt Saddam Hussein mà trước đây chính Tây phương áp cho lớn. Đâu là “ độc lập chính trị ” mà nước cũng phải tôn trọng đối với nước khác ? Hiến Chương LHQ chỉ chấp nhận việc sử dụng vũ lực trong một trường hợp duy nhất mà thôi là để hành xử quyền tự vệ chính đáng. Đó là chuyện hiển nhiên. Anh đánh tôi thì tôi phải tự vệ. Hiển nhiên trong quan hệ cá nhân cũng như trong quan hệ quốc tế : bảo vệ sinh mạng xuất phát từ tính tự nhiên, chẳng cần lý luận gì cả. Cho nên quyền đó là thiên nhiên. Bởi vậy chiến tranh bị kết án là chiến tranh xâm lược ; chiến tranh hợp pháp là chiến tranh tự vệ.

Vậy thì chiến tranh của ông Bush là tự vệ chăng ? Không phải ! Có nước nào xâm lược nước Mỹ đâu ? Không có xâm lược, làm gì có tự vệ ? Cho nên ông Bush chưa hề mở miệng nói chiến tranh tự vệ. Ông nói gì ? Ông điểm mặt kẻ thù mới :

khủng bố. Và rất nhanh, ông nói rộng định nghĩa khủng bố :

“ Bắt đầu từ hôm nay, bất kỳ nước nào tiếp tục che chở hoặc giúp đỡ khủng bố đều bị Hoa Kỳ xem như là một chính thể thù nghịch ” (1).

Che chở ? Giúp đỡ ? Mạng lưới của Al Qaida, theo Mỹ, trải khắp 63 nước trên thế giới. Một nửa thế giới là kẻ thù của Mỹ ? Câu hỏi không phải bốn cột, vì ngay trong cùng một diễn văn, câu nói nổi tiếng sau đây đã trở thành cái mà giới chuyên môn gọi là “ chủ thuyết Bush ” : *“ hoặc là quý vị theo chúng tôi, hoặc là quý vị theo bọn khủng bố ”.* Ngôn ngữ thánh chiến không bao giờ cho phép chọn lựa : không đi với Thiện thì là Ác. Và Ác được định nghĩa một tuần sau đó, trong diễn văn của ông Bush về tình trạng liên bang : *“ trục Ác ”* là Iran, Irak, Bắc Hàn, ba nước sắp sửa tạo ra được khí giới nguyên tử, sinh chất, hoá chất. Ba nước “ *côn đồ* ”. Và ông Bush dọa chiến tranh : *“ Hoa Kỳ sẽ không cho phép những chính thể nguy hiểm nhất trên thế giới đe dọa mình với những khí giới tàn phá nhất ”.*

Không nước nào xâm lược Mỹ cả theo đúng định nghĩa chữ *agression* trong luật quốc tế hiện nay. Nếu như nói xâm lược là sự việc chế tạo vũ khí nguyên tử v.v... thì Nga, Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan, Pháp, Anh gì cũng đều “ xâm lược ” cả sao ? Còn “ *côn đồ* ”, thì khi ông Foster Dulles dọa thả bom nguyên tử xuống Điện Biên Phủ, ông ấy chẳng phải là *côn đồ* ? Cũng chẳng phải *côn đồ* kế hoạch mới tiết lộ của Bộ Quốc Phòng phóng nguyên tử xuống bảy nước nằm trong sổ đen (2) ? Cũng một sự việc nhưng chỉ *mày* là *côn đồ* thôi, vì *mày* dọa *tao* ? Đây cũng chẳng phải nói *bõn*, mà là *gân tuỷ* của “ chủ thuyết Bush ” : chữ “ xâm lược ” trong luật được nói rộng ra, giãn nở ra thành chữ “ *đe dọa xâm lược* ” (menace *agressive*) trong diễn văn của ông Bush để làm bật ra chủ trương “ *hành động phòng ngừa* ” (action *préventive*) bây giờ là quốc sách chống khủng bố nói chung, nghĩa là chống Irak nói riêng. Những khái niệm pháp lý chính xác bị ngấm vào ngôn ngữ phi pháp lý để tan loãng ra, cho nên “ chiến tranh phòng ngừa ” cũng biến thành “ hành động phòng ngừa ”. Luật quốc tế cấm chiến tranh phòng ngừa, ông Bush có làm chiến tranh đâu, chỉ một hành động thôi mà !

Nhưng dù là hành động đi nữa, chủ thuyết phòng ngừa là một hiểm nguy mà chính đồng minh của Mỹ, ông Chirac, đó cảnh cáo :

“ Tôi đã nói với Tổng Thống Bush, tôi rất dè dặt về chủ thuyết đó. Khi mà một quốc gia tự cho mình quyền hành động để phòng ngừa, điều đó hiển nhiên có nghĩa rằng những quốc gia khác cũng làm như vậy. Thế thì ta sẽ nói gì trong giả thuyết – tất nhiên chỉ là giả thuyết thôi – Trung Quốc muốn hành động phòng ngừa trên Đài Loan bằng cách nói rằng Đài Loan đe dọa ? Hoặc là nói gì khi Ấn Độ muốn hành động phòng ngừa trên Pakistan, hoặc Pakistan trên Ấn Độ ? Hoặc là nước Nga trên Tchetchénie, hoặc là chỗ khác nữa, ta sẽ nói gì ? Tôi tin rằng đó là một chủ thuyết cực kỳ nguy hiểm và có thể đem lại những hậu quả thảm khốc ” (3).

Ai chẳng thấy điều đó ? Từ 1760, Edmund Burke đã tố cáo những chiến tranh phòng ngừa xảy ra tại Âu Châu dưới danh nghĩa bảo vệ quân bình lực lượng : thế nào là quân bình lực lượng, thế nào là lực lượng mất quân bình ? Quân bình, cũng như an ninh, có bao giờ tuyệt đối đâu ? Chẳng lẽ cứ mỗi khi có thay đổi trong tương quan lực lượng, được cảm thấy một

cách chủ quan, là phải làm chiến tranh để tái lập thăng bằng ? Burke nói : cứ thế mà Âu Châu triển miên trong chiến tranh. Mà toàn là chiến tranh vô bổ !

Tất nhiên có những trường hợp mà sự đe dọa trở thành quá lớn, quá cụ thể, quá kề cận, quá hiển nhiên. Trong những trường hợp đó, chẳng nước nào ngu si đến độ ngồi chờ bên kia nổ súng trước để tố cáo “ xâm lược ” rồi mới nhả nha thực hiện quyền tự vệ chính đáng sau. Ai cũng biết thế, cho nên ông Bush dồn tấn công của ông vào sự đe dọa khủng khiếp mà Irak là thủ phạm. Đe dọa ai ? Ông Bush kể : đe dọa hàng triệu sinh linh ; đe dọa hoà bình thế giới ; đe dọa uy thế của LHQ. “ Chúng ta phải bảo vệ an ninh của chúng ta cũng như phải bảo vệ những quyền thiêng liêng và những hy vọng của nhân loại ”. Và ông kết luận : “ Do truyền thống cũng như do chọn lựa, Hoa Kỳ sẽ hành động ” (4).

Không phải ai cũng tin những đe dọa mà ông Bush tố cáo là có thực, là quá lớn, là quá cụ thể, là quá kề cận, là quá hiển nhiên, nhưng chuyện đó không bàn ở đây. Ở đây, chỉ bình luận câu văn của ông Tổng Thư Ký. Ông viết : “ đối với những đe dọa tổng quát hơn...”. Tôi đã đi vào điểm thứ hai : những đe dọa hoà bình và an ninh quốc tế.

Thế nào là “ tổng quát hơn ” ? Chỉ có thể giải thích là những đe dọa không trực tiếp đè nặng trên riêng nước Mỹ. Không ai mượn nước Mỹ tự mình ghé vai gánh thống khổ của cả nhân loại, tự mình lấy máu của mình để bảo vệ cho hy vọng của cả thiên hạ. Chuyện hoà bình và an ninh thế giới là nghề của chàng Liên Hợp Quốc trên pháp lý. Pháp lý đó còn đâu nữa khi “ hành động phòng ngừa đơn phương ” hoặc “ hành động phòng ngừa đơn phương với liên kết ” (action préventive unilatérale en coalition), nghĩa là liên kết với đám ba chú đồng minh, đang có cơ trở thành hình thức can thiệp mới của “ cộng đồng quốc tế ” ?

Những gì mà luật quốc tế đã trả về cho quá khứ, ông Bush đang đem trở về lại hiện tại. Trong quá khứ của chính Tây phương, chiến tranh là một quyền, bởi vì đó là hệ luận tất yếu của chủ quyền quốc gia. Dần dần, sau thế chiến thứ nhất, rồi sau thế chiến thứ hai, chiến tranh bị cấm. Ông Bush tái lập quyền làm chiến tranh, một chiến tranh không bao giờ dứt, như ông tuyên bố, chừng nào khủng bố chưa dứt. Sự việc chắc sẽ như thế thật chừng nào khủng bố còn là con đẻ của chính sách Mỹ. Trong quá khứ của Âu Châu, an ninh của mỗi nước dựa trên sức mạnh đơn phương hoặc trên liên minh với những nước khác. Roosevelt cho đó là nguồn gốc của chiến tranh và thay thế bằng an ninh cộng đồng, cơ sở lý thuyết và thực tiễn của Hiến Chương LHQ. Ông Bush đang đào huyệt chôn an ninh cộng đồng. Ông tái lập quan niệm chiến tranh-chấp hành (guerre-exécution) vốn được xem như một sơ hở của Hiến Chương Hội Quốc Liên, tiền thân của LHQ sau thế chiến thứ nhất. Hội Quốc Liên đưa vào Hiến Chương khái niệm chiến tranh bất hợp pháp (guerre illicite). Lập tức các lý thuyết gia đề ra khái niệm chiến tranh hợp pháp (guerre licite) để chống trả. Chiến tranh hợp pháp là chiến tranh chống lại một nước từ chối không thi hành một quyết định trọng tài, tài phán, hay không chịu tuân theo biên bản nhất trí của Hội Đồng. Lý luận chống Irak của ông Bush phản ánh trung thành quan niệm đó.

Trên thực tế, lý luận này chỉ có thể đến từ kẻ mạnh, kẻ muốn khởi đầu chiến tranh. Lý luận này nói : chiến tranh là

khí cụ của luật quốc tế ; luật đó không thi hành được vì thiếu một cơ quan quốc tế hữu hiệu ; bởi vậy, khi một nước đứng lên để tự bảo vệ mình chống lại kẻ phạm pháp, nước đó đồng thời cũng làm sứ mạng bảo vệ luật pháp, bảo vệ cộng đồng quốc tế. Kelsen là luật gia trú danh đã thuyết minh như vậy. Tự bảo vệ (self-help), theo ông, không phải là vị kỷ, đó là vị tha, đó là thực hiện chức năng luật pháp. Và chiến tranh, trong nghĩa đó, là chiến tranh trừng trị (guerre-sanction), trừng trị một lỗi, một tội phạm. Trong nghĩa đó, khái niệm chiến tranh kề cận với khái niệm trả thù (représaille) : cả hai đều quan niệm chiến tranh như trừng trị. Thuyết self-help của Kelsen rất phổ thông trong giới luật gia Mỹ. Lập luận của ông Bush, vì vậy, rất dễ nghe đối với tai của dân chúng Hoa Kỳ. Vừa cứu mình, vừa cứu nhân loại, “ bằng truyền thống ”, ông Bush đánh Dân Mỹ nghe. Và đơn phương, tất nhiên. Dựa trên sức mạnh vô địch của chính ta, dựa trên xúc cảm chân thành của thế giới đối với nạn nhân của khủng bố 11-9, ta không cần lá cờ của LHQ dù để cắm sau đuôi voi như thông lệ từ hơn mười năm nay.

Cắm cờ sau đuôi : đó là điểm thứ ba. Xin đọc lại câu viết của ông Tổng Thư Ký : “ nếu các quốc gia quyết định dùng vũ lực...”. Ngôn ngữ gì mới lạ vậy ? Sao lại “ nếu ” ? Sao lại có cái giả thuyết ấy ? LHQ sinh ra chẳng phải là để chấm dứt cái chữ “ nếu ” đó sao ? Ngôn ngữ đó không phải là phản kháng. Đó là ngôn ngữ chấp nhận : chấp nhận một thực tại. Đó là ngôn ngữ cứu vãn : cứu vãn một bất lực, bất lực ngăn cấm chiến tranh nằm trong sứ mạng của LHQ. Đó là ngôn ngữ gỡ gạc : gỡ gạc với chiếc lá nho của LHQ. Thưa ông, nó chỉ là lá nho, nhưng nó che được cái suối đào nguyên róc rách dầu lửa, nó tạo tính chính đáng cho hành động đơn phương coi trời bằng vung của ông.

Không phải vô tình mà ông Tổng Thư Ký dùng chữ *légitimité*. Ông có thể dùng chữ *légalité* nếu ông muốn, bởi vì một quyết nghị của LHQ mang lại tính hợp pháp cho hành động của Mỹ. Nhưng nói hợp pháp làm gì nữa trước một chủ thuyết và một sức mạnh công khai tuyên bố ý muốn đơn phương tối thượng ? Và chẳng, chung quanh ông, ai ai cũng cầm chắc chiến tranh, ai ai cũng đổi giọng, ai ai cũng nói *légitimité* kể cả Pháp mà chữ *luật* vốn dính chặt trên môi từ ngày chiến tranh Vùng Vịnh. Ông bộ trưởng ngoại giao De Villepin uốn nắn : “ Sự lựa chọn không phải là giữa hành động hoặc không hành động, mà là hành động thế nào. Phải hành động một cách chính đáng, tập thể và có trách nhiệm ” (5). Ông đâu có nói “ một cách hợp pháp ” ?

Đây mới chính là biến chuyển có ý nghĩa nhất của chính trị và luật pháp quốc tế về can thiệp vũ lực từ mười năm gần đây : dưới danh nghĩa mơ hồ của chống khủng bố, và dưới lá cờ trừng ác của Mỹ, chiến tranh của đầu thế kỷ 21 đang mang dấu ấn của chiến tranh chính nghĩa thời trung cổ. *Justa bella ulciscuntur injurias*, chiến tranh chính nghĩa trả thù những bất công, đó là định nghĩa lừng danh của Saint Augustin. Biện minh cho chiến tranh, chủ thuyết của Augustin lập luận rằng chiến tranh chính nghĩa bản chất là một trừng phạt hình sự bao hàm khả năng đẩy lên một chiến tranh toàn diện và vô giới hạn không phải chỉ nhằm trả thù những vi phạm quyền lợi mà mình đã chịu, mà chính là trả thù cho trật tự đạo đức bị tội lỗi của kẻ phạm pháp xáo trộn. Trật tự luật pháp và trật tự đạo đức trộn lẫn với nhau chặt chẽ trong thuyết Augustin đến nỗi tội

hình trong luật cũng tạo thành tội tôn giáo (péché). Dựa trên một quan niệm bất công được nói rộng ra như thế qua lĩnh vực đạo đức, chiến tranh là một trừng phạt tính ác của đối phương.

Quan niệm đó, tinh túy của học thuyết Augustin, được 40 trí thức sáng chói nhất của Mỹ tập hợp nhau từ tả qua hữu, từ Michael Walzer đến Samuel Huntington, long trọng tuyên dương trong một lời kêu gọi đầy hai trang báo ⁽⁶⁾ gọi khắp thế giới để biện minh cho chiến tranh chống khủng bố của Mỹ sau ngày 11-9. Chiến tranh, họ nhắc lại, “*lắm khi không những phải được chấp nhận về mặt đạo đức mà còn cần thiết về mặt đạo đức để trả lời những biểu dương ô nhục của bạo lực, của hận thù, của bất công*”. Phi cơ Mỹ thả bom trên Afghanistan bay với đôi cánh của Thân Công Lý để trị tội những kẻ sát nhân. Nhưng Irak, kẻ thù cũ rích từ hơn chục năm rồi, có phải là Al Qaida của năm ngoái ?

Augustin đưa ra ba điều kiện để một chiến tranh là chiến tranh chính nghĩa : lý do chính nghĩa, ý định chính nghĩa, quyền lực làm chiến tranh chính đáng. Không ai làm chiến tranh mà nói lý do của tôi là tà. Không ai làm chiến tranh mà nói ý định của tôi là bất chính. Tính cách chủ quan đó của việc tự mình thẩm định hành động của mình khiến chiến tranh chính nghĩa chẳng khác gì mấy anh em sinh đôi của nó là thánh chiến. Còn quyền lực chính đáng là ai ? Với Augustin, chiến tranh để bảo vệ Đế Quốc La Mã chống lại loạn lạc, man di, là quan tâm chính. Thảo khấu Lương Sơn Bạc không phải là quyền lực chính đáng dưới mắt ông. Chính quyền đang bảo vệ ông và được ông bảo vệ qua lại mới là chính đáng. Về sau, đồ đệ của ông ở thế kỉ 12, Gratien, kể thêm, như quyền lực chính đáng để làm chiến tranh : Thượng Đế và cơ quan đại diện là Nhà Thờ. Đó là thời kỳ mà chiến tranh chống lại kẻ thù của tôn giáo trở thành cơm bữa.

Áp dụng học thuyết của Augustin, 40 đại trí thức Mỹ dễ dàng giải quyết vấn đề này : “*chiến tranh chính nghĩa chỉ có thể thực hiện do một chính quyền được công nhận là chính đáng, có trách nhiệm duy trì trật tự công cộng. Bạo lực suông, nhắm lợi mà bất cần nguyên tắc, hoặc do cá nhân gây ra, không bao giờ được đạo đức chấp nhận*”. Al Qaida rơi đúng vào định nghĩa đó. Nhưng Irak thì sao ? Về trường hợp LHQ, 40 tác giả nói rõ : “*Có người cho rằng [...] việc sử dụng vũ lực phải được một cơ quan quốc tế, như LHQ, chấp nhận. Đề nghị này chỉ có tính cách giả thuyết. Trước hết, đây là một điểm mới : về phương diện lịch sử, sự chấp nhận của quốc tế chẳng bao giờ được các lý thuyết gia của chiến tranh chính nghĩa xem như một đòi hỏi chính đáng. Thứ hai, chẳng có gì chứng tỏ rằng một cơ quan quốc tế như LHQ là cơ quan có khả năng nhất để quyết định lúc nào, và trong điều kiện nào, việc dùng vũ lực là chính đáng... Biến LHQ thành hình bóng mờ nhạt của một Quốc gia để quy định việc sử dụng vũ lực quốc tế là một dự án tự sát*”.

Những dòng này xem chừng có thể áp dụng cả vào trường hợp Irak ngày nay chăng ? Cả vào chiến tranh chống khủng bố triền miên bất tận của ngày mai ? Chiến tranh trừng ác đang cho LHQ nghỉ hưu non ?

Tội (péché) và trừng phạt (sanction) là trọng tâm của học thuyết Augustin. Ông không phải là tác giả đầu tiên của chiến tranh chính nghĩa. La Mã vốn là chiếc nôi của luật ở Âu Châu và trước ông, Cicéron đã dựa trên tiêu chuẩn lỗi (faute), tiêu chuẩn vi phạm một quyền đã có sẵn, để lập thuyết về chiến

tranh chính nghĩa của mình. Lỗi của đối phương khiến cho lý do của y tự khắc bất chính và tự khắc biện minh cho phản ứng của phe bị thiệt hại. Augustin thánh hoá khái niệm lỗi có tính chất trần thế của luật La Mã để biến nó thành khái niệm tội. Theo ông, ở đâu không có đạo đức thì ở đấy không có công lý đích thực. Do đó, khái niệm bất công cũng được đạo đức hoá, nghĩa là thánh hoá : chiến tranh là một thực tại, và một thực tại do Thượng Đế phán. Chiến tranh là Thượng Đế trừng phạt. Bởi vậy, chiến tranh chính nghĩa là chiến tranh tấn công, không phải chiến tranh tự vệ. Tấn công vào bất công. Bởi vì bất công thì phải diệt.

Diễn văn của ông Bush xối ngon lành và luôn trơn tru theo cảm hứng đó như lưỡi cày luôn theo luống đất màu mỡ. Trước đây, Mỹ nói : tự do. Bây giờ ông Bush kéo thêm : công lý. “*Hoa Kỳ phải bảo vệ tự do và công lý*” ⁽⁷⁾. “*Chúng ta xây dựng một thế giới công lý*” ⁽⁸⁾. Lấy gì đo lường công lý ? Đạo đức ! “*Những nguyên tắc và an ninh của chúng ta ngày nay bị thử thách bởi những nhóm người và những chính thể bất chấp luật đạo đức...*” ⁽⁹⁾. Hai chữ đạo đức không rời khỏi hàm răng ông Bush : “*Có người cho rằng nói lên ngôn ngữ phải trái là thiếu ngoại giao hoặc thiếu lễ độ. Tôi không đồng ý. Hoàn cảnh khác nhau đòi hỏi biện pháp khác nhau, nhưng không đòi hỏi đạo đức khác nhau*” ⁽¹⁰⁾. Cũng như Al Qaida, Saddam thách thức đạo đức. Y vi phạm những quyết định của Hội Đồng Bảo An : *lỗi* trần thế đó được chấp thêm vào tính ác của khủng bố để trở thành *tội*, tội ác phải trừng trị, ai không trừng trị thì tôi trừng trị, không thể để cho tên *bạo chúa* kia cứ tiếp tục tội ác như vậy mà không hất nó đi, nó nói gì thì đều đối trá cả, vì cả đời nó đối trá quen mồm rồi. Với nó, chỉ có chiến tranh mà thôi, làm khác đi là dung dưỡng tội ác. Truất tên bạo tặc, chính là đạo đức ⁽¹¹⁾. Với đạo đức đó, tôi đánh. Tôi có lý do chính nghĩa, ý định chính nghĩa. Tôi là quyền lực chính đáng. Vì truyền thống của tôi là Thiện. Vì chỉ tôi là sức mạnh duy nhất đem lại hoà bình, an ninh cho cái thế giới đầy ác tặc và khí giới diệt chủng này. Tôi là Thiên Đế La Mã dẹp nhiễu loạn quấy phá tính mạng và đầu óc. Tôi, chứ không phải tập thể các ông. Vì tôi là tôi, và luôn luôn God bless America.

CAO HUY THUẬN

(1) Xem *Le Monde* 11-9-2002.

(2) Xem Alexandra Williams and Bob Roberts, Bush's Secret 7 Nations Nuclear Hit List Draws World Outrage, *The Daily Mirror* 16-9-2002.

(3) Xem *Le Monde* 10-9-2002

(4) Diễn văn của Tổng thống Bush trước LHQ ngày 12-9-2002.

(5) *Le Monde* 14-9-2002.

(6) Toàn văn trong *Le Monde* 15-2-2002.

(7) *The National Security Strategy of The United States of America*, September 2002.

(8) Diễn văn ở Berlin, 23-5-2002, trích trong tài liệu (7).

(9) Diễn văn trước LHQ.

(10) Diễn văn ở West Point, 1-6-2002, trích trong tài liệu (7).

(11) Tuyên bố của bà phụ tá Tổng thống Bush về an ninh, Condoleezza Rice, *Le Monde* 18-9-2002.

TỔNG TRIỀU PHỦ DỤ GIAO CHỈ

Làm sao cũng ... đánh ! Chuyện đã rõ rồi. Thế giới chỉ còn một siêu cường thì mấy anh nhọt tiều, "man di" tất phải ăn đòn !

Hôm nay đọc lại "An Nam Chí Lược", thấy bài "phủ dụ" của vua nhà Tống (Siêu Cường thời đó !), viết gửi vua Lê Hoàn.

Đọc xong bất giác cười khan ! Sau mười thế kỷ thế giới về cơ bản chẳng có gì thay đổi cả !

Gửi các bác đọc chơi !

10 thế kỷ mà chỉ là "bình cũ rượu ... cũ luôn". Bush.. Thái Tông rồi sẽ tiêu diệt hôn quân vô đạo Saddam. Trung Thân Tony Blair khấu đầu tha thiết xin Thánh đế xuất chinh. Rợ Nga đã tiêu từng. Man di Tàu mãi lo.. làm ăn. Giao chỉ cũng đầu thì cũng đã ... học khôn ! Không còn giám láo toét !

Thế kỷ 21 chắc cũng sẽ đầy máu như thế kỷ 20 mà thôi ! Có đầu "hoàng kim", hay "lịch sử chấm dứt" như anh chàng Fukuyama phán liêu. Hay có đầu "anh em" thâm tình "Việt-Mỹ" như ai đó từng hồ hởi phán khởi với cái xe tăng tư tưởng Ấy - I - Ai !!!

Doan Hùng

Thư của Tống Thái Tông phủ dụ Giao Chỉ

(Thời vua Lê Hoàn)
trước khi chinh phạt.

Trung Quốc đối với các nước man di cũng như thân thể đối với tay chân.

Khi vận động co vào, duỗi ra, tùy lòng người ta, cho nên quả tim được gọi là ngôi của đế vương.

Ví dụ : một người bị đau chân, mạch máu không thông, gân cốt không yên, thì phải uống thuốc để trị cho lành. Trị bằng uống thuốc mà chưa lành thì phải châm chích cho thấu vào chỗ đau.

Chẳng phải không biết rằng dùng thuốc thì đáng miệng, châm cứu thì thủng da, song so sánh thì thiệt hại ít mà bệnh lành là ích lợi vô cùng !

Bạc đế vương đối với thiên hạ cũng vậy !

Thái Tổ Hoàng Đế ta được nhà Chu nhường ngôi, thanh danh văn vật bỗng chốc rực rỡ như xưa. **Nhiệm vụ của bạc đế vương như ông thầy thuốc. Trông thấy mọi rợ nào có chứng đau thì tìm thuốc mà chữa cho !**

Năm thứ nhất làm thuốc cho Châu Lũng, Châu Thục, Châu Tương, Châu Đàm.

Năm thứ ba, thứ tư châm chích đất Quảng, đất Việt, nước Ngô, nước Sở.

Cơ thể, gân huyết lành mạnh mau chóng. Nếu không nhờ thần

ơ, tài lược của đấng Vương giả, thì sao lại được như thế ?

Kịp đến nay, Hoàng đế ta nối ngôi, giữ nghiệp lớn, lấy toàn dân làm hậu thuẫn, chỉ riêng châu Ung, châu Tinh là bệnh đau trong quả tim, bệnh trong tim trong bụng chưa lành thì chân tay sao khỏi đau !

Bởi thế cho nên :

Luyện *phương thuốc Nhân Nghĩa*.

Mài *mũi kim châm Đạo Đức*.

Chữa bệnh nơi gân cho thật lành mạnh.

Rồi điều trị cả chín châu bốn biển, cho chẳng còn ai đau ốm !

Xét lại Giao Châu nhà ngươi ở cuối chân trời, nằm ngoài chín cõi.

Nếu so với thân người thì chẳng qua bé bằng ngón tay thôi !

Thế nhưng, dù chỉ có một ngón tay đau. Thánh nhân có lòng nào mà không chữa !

Vì vậy mà phải mở cái trí tâm tối của mi, cho thấm nhuần thánh giáo của ta, mi có theo chăng ?

Phương chi, đời nhà Chu có sứ thần họ Việt Thường qua dâng con bạch trĩ, nhà Hán xây trụ đồng làm giới hạn, đời Đường thì gọi là nội địa, cuối đời Đường gặp nhiều khó khăn nên chưa đẹp yên.

Nay gặp đời Thánh Triều, bao trùm cả muôn nước, cơ nghiệp thái bình, Lễ thờ trời đất sẽ được cử hành. Chờ người đến châu sẽ ban cho tước lộc. Nhưng vì ngươi không chịu nội phụ, gây nên sự chẳng lành, khiến cho ta buộc lòng phải chinh phạt, tiêu diệt tiểu quốc, khi ấy đâu có hối tiếc cũng không kịp nữa !

Dù nước Giao chỉ chúng bay,

Dưới nước có châu ngọc, ta cũng ném xuống suối !

Dưới đất có bạc vàng ta cũng quăng lên núi !

Tà có màng chi của báu của chúng bay !

Dân mi ngẩng cổ mà bay, thì ta có xe có ngựa.

Dân mi dùng mũi mà uống nước, thì ta có rượu có thịt, để bỏ tục mọi rợ của mi.

Dân mi cắt tóc, thì ta có áo có mũ.

Dân mi nói lú lo như chim như chóc, thì ta có Thi có Thư, để dạy dỗ giáo hóa dân mi !

Đất Viêm Giao nóng bức, mờ mịt khói mù, thì ta mang vầng mây của vua Nghiêu, để tưới xuống cơn mưa ngọc.

Khí độc dưới biển bốc lên, lửa đốt nắng thiêu, thì ta đem cây đàn của vua Thuấn mà quạt lên ngọn gió êm !

Mi là ngôi sao mờ, không ai biết đến ! Còn ta là ngôi sao Tử Vi Đế Tọa, mọi sao đều phi đến châu bạc chí tôn !

Đất mi có giống yêu ma, người ta thấy quái dị mà sợ hãi. Thì ta đúc cái đỉnh lớn mà bảo vệ cho khỏi bị làm hại.

Vậy thì mi phải chui ra khỏi hòn đảo man di để xem lễ nhạc ở nhà Minh Đường, Bích Ung.

Bỏ lối mặc áo quần lá cỏ mà yêu chuộng đồ thù thừa, áo xiêm long phụng !

Mi có tội mà chịu làm tôi không ? Đừng để bị trị tội gấp !

Ta đang sửa soạn xe cộ, quân lính, xếp đặt chuông trống.

Theo ta thì ta tha tội, nghịch lại thì ta trừng trị !

Theo hay không theo, trong hai đường ấy, mi hãy suy xét lấy !

An Nam Chí Lược

11.9 : MỘT NĂM SAU

NGUYỄN QUANG

Nine Eleven, 11 tháng 9... Người Mỹ dùng hai con số chỉ ngày tháng – không cần nói năm nào – để gọi tên cuộc khủng bố tàn bạo nhất lịch sử Hoa Kỳ. Một năm sau ngày Tháp Đôi đổ sụp, 9 tháng sau cuộc đại bại của chính quyền Taliban, có lẽ đã tới lúc rút ra đôi ba bài học của một sự kiện mà nhiều nhà quan sát coi là tờ giấy khai sinh của Thế kỉ 21. Nói biến cố lịch sử thì đương nhiên phải có trước đó và sau đó, giữa “trước” và “sau” phải có một lát cắt, một sự ngắt quãng của dòng chảy lịch sử, hay ít nhất, phải có một sự gia tốc, một tổ chất bất chợt làm hiện hình cái cấu trúc ẩn tàng của diễn trình lịch sử. Những đặc trưng ấy hội đủ trong biến cố 11.9.2001. Trước nó, là thập niên bùng nổ bắt đầu từ sự sụp đổ của Liên Xô, một “vùng trắng” của lịch sử trong đó siêu cường duy nhất còn lại thoạt trông như còn do dự chưa dám đảm đương cương vị đế chế của nó. Điều mà người ta khó thấy là sự hình thành (nửa mờ mẫn, nửa duy ý chí) của một tư duy chiến lược của thời kì sau chiến tranh lạnh. Sau nó, nghĩa là bây giờ đây, là điều nhân tiên : sự thành hình của tư duy chiến lược đó, một chiến lược được triển khai một cách đơn phương bởi một siêu cường muốn cai quản toàn cầu mà không phải chinh phục thế giới. Cảnh quan ấy phần nào chưa lộ rõ hoàn toàn vì người ta nhân danh những giá trị phổ quát để cai quản, và trong một vài tình huống cụ thể – như trong vụ 11.9 mà dưới đây chúng tôi sẽ trở lại – những giá trị ấy không phải không có căn cứ. Thế giới hiện tồn muôn phần phức tạp hơn thế giới nhìn qua lăng kính của các hệ tư tưởng, muốn thấy rõ vấn đề, ta hãy thử xem xét theo vài hướng chính.

Chủ nghĩa toàn thống, toàn thủ và chủ nghĩa Islam

Biến cố 11.9 thì dư luận gần như nhất trí coi đó là một vụ mưu sát khủng bố tập thể, và sau một vài do dự ban đầu, dư luận cũng tin rằng chủ mưu của vụ này là tổ chức Islam cực đoan Al Qaeda. Nhưng lí giải được nguyên uỷ của sự kiện đó lại là một việc khác. Có thể nói : có bao nhiêu hệ tư tưởng thì có bấy nhiêu cách lí giải. Cách lí giải đơn giản nhất, coi đây là sự “đụng độ giữa các nền văn minh” (Samuel Huntington), cũng là cách giải thích gian xảo nhất : dưới lớp sơn văn hoá, nó dựa vào chủng tộc, nghĩa là nằm trong một hệ tư tưởng đối nghịch từ hơn hai trăm năm nay với trào lưu Ánh sáng. Trên trang báo này ⁽¹⁾, chúng tôi đã liên hệ sự khai sinh chủ nghĩa Islam với mâu thuẫn giữa *hiện đại* và chủ nghĩa toàn thống (*fondamentalisme*) trong quá trình giải phóng Thế giới thứ ba, và động lực hiện nay của nó với bối cảnh toàn cầu hoá và sự khảnh kiệt của các hệ tư tưởng thế tục (phi tôn giáo). Từ *hiện đại* nói ở trên không chỉ thu hẹp vào phạm vi kĩ thuật (tức là những tiến bộ khoa học - kĩ thuật) mà còn được dùng ở cả phạm vi chính trị, nghĩa là toàn bộ quan niệm dân chủ ra đời từ Thế kỉ Ánh sáng. Xét cho cùng, dân chủ không phải là một khái niệm tự nhiên : không nói gì tới *nguyên tắc đa số quá bán* (ai được 50 % + 1 phiếu thì nắm quyền), mà ngay cái ý *người khác có thể suy nghĩ khác ta* là một ý tưởng khó chấp nhận vì công nhận sự dị biệt có thể phủ nhận bản sắc của chính ta.

Chính vì vậy mà những cộng đồng truyền thống (điển hình là các cộng đồng làng xã) thường chối từ sự khác biệt mà chỉ chấp nhận những gì nằm trong khuôn phép, tập quán cổ truyền. Cũng chính vì vậy mà chủ nghĩa toàn thống hay toàn thủ tôn giáo (*intégrisme*) là phản dân chủ ngay từ bản chất : chỉ cần nhắc lại các vụ khủng bố xảy ra trên lãnh thổ Hoa Kỳ mà thủ phạm là phái cực hữu chống chính quyền liên bang (Oklahoma City) hay nhóm cực đoan Islam (11.9).

Bây giờ đã rõ : “khủng bố quốc tế” là có thực, và nó được phe cực đoan Islam kích động và tài trợ ⁽²⁾ (xem cuốn sách của Olivier Roy *). Chúng tôi không ngại bị chê trách là “mất lập trường” và xin nói thẳng : các nhà lãnh đạo tinh thần của Hồi giáo cần minh xác lập trường của mình trên vấn đề này. Ở Al Qaeda cũng như ở Ben Laden, có một sự “siêu quy định” (*sur-détermination*) Hồi giáo : giáo lí của họ mang hơi hóm của Hassan al-Banna, cha đẻ của tổ chức Huynh đệ Hồi giáo ở Ai Cập (1928), rồi của nhà thuyết giáo Sayyed Quotb (bị chính quyền Nasser treo cổ năm 1966) và sự phụ của ông này là Mawdudi (cha đẻ tinh thần của nước Pakistan Hồi giáo). Trên bình diện chính trị - tôn giáo (và chúng tôi cũng chỉ đứng trên bình diện này), chủ thuyết Islam cực đoan, xuất phát từ tiên đề *Allah là đáng toàn năng tuyệt đối và độc nhất*, đối nghịch với tất cả các hệ thống đơn thuần chính trị, bao gồm không những các chế độ ngoại đạo (nhất là “bọn thập tự chinh” Do Thái giáo và Kitô giáo) dựa trên nguyên tắc phân lập thân quyền và thế quyền, mà cả những chế độ Hồi giáo bị coi là “phản đạo” vì không chịu thi hành toàn bộ và chỉ thi hành “charia” (giáo luật Coran). Hệ luận của chủ nghĩa thân quyền cực đoan này là tiến hành thánh chiến Djihad, là xác lập bá quyền của Dar el-Islam (Nhà của Islam), không phải bằng đấu tranh tư tưởng, mà bằng chiến tranh. Chiến tranh, theo chủ trương của Huynh đệ Hồi giáo, bao gồm cả bạo lực khủng bố và tàn sát (đi ngược kinh thánh Coran). Câu nói của Ali Benhadj, cựu lãnh tụ Mặt trận Hồi giáo Cứu rỗi Algérie (FIS), ngày nay nghe lại càng kinh hoàng : “*Lòng tin thật sự là lòng tin thúc đẩy tin đồ đi tới sự hi sinh (...) Lòng tin, tin ngưỡng không được tưới bằng máu thì không lớn lên được, không sống được. Các nguyên lí được củng cố nhờ những sự hi sinh, xả thân cảm tử và tuân tiết vì Allah. Niềm tin lan truyền bằng tổng số các cuộc tàn sát và những xác chết. Người chiến sĩ phải hi sinh thì sá gì : đó là người chiến thắng*” (1991). Thật là một quan niệm sơ khai, không những giản đơn và què quặt, mà chứa đựng mầm mống của sự tự huỷ hoại và chết chóc, khiến cho một số nhà Islam học (như A. Meddib *) không ngần ngại gọi đó là một thứ bệnh hoạn tâm thần và đồng nhất ngôn từ Islam cực đoan, về cả nội dung lẫn hình thức, với ngôn từ nazi. Không thể không nghĩ tới bản nhạc *Hoàng hôn của thân linh* đã bị Hitler tiếm đoạt hay tiếng hô *Viva la Muerte !* của bọn cực hữu trong chiến tranh Espana.

Những định kiến sai lầm

Người ta có thể tự hỏi vì sao, làm sao mà một chủ thuyết hư vô và sặc mùi tận thế lại có thể được cảm nhận như một hệ tư tưởng khai phóng trong một bộ phận khá đông, thậm chí ngay cả thành phần thượng lưu ở Trung Đông ⁽³⁾. Tất nhiên, có những nguyên do lịch sử - xã hội : Trung Đông là khu vực duy nhất trên thế giới phải chịu sự đổ vỡ, đảo lộn gây ra bởi chủ nghĩa thực dân, những cuộc di dân, nạn lạc hậu kinh tế... mà tuyên truyền tôn giáo đưa ra một cách lí giải xuôi tai. Song chúng tôi cho rằng khả năng hấp dẫn của Al Qaeda dựa trên một ngộ nhận, tưởng nhầm rằng chủ nghĩa Islam cực đoan bảo

vệ những người cùng khổ và bị áp bức. Ở đây cần vạch rõ một số thành kiến sai lầm khá phổ biến ngay trong những giới ít bị chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo mê hoặc :

1) **Al Qaeda bảo vệ Palestin chẳng ?** Hoàn toàn không phải vậy. Cuộc khủng bố 11.9 không hề nhằm chống trả chính sách đàn áp của Israel ở Palestin với sự ủng hộ của Hoa Kỳ, vì một lẽ rất đơn giản là cuộc đánh phá này phải được chuẩn bị từ lâu (theo các chuyên gia, phải ít nhất từ 2, 3 năm) tức là trước ngày Bush và Sharon lên cầm quyền. Cho dù có sự liên kết giữa các lực lượng khủng bố của Palestin và Al Qaeda chẳng nữa, chỉ cần nhận xét là từ khi bắt đầu quá trình Oslo, các cuộc tấn công khủng bố bao giờ cũng diễn ra vào những lúc có triển vọng hoà bình : thật khó mà coi đó là sự ủng hộ nhân dân Palestin ! Sự thực “ *sự nghiệp của Palestin chỉ là chiêu bài của Ben Laden* ” (tuyên bố của bà Leila Chahid, phát ngôn viên của PLO, 8.10.01), Ben Laden dùng Palestin để huỷ hoại hoặc quân chúng Arap, thúc họ “ xuống đường ” chống Mĩ. Không khác gì các chế độ độc tài Trung Đông mỗi khi họ cần mở xú páp cho những uất ức chính trị, xã hội và kinh tế của nhân dân các nước này.

2) **Al Qaeda bảo vệ các dân tộc Arap ?** Không. Ben Laden là kẻ thù của các chế độ Arap thế tục, một nước như Ai Cập luôn luôn phải chịu sức ép của các lực lượng Hồi giáo quá khích. Kẻ thù của Ben Laden có cả các giáo sĩ thuộc tông phái chiite (mollah) ở Iran, họ cũng đã bỏ rơi y để đứng về phe liên minh chống khủng bố. Còn Arabia Saudi, thì Ben Laden uất hận tổ quốc của mình như căm thù phương Tây từ khi Mĩ lập căn cứ tại đó trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Cho dù Al Qaeda gây mất ổn định và góp phần lật đổ những chế độ thối nát đương quyền, chủ nghĩa cực đoan Islam không hề đề ra một giải pháp chính trị thay thế vì chủ nghĩa dân tộc, đối với nó, là một ý tưởng xa lạ.

3) **Al Qaeda bảo vệ dân nghèo chống bọn giàu sang :** sai. Coi cuộc lao máy bay dân sự vào Tháp Đôi là hành động đáng thông cảm của những người nghèo khổ tấn công vào bọn giàu sang, nhìn mấy tay phi công tự sát kia mà nhận ra những người cùng khổ trong cơn tuyệt vọng là dùng lăng kính Thế giới thứ ba để đọc một hiện tượng không dính líu gì tới nó. Bởi vì, nói đến Thế giới thứ ba, thử hỏi trong tổ chức Al Qaeda, ai là đại biểu cho “ những kẻ trầm luân trên Thế gian ”, cho người Châu Phi, Việt Nam, Haiti và những nước khác ? Phải nhấn mạnh : tất cả các thành viên của nhóm khủng bố ngày 11.9 đều là người những nước Arap Hồi giáo, mà phần lớn đều có học và xuất thân từ những gia đình khá giả, cầm đầu là những người nắm vững kĩ thuật (điều này chứng tỏ rằng các nhà toàn thống sớ hiện đại chính trị – họ không muốn hiểu – hơn là sớ hiện đại kĩ thuật – mà họ biết lợi dụng).

Thêm nữa, không thể không nghĩ tới khối lượng tiền của nằm trong tay mạng lưới kinh tài của Al Qaeda (đã sinh lời đẻ lãi tại các thị trường chứng khoán Tây phương, điều này một lần nữa chứng tỏ sớ trường kĩ thuật), lẽ ra có thể góp phần xoá dốt giảm nghèo tại các nước trong vùng, thay vì tiến hành cuộc thánh chiến ở xa, mà hậu quả là chiến tranh, bom đạn lại đổ lên đầu nhân dân nghèo khổ (4). Cũng nên nói thêm : nếu một trong những mục tiêu của cuộc tiến công khủng bố là giáng đòn vào nền kinh tế Hoa Kỳ (trị giá Tháp Đôi, thiệt hại của những công ti có văn phòng ở Trung tâm thương mại thế giới, giá trị chứng khoán suy sụp, đầu tư khựng lại...), thì chẳng cần phải là chuyên gia cũng biết rằng tác động của nó trên kinh tế của Thế giới thứ ba còn ghê gớm hơn nhiều (xem

thông cáo của Ngân hàng Thế giới về ‘*Nạn nghèo khó tăng cường sau cuộc khủng bố ở Hoa Kỳ – Năm 2002, sẽ thêm hàng triệu người lâm vào cảnh nghèo khổ*’, 01.10.01).

Cuối cùng, phân tích (xem chi tiết ở phần dưới) những hậu quả của biến cố 11.9 trên chính sách đế chế của Hoa Kỳ, người ta buộc phải kết luận rằng chủ nghĩa cực đoan Islam, thay vì phục vụ lợi ích của những người nghèo khổ trên trái đất, lại gây thêm thống khổ cho họ.

Khủng bố chiến lược

Ở trên, ta vừa đặt câu hỏi : mục tiêu của cuộc tàn sát 11.9 là gì ? Cố nhiên, nó đã gây ra những tổn thất nhân sự và vật chất to lớn, và tác động tinh thần của nó còn ghê gớm hơn. Nhưng xét đoán một cách lạnh lùng, có thể nói chiến lược sách lược của nó không đáng kể : ong vò vẽ chích chân voi. Mà nói đánh vào biểu tượng, thì dùng máy bay một người lái (nếu muốn nhất thiết có người tử vì đạo) đâm vào Tượng thần Tự Do không hay hơn sao ? Tác động trên các media cũng lớn không kém, mà kẻ địch lại không có cơ để trả thù hàng loạt. Nhưng không, bọn khủng bố không những muốn phá huỷ những biểu tượng ngạo nghễ của nước Mĩ (hai toà nhà WTC, Lầu năm góc, Nhà trắng hay điện Capitole) mà còn muốn tiêu diệt càng nhiều càng tốt “ bọn Mĩ kiêu ngạo ” (thực ra, hơn 3000 người tử nạn thuộc khoảng hai mươi quốc tịch khác nhau). Chúng muốn gieo rắc kinh hoàng (nghề của chàng mà) mà còn muốn vượt qua lần ranh “ một đi không trở lại ”. Không đơn thuần là một tiếng gào thét căm hờn, mà đích thực là một lời tuyên chiến. Một cuộc chiến tranh không hạn chế theo binh pháp Tôn Tử (để một phương cho kẻ địch có lối ra) hay kinh điển Clausewitz (phương tiện quân sự tương xứng với mục tiêu chính trị). Một cuộc chiến tranh toàn diện, một cuộc thánh chiến Djihad, nghĩa là bay phải theo đạo hay phải chết.

Nói chiến tranh là nói chiến lược. Chiến lược của Ben Laden nay đã hiển hiện trên thực tế. “ Kẻ mạnh phải ngại thành khủng ” ? Không chỉ có vậy, Al Qaeda có trong tay khá nhiều con chủ bài : một căn cứ địa ; hai vũ khí tiềm thể (hạt nhân và dầu mỏ) ; một vũ khí tinh thần : tôn giáo. Căn cứ địa là Afghanistan, và người ta đã chặt đầu lực lượng kháng chiến bằng cuộc ám sát tư lệnh Massoud. Vũ khí hạt nhân tiềm thể là quả bom nguyên tử của Pakistan. Pakistan là một quốc gia có thể đổ sụm bất cứ lúc nào (có thể tham khảo cuốn sách của Alexandre Adler *) : bên ngoài thì ủng hộ Ản Độ từ mấy chục năm nay vì vụ Kashmir ; bên trong thì chính quyền, quân đội và nhất là các cơ quan mật vụ (ISI, đỡ đầu bọn taliban) bị các phân tử Islam cực đoan lũng đoạn. Ben Laden có cơ sở để hi vọng là cuộc xung đột ở Afghanistan có thể lan tràn sang nước Pakistan láng giềng, dưới dạng một cuộc đảo chính hay nội chiến. Nguy cơ các phân tử Islam cực đoan có thể nắm lấy vũ khí hạt nhân tự nó là một nhân tố có thể làm thay đổi cục diện. Dầu mỏ tiềm thể là dầu mỏ Arabia Saudi. Vương triều nước này bề ngoài là một khối thống nhất bên trong là một mớ bòng bong những mâu thuẫn chính trị - tôn giáo, tranh giành bộ tộc, tham vọng cá nhân, và Ben Laden có nhiều hậu thuẫn và quan hệ ngay trong giới cầm quyền (xem cuốn sách đã dẫn của A. Adler). Bom năng lượng cộng với bom hạt nhân = ác mộng của “ bọn ngoại đạo ”.

Hãy giả sử kế hoạch Pakistan & Arabia Saudi của Ben Laden thành công : cuộc chiến tranh sẽ không còn giới hạn nào nữa. Các nước phương Tây, Ản Độ, Israel, Nga... sẽ bị kéo vào vòng chiến, rồi phản ứng đoàn kết liên Arap sẽ quét sạch

một loạt chính quyền ở Trung Đông... thậm chí ở Trung Á (Afghanistan ở sát bên 3 nước cộng hoà châu Á Hồi giáo). Ngày tận thế sẽ mở đầu bằng một cuộc chiến tranh tôn giáo!

Kịch bản ấy không phải là sản phẩm của một bộ óc cuồng điên. Nếu cuộc “thần chiến” của Ben Laden đã thất bại trước chiến lược cổ điển hơn (được triển khai rất có bài bản, phải công nhận điều này) của Mĩ, là vì 4 nhân tố chủ yếu :

* Ben Laden đã quá tin vào sự vững vàng của chế độ Taliban, còn Mĩ may mắn nhờ được Liên minh phương Bắc hoàn thành trên bộ công việc của không quân Hoa Kỳ.

* Ben Laden đã quá tin vào sự đoàn kết của các quốc gia Hồi giáo : vì quyền lợi của mình, rút cuộc Pakistan, Iran và các nước cộng hoà Trung Á (thuộc Liên Xô cũ) đã đứng về phe chống khủng bố.

* Ben Laden đã quá tin vào “phản ứng của phổ thường Arap” : ngoại trừ một vài cuộc biểu tình của phe cực đoan Islam vùng cư dân Pashtun ở Pakistan, phản ứng của dư luận Hồi giáo là thụ động, hoặc là vì không muốn Ben Laden lạm dụng Djihad, hoặc đây là dấu hiệu một sự trưởng thành ngoài ý muốn của những người nhìn đâu cũng thấy “đụng độ văn minh”.

* và sau chót, nghiêm trọng hơn cả, Ben Laden đã coi nhẹ phản ứng của Mĩ.

Đế chế phản công

Như đã nói trên, trước thách thức khủng bố chiến lược, sau ngày 11.9, nước Mĩ chỉ có thể đáp ứng bằng cuộc chiến tranh toàn thế. Tư duy phát xít trước sau như một bao giờ cũng khinh thị “những chế độ dân chủ đốn hèn”. Ở những người Islam cực đoan, sự khinh thường còn sâu sắc hơn nữa vì họ chắc chắn phương Tây suy đồi đã trở thành bất lực vì giàu sang và xa hoa. Một sai lầm to lớn mà cái giá phải trả là “vương quốc Afghanistan” từ nay bị đặt dưới sự bảo hộ của phương Tây ; Pakistan thì trở cờ ; Iran bị gạt ra ngoài lề ; Palestin bị bỏ mặc ; Irak lại bị đe dọa ; và Mĩ từ nay có mặt về quân sự ở ngay trung tâm Trung Á mười năm về trước còn là lãnh thổ Liên Xô.

Lẽ ra người ta phải hoan hỉ trước thất bại (dù tạm thời) của Al Qaeda, bởi vì giữa chủ nghĩa mê muội của toàn thống Islam và những giá trị của Tư tưởng Ánh sáng – tự do cá nhân, chính thể dân chủ, nhà nước pháp quyền, bình đẳng công dân, bảo vệ cá nhân – vấn đề chọn lựa không đặt ra... Vậy mà, một năm sau biến cố 11.9, cảm tưởng chủ đạo là ám ức và lo ngại. Mở đầu bài này, chúng tôi nói đặc trưng của một biến cố lịch sử là làm hiển hiện dòng chảy ngầm của Lịch sử. Ngày nay, ta có thể thấy rõ ý nghĩa của 11.9 không nằm trong cuộc tấn công của Al Qaeda mà ở tác động phản hồi : sự hiện hình và sự tăng cường của cái mà người ta bắt đầu gọi tên là **chủ nghĩa đơn phương của Mĩ** (cũng như trước đây, người ta tố cáo chủ nghĩa đế quốc Mĩ), tức là sự thống soái chính trị và quân sự, bất kể đồng minh, bất chấp pháp lí, chỉ biết có quyền lợi Mĩ.

Chiến lược chính trị - kinh tế - quân sự mà Mĩ đang triển khai thực ra đã bắt đầu từ ngay sau khi chiến tranh lạnh kết thúc. Chúng tôi không nói cường điệu (như A. Joxe) rằng đây là “đế chế của hỗn loạn”, một mưu đồ của nước Mĩ siêu liberal và quân sự hoá quá mức cố ý phá vỡ mọi trật tự và tổ chức trên thế giới để dễ bề trị vì⁽⁵⁾. Nhìn lại chính sách của hai nhiệm kỳ Clinton, chúng ta thấy nó khá lung tung và mâu thuẫn, bị giằng co giữa xu hướng biệt lập chủ nghĩa và chủ thuyết “enlargement” nhằm khuếch trương ra toàn cầu các

giá trị của “thế giới tự do” (xin hiểu : trong đó có cả các “giá trị” của thị trường chứng khoán). Nhưng phải nói là trong thời kì thoái trào của Nhà nước Dân tộc như cuối thế kỉ 20, bất luận một chương trình kinh tế năng động nào nhằm đưa thị trường “lên ngôi” cũng sẽ đẩy nhanh quá trình tiêu huỷ chủ quyền chính trị của các quốc gia. Và sang đầu thế kỉ 21, với Bush Jr, người của phái hữu Kitô giáo toàn thủ và giới đại công nghiệp, mục tiêu “toàn cầu hoá” rất rõ rệt : thay thế các chủ quyền chính trị bằng chủ quyền tài chính, doanh nghiệp và quân đội.

Một điều nữa cũng rõ ràng không kém : nhìn từ góc độ của Mĩ, quyền lợi của Hoa Kỳ (siêu cường duy nhất, do đó là cường quốc duy nhất có thể tung hoành) không nằm ở công pháp quốc tế, mà ở trong tình trạng bất an trên thế giới. Biến cố 11.9 đã mang lại cho êkip Bush cơ hội thuận lợi để thực hiện tư duy địa chiến lược của nó. Sau một thời gian ngắn như còn do dự (Bush nói tới cuộc đấu tranh “vì đa nguyên, khoan hoà và tự do”), đường lối chính thức của chính quyền Hoa Kỳ đã tập trung trên 3 định đề : 1) Mĩ là “tốt”, là “thiện” ; 2) “chiến tranh chống khủng bố” là cuộc đấu tranh giữa Thiện và Ác ; 3) Ai không đi với ta là chống ta. Và cứ thế mà bất chấp mọi mâu thuẫn, bất nhất trong lập trường, thí dụ như vừa tuyên chiến với các phân tử toàn thống Hồi giáo vừa ủng hộ quốc gia toàn thống cực đoan nhất là Arabia Saudi ; miệng nói công lí nhưng lại chống phá mọi cơ cấu nhằm thiết lập công pháp quốc tế (như toà án hình sự quốc tế CPI) ; lớn tiếng tố cáo các “quốc gia côn đồ” nhưng lại hành động như quốc gia côn đồ số 1 (coi khinh hội nghị thượng đỉnh Johannesburg về môi sinh, tự tiện cho mình cái quyền tiến hành chiến tranh “phòng ngừa” chống Irak...). Bị chấn thương vì cú sốc 11.9, lại thiếu kiến thức chính trị⁽⁶⁾, người dân Mĩ nghe theo chính phủ. *In God We Trust, United We Stay, Home of the Free...* những khẩu hiệu ấy được nhai đi nhai lại, quy mô có thể khác, nhưng về thực chất, có khác gì ngôn ngữ của đối phương ? Cùng một nhãn quan, cùng một não trạng : thánh chiến. Khi tổng thống Bush tố cáo “Trục của cái Ác”, “tuyên chiến” với khủng bố, và dành cho mình cái quyền muốn chụp mũ khủng bố cho ai thì chụp, muốn xếp nước vào phe “Trục” thì xếp... thử hỏi có khác gì ngôn ngữ của Al Qaeda ?

Nguyễn Quang

(1) Xem bài *Khủng bố chiến lược, năm 01 (Diễn Đàn số 111)*

(2) Trong Phật giáo chẳng hạn, cũng có vài... “Phật tử Hồ Nai” nhưng không thể tìm ra Phật tử khủng bố.

(3) Theo một cuộc thăm dò dư luận mới đây, 90 % sinh viên các trường đại học Arabia Saudi ủng hộ Ben Laden.

(4) Mỗi năm Arabia Saudi chi 10 tỉ đôla cho tuyên truyền tôn giáo.

(5) Ngân sách quân sự của Mĩ chiếm 40 % ngân sách quân sự toàn cầu, và ngang với tổng cộng ngân sách quốc gia của 10 nước giàu nhất thế giới (sau Mĩ).

(6) Kiến thức chính trị của người dân Mĩ yếu kém đến mức hãi hùng. Mùa hè vừa qua, tôi có dịp nói với một đồng nghiệp Mĩ về món nợ quốc gia khổng lồ của Mĩ, và được trả lời như thế này : “Đúng thế, nhưng đó là vì chúng tôi cho các nước nghèo vay tiền và họ quit, không trả !”

(*) Vài cuốn sách tham khảo (xuất bản năm 2002) :

Alexandre Adler, *J'ai vu finir le monde ancien*, Grasset.

Frédéric Ensel, *Géopolitique de l'Apocalypse*, Flammarion.

Alain Joxe, *L'Empire du Chaos*, La Découverte.

Abdelwahal Meddeb, *La Maladie de l'Islam*, Seuil.

Olivier Roy, *L'Islam mondialisé*, Seuil.

Tiếng còi tại Berlin

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

“...Phe áo đỏ đang dẫn 3:2... Đã đến phút 90, chỉ còn vài giây nữa là trọng tài kết thúc trận đấu, một quả tạt bóng từ cánh phải của đối phương... Hậu vệ áo đỏ Herta nhảy lên định đánh đầu phá bóng ra khỏi lần biên cuối sân trong khi thủ thành áo đỏ dậm nhào ra đón bóng ra khỏi vòng cấm địa... nhưng lỡ đà, quả đánh đầu thiếu chính xác và thiếu suy nghĩ tai ác kia đã đưa quả bóng vào khung thành của chính đội mình... một quả lọt lưới ‘phản thùng’... Tỷ số được nâng lên 3-3. Hai đội bóng đấu thêm hai hiệp phụ... vẫn bất phân thắng bại. Hai bên đi vào giai đoạn đá phạt đền luân lưu... Sau một vòng hai bên vẫn hoà tỷ số... và phải độ sức tiếp bằng những cú phạt đền tàn bạo. Cuối cùng, đúng 3:45 sáng 23.9, trọng tài thổi tiếng còi tan cuộc. Phe áo đỏ thắng trận nhưng ngỡ ngàng không biết mộng hay thực... Phe áo đen nằm dài trên sân cỏ, khóc tức tưởi...”. Không, phóng sự này không phải là bình luận về một trận bóng đá mà về cuộc tranh cử và kiểm phiếu trong cuộc bầu cử Quốc hội Đức ngày 22.9 vừa qua.

Nhân dân và chính phủ

Cứ bốn năm một lần, khoảng 60 triệu cử tri người Đức đi bầu Quốc hội. Họ lựa chọn các chính đảng đại diện khuynh hướng chính trị và quyền lợi của mình vào cơ quan lập pháp của Đức. Trong Quốc hội, đảng nào hay liên minh các đảng nào chiếm đa số tuyệt đối sẽ được cử Thủ Tướng (Bundeskanzler) nắm quyền hành pháp. Khác với các nước khác theo tổng thống chế, Thủ Tướng là kẻ có quyền lực chính trị cao nhất tại Đức.

Đã hơn nửa thế kỷ, từ ngày thành lập Cộng Hòa Liên Bang Đức đến nay, cũng như từ ngày thống nhất nước Đức cách đây 12 năm, nước Đức chỉ có hai đảng lớn. Một bên là đảng Dân chủ Xã hội (SPD) mà màu sắc truyền thống của họ là màu đỏ, màu được xem là của “cánh tả”. Bên “cánh hữu” là đảng Dân chủ Thiên chúa giáo (CDU) và đảng Xã hội Thiên chúa giáo (CSU, tiểu bang Bayern) với màu đen cổ hữu, màu áo choàng của các vị tu sĩ khả kính. Hai đảng phái đó tranh nhau quyết liệt quyền lực chính trị, thay nhau nắm quyền hành pháp trong những thập niên vừa qua. Thế nhưng, không đảng nào trong hai chính đảng đó chiếm số phiếu đa số tuyệt đối, tỷ lệ phiếu bầu cao nhất của họ nằm khoảng trên dưới 40%. Khe hở khoảng 20% còn lại được chia cho các đảng nhỏ, đó là các đảng Dân chủ tự do (FDP), đảng Xanh (Gruen) và từ 10 năm qua, đảng Xã hội chủ nghĩa Dân chủ (PDS), một hậu thân của đảng cộng sản ở Đông Đức cũ. Mỗi đảng nhỏ này chiếm không quá 10% số phiếu cử tri – PDS lại càng ít hơn – nhưng chính là kẻ liên minh với hai đảng lớn kia để chiếm đa số trong Quốc hội và nắm quyền hành pháp.

Vị thủ tướng Đức được nhiều người biết đến là Helmut Kohl. Ông là người của CDU và giữ chức vụ thủ tướng 16 năm liền. Năm 1998, Helmut Kohl thất cử và người thay thế là Schroeder thuộc SPD. Trong nhiệm kỳ vừa qua, SPD liên minh với đảng Xanh để nắm quyền lãnh đạo. Ngày 22.9.2002 vừa qua, cuộc bầu cử Quốc Hội lại được tổ chức sau bốn năm của

chính phủ Schroeder. Người ta đã đoán trước đoạn cuối của cuộc tranh cử sẽ hết sức sôi động và quyết liệt. Kết quả bầu cử sẽ rất sát nút, không phải chỗ ngồi chơi cho những kẻ yếu tim. Quả nhiên như vậy. Thực tế cho thấy chính trị có thể gây hồi hộp ngàn lần hơn bóng đá và những chính khách đạo mạo trong chính trường cũng chỉ là những con người, không khác gì lắm những cầu thủ trên sân cỏ.

May mắn và rủi ro

Theo đúng lý, Schroeder phải thất cử. Năm 1998, trong cuộc tranh cử chống Kohl, ông lớn tiếng tuyên bố: “*Hãy đo lường năng lực của tôi bằng con số thất nghiệp được giảm thiểu*”. Thế nhưng sau bốn năm cầm quyền của ông, con số thất nghiệp không giảm xuống 3,5 triệu người như Schroeder hứa mà vẫn ở mức 4,0 triệu. Đó phải là một bằng chứng tuyệt diệu cho Stoiber, ứng cử viên của (CDU/CSU) trong cuộc bầu cử năm nay. Stoiber được xem là cánh hữu của phe hữu CDU/CSU nên tại Đức, ông dễ bị gán là con người “cực hữu”. Stoiber, thủ tướng tiểu bang Bayern, vốn là một nhà chính trị lão luyện và khéo sử dụng những chính sách có tính mị dân. Ông chiếm được niềm tin của dân chúng vùng Nam Đức, vốn có khuynh hướng bảo thủ nhưng ông không gây cảm tình được nhiều trong vùng Bắc Đức, là vùng truyền thống của công nghiệp Đức với tính chất của công nhân. Thế nhưng sự yếu kém của chính phủ Schroeder trong kinh tế, tài chính và chính sách giải quyết nạn thất nghiệp đã quá rõ ràng. Càng gần ngày bầu cử, con số thất nghiệp càng tăng. Do đó khoảng 8 tuần trước ngày bầu cử, kết quả thăm dò cho thấy CDU/CSU sẽ thắng lớn. Viễn tượng một chính phủ phe hữu của Stoiber đang trở thành sự thật, những khuôn mặt của một nội các Stoiber dần dần hình thành. Trong ê-kíp đó của Stoiber người ta để ý đến hậu vệ Beckstein, kẻ sẵn sàng chém đinh chặt sắt, không cho ai vào vòng cấm địa của mình. Ông sẽ trở thành bộ trưởng nội vụ và sẽ ban bố một chính sách nhập cư hết sức hà khắc chống lại người nước ngoài.

May thay cho Schroeder, phe cánh tả và người nước ngoài, trận lũ lụt của thế kỷ xảy ra trong tháng 8 tại các vùng Đông Đức, 6 tuần trước ngày bầu cử. Schroeder và các thành viên trong chính phủ liên hiệp SPD/Xanh sẵn tay áo lên và hăng say đem công quỹ ra cứu giúp người bị nạn. Thành công của đảng cầm quyền không phải chỉ là phát tiền cho nhân dân gặp nạn – điều đó quá dễ – mà họ chứng tỏ có khả năng đối phó với một cuộc khủng hoảng. Trong những ngày đó truyền hình chỉ liên tục chiếu cảnh nước lụt bao la và khả năng ứng phó của Nhà nước. Người ta sớm quên chuyện thất nghiệp và bắt đầu nhớ ra rằng, vấn đề bảo vệ môi trường mà đảng Xanh chủ trương xem ra quan trọng thật. Kết quả thăm dò cho thấy phiếu của SPD, đảng Xanh và uy tín của Schroeder lại lên.

Thế nhưng nước lụt không chịu ở lâu, nó cũng phải rút. Schroeder lại bí đề tài. Đúng lúc đó thì tổng thống Mỹ đòi tấn công Irak. Schroeder chộp đúng đề tài này và đưa ra một chủ trương hết sức đơn giản: Đức sẽ không tham chiến, dù Mỹ hay Liên Hiệp quốc đề xuất. Ông bắt đúng mạch của người Đức đang ngán ngẩm một cuộc chiến tranh đổ máu. Chỉ với một chủ trương cụ thể, trong một sớm một chiều, Schroeder bỗng trở thành con người của hoà bình, chiếm luôn phiếu của PDS, vốn nằm bên tả của SPD. Đường bóng ngoạn mục của Schroeder là ở chỗ, không ai đòi Đức tham chiến cả, Mỹ cũng không mà Liên Hiệp Quốc thì càng không, ông chỉ dựng lên một giả định và đưa một giải pháp. Không ai đòi Đức tham chiến cả, lý do đơn giản là Đức đâu có quân đội tác chiến, lính

dầu mà đánh. Thế nhưng mấy người Đức biết được điều đó, họ chỉ muốn nghe một chủ trương dứt khoát, có tính chất của một công thức đóng khung. Nơi đây, ta thấy nghệ thuật của chính trị, biết tạo nên vấn đề giả. Ngoài ra ta phải công bằng thấy rằng, chủ trương này chứa đựng một yếu tố mỉa dân.

Mùa lũ và Irak đã cứu Schroeder vào giờ chót. Kết quả thăm dò cho thấy phiếu của liên minh SPD/Xanh sẽ vượt trội cánh hữu. Thế nhưng chính sách Irak của Schroeder có một hiệu ứng phụ, nó sinh ra một đầu óc chống Mỹ cực đoan trong cánh tả. Stiegler, chủ tịch khối SPD trong Quốc hội ví thái độ trịch thượng của Bush như đại đế Cesar của La Mã thời xưa. Và, nguy hơn, chỉ ba ngày trước bầu cử, phút thứ 90 của trận đấu, bà Herta Daeubler-Gmelin, bộ trưởng bộ tư pháp, ví chính sách Irak của Bush cũng như chủ trương đối ngoại của Hitler, chẳng qua là để đánh lạc hướng dư luận của nhân dân trước các khó khăn nội bộ. Đây chính là “ hậu vệ áo đỏ Herta ” nói ở đầu bài này. Người ta không thể hiểu một chính khách dày dặn 59 tuổi như Daeubler-Gmelin lại có thể làm một lỗi lầm khủng khiếp như thế. Phe Stoiber được hưởng một cơ hội có một không hai, vì trong hai ngày cuối cùng trước bầu cử, không còn đề tài kích động nào khác hơn ngoài đề tài này. Họ nhắc lại “ công ơn ” của Mỹ đã giải phóng và cứu vớt Đức, lẽ nào “ nay lại vô ơn bạc nghĩa ”... Và chính phủ Mỹ, vốn đã bực Schroeder trong mấy tuần vừa qua, nay càng ra sức ủng hộ Stoiber bằng cách nói rằng quan hệ giữa hai nước vì Schroeder mà “ bị nhiễm độc ”. Chưa bao giờ một nước nào lại can thiệp thô bạo vào một cuộc bầu cử tại Đức như vậy.

Vinh quang và ê chề

Daeubler-Gmelin đã vô tình đưa bóng vào *gôn* nhà và kết quả thăm dò cho thấy SPD mất phiếu, bây giờ hai chính đảng chiếm phiếu ngang nhau. Ngày 22.9 vừa qua là một ngày chủ nhật đặc biệt của Đức, ngày bầu cử gay go nhất trong lịch sử dài hơn 50 năm của Đức. Trong số những người ngồi trước truyền hình trực tiếp theo dõi kết quả hẳn rất nhiều người nước ngoài, kể cả người Việt Nam. Chưa bao giờ họ cảm thấy “ vận mệnh ” của mình lại gắn liền với cuộc bầu cử của Đức như lần này. Vì sự vận động khốc liệt của hai bên, vì các biện pháp của các cơ quan truyền thông, vì bản thân của con người hai ứng cử viên Schroeder và Stoiber, tính chất quan trọng nhất của cuộc bầu cử này là mức cảm tính cao độ. Cử tri và người quan sát đường như không thể có thái độ khách quan, người ta phải yêu hay ghét một phía nhất định.

Nếu trong các cuộc bầu cử khác, người ta chỉ cần hơn 30 phút là dự đoán chính xác được kết quả bầu cử thì lần này hoàn toàn khác. Vì kết quả bầu cử quá sát nút, mỗi viện tính toán lại cho những kết quả tiên đoán khác nhau, chúng thay đổi theo từng giờ phút trong buổi tối lịch sử đó. Tuy giờ tuy phút mà phe “ áo đỏ ” hay “ áo đen ” đang dẫn đầu trận đấu. Có những chai sâm-banh vừa mở ăn mừng nhưng chưa kịp tan bọt đã bị dẹp qua một bên. Phóng viên viết bài cho báo mình phải sửa đi sửa lại 5,6 lần. Và khán giả vốn hồi hộp và mang lòng yêu ghét từ mấy tháng nay thì sao ? Có kẻ yếu tim tắt máy không dám xem, có kẻ cầu Phật, có người cầu Allah, có kẻ cầu Chúa.

Cuối cùng dường như Chúa cũng không thể ưa nổi Beckstein, kẻ tự nhận mang từ “ C ” (Christ) trong danh tính đảng mình nhưng không mấy coi trọng giá trị bác ái của C. Phe tả thắng lợi sau 9 giờ kiểm phiếu, hầu như người ta phải đếm đến những lá phiếu cuối cùng. Thế nhưng họ thắng trong

một tỉ số hết sức mong manh : chỉ có 4 đại biểu quá bán trong tổng cộng 603 vị đại biểu Quốc hội. Cả phe SPD lẫn CDU/CSU chiếm đúng 38,5 %, chính xác là phe SPD hơn được 8 864 phiếu trong khoảng 18,5 triệu phiếu của mỗi bên. Đảng Xanh thắng lợi rực rỡ, họ là kẻ liên minh và giúp Schroeder nắm được chính quyền. Đảng FDP, kẻ định liên hiệp với phe CDU/CSU, thất bại nặng nề vì trong lãnh đạo FDP có kẻ dám lên án chính sách của Do Thái. Và cuối cùng, đảng xã hội Đức PDS không đủ mức 5% để vào Quốc Hội, dường như ngày tàn của họ đã điểm.

Phe tả thắng lợi và trong đó có những chính khách thắng thần thú nhận là bàng hoàng không biết mộng hay thực. Schroeder thành lập chính phủ mới trong một khung cảnh đầy những vấn đề nan giải của kinh tế và xã hội. Thế nhưng làm chính trị là đối phó với vấn đề, điều đó không hề làm Schroeder hoảng sợ. Thế nên ông có một nụ cười thoải mái của một kẻ thắng trận, có cái sung sướng của một kẻ như trở về từ địa ngục. Và Stoiber thì sao ? Đó là sự ê chề được giấu sau một bộ mặt làm ra thắng lợi và nơi đây người ta biết rằng, khác với cầu thủ bóng đá, sau khi trận đấu chấm dứt, chính khách vẫn còn đóng kịch. Hơn thế nữa, cầu thủ bóng đá biết bắt tay nhau sau tiếng còi tan cuộc. Còn Stoiber thì không có một lời chúc mừng với kẻ thắng trận, một động tác phải làm dù bất đắc dĩ nhưng đây vẫn hoá mà trước ông, ai cũng đã làm. Ông đã quên điều đó và dư luận đã ghi nhận thái độ này.

Đổ vỡ và hàn gắn

Có một nhân vật quan trọng khác cũng không chịu chúc mừng Schroeder. Đó là Bush, Tổng thống Mỹ. Vị chính khách này vẫn còn giận giữ vì những lời so sánh thô bạo của Daeubler-Gmelin. Trước ngày bầu cử Schroeder đã viết thư xin lỗi nhưng Tổng thống của quốc gia hùng mạnh nhất thế giới không chịu xuống nước. Phải chăng Bush đang nghĩ rằng, cả thế giới đang qui phục mình – trừ Irak – thì lời xin lỗi của Schroeder chưa đủ để ông nguôi giận ? Thật ra, lý do đích thực là, chính sách Irak của Schroeder đã gây phiền hà cho Bush. Nó làm cho các nước khác như Nga, Pháp tỏ ra “ cứng đầu ” hơn với Mỹ. Nó làm cho Liên Hiệp Quốc cũng muốn có một giải pháp hoà hoãn với Irak. Thậm chí nó làm cho nhiều người trong nội bộ nước Mỹ không nhất trí với Bush nữa.

Thế nhưng quan hệ giữa Đức và Mỹ quá quan trọng để cả hai bên không thể không làm lành với nhau. Daeubler-Gmelin sẽ không vào nội các của Schroeder, đó là một điều hiển nhiên. Có lẽ Schroeder sẽ dần dần đổi thái độ sau khi Tony Blair, Thủ tướng Anh, nêu các bằng chứng về mối nguy Irak. May cho Schroeder là có Tony Blair, một nhân vật của đảng Xã hội và đồng thời là đồng minh thân cận nhất của Bush. Vài ngày sau khi đắc cử Schroeder đã đi Anh gặp Tony Blair. Con đường từ Berlin đi London tuy ngắn nhưng đã nửa đường dẫn đến Washington.

Cuối cùng thì các chính khách cũng bắt tay nhau hoà hoãn nhưng trong thâm tâm, họ cũng như các cầu thủ bóng đá, biết liên hiệp, lập đồng minh nhưng vẫn giữ tất cả tình cảm yêu ghét của mọi con người. Sự đổ vỡ giữa hai cá nhân Bush-Schroeder sẽ vô phương cứu chữa nhưng giữa hai đồng minh Đức-Mỹ sẽ được hàn gắn nhanh chóng.

Cộng hoà Liên bang Đức, 24.09.2002

Nguyễn Tường Bách

TIN TỨC

Thủ tướng Phan Văn Khải thăm châu Âu

Từ ngày 20 đến 27.9.2002, thủ tướng Phan Văn Khải đã tham dự hội nghị cấp cao Á - Âu lần thứ tư (ASEM IV), họp trong hai ngày 23-24.9 tại Copenhagen, Đan Mạch; thăm hữu nghị chính thức các nước Iceland, Luxembourg, Bỉ và Ủy ban Châu Âu (EC). Ngoài cương vị thủ tướng chính phủ VN, lần này ông Khải cũng tham dự ASEM IV với tư cách là điều phối viên châu Á trong ASEM, cương vị mà ông đảm nhận từ sau ASEM III (tháng 10.2000), cho tới ASEM V, sẽ được tổ chức tại Hà Nội trong năm 2004. ASEM có 25 nước thành viên (15 nước thành viên EC, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc và 7 nước trong ASEAN - trừ Cam Bốt, Lào và Miến Điện).

Ngoài các vấn đề hợp tác kinh tế, các vị nguyên thủ Á - Âu đã thảo luận về tình hình thế giới sau biến cố 11.9.2001. Bản tuyên bố chung nêu lên khủng bố là một mối đe dọa nghiêm trọng đối với hoà bình thế giới, nhưng cũng vạch rõ công cuộc chống khủng bố “*phải được đặt trên cơ sở các nguyên tắc của Liên hiệp quốc và những chuẩn mực của công pháp quốc tế*”. Bản tuyên bố không nêu tên nước Iraq. Cũng không nêu yêu cầu mọi hành động chống khủng bố phải không được vi phạm các quyền con người. Yêu cầu này có trong bản thảo, nhưng đã không còn trong bản cuối cùng của Tuyên bố.

Thiết lập quan hệ ngoại giao từ tháng 11/1990, Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EU) đã ký Hiệp định khung về hợp tác, có hiệu lực từ ngày 1/6/1996, tạo nhiều thuận lợi cho các sản phẩm của Việt Nam tiếp cận thị trường EU. Hai bên cũng đã ký nhiều hiệp định riêng rẽ, mở rộng biên độ quota cho hàng dệt, may của Việt Nam xuất sang thị trường EU.

Ủy ban châu Âu (EC) cũng đã thông qua đề án chiến lược 5 năm về viện trợ tài chính cho Việt Nam (2002-2006), nhằm tạo thuận lợi và đẩy nhanh chương trình xóa nghèo một cách bền vững. Hai lĩnh vực được nhấn mạnh trong chiến lược 5 năm là tăng cường phát triển con người và sự hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. EC là bạn hàng lớn nhất của VN (với 6 tỉ USD đầu tư), đồng thời cũng là nhà tài trợ lớn của VN (2,3 tỉ euro).

(Theo TTXVN 20.9, AP 23.9 và Lao Động 28.9)

Hiệp định biên giới Việt Trung

Trước sức ép của dư luận trong và ngoài nước, chính quyền VN đã công bố toàn văn bản hiệp định biên giới đất liền giữa hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Bản hiệp định được đăng trên trang Chính trị, báo Nhân Dân điện tử số ra ngày 30.8.2002, không kèm theo bản đồ. Địa chỉ :

<http://www.nhandan.org/vietnamese/20020830/tr-chinhtri.html>

Ông Lê Công Phụng, thứ trưởng ngoại giao kiêm trưởng ban biên giới, cũng đã trở lại một số vấn đề liên quan đến cuộc đàm phán và ký kết hiệp định, trong một bài trả lời phỏng vấn trên Nhân Dân điện tử số ra ngày 13.9 :

<http://www.nhandan.org/vietnamese/20020913/bai-tsdem13a.html>

Bài này cũng được truyền lại như một bài trả lời phỏng vấn của VN Thông tấn xã ngày 17.9, và được các báo mạng VnExpress, Lao Động điện tử... đăng lại.

Diễn Đàn sẽ trở lại vấn đề này trong một số tới.

Ngoài ra, theo Tân Hoa xã ngày 24.8, trong hai ngày 22-23.8, hai nước đã tiến hành vòng đàm phán thứ 9 về vấn đề biên giới. Hai bên đồng ý đẩy mạnh các cuộc thương lượng để sớm hoàn thành Hiệp định về hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc bộ. Hiện nay, VN chưa thông qua Hiệp định về phân định Vịnh Bắc bộ, chính cũng vì hai bên chưa thoả thuận được hiệp định về đánh cá.

Lũ lụt tiếp tục tàn phá

Mùa lũ đặc biệt nghiêm trọng năm nay (xem Diễn Đàn số trước) vẫn tiếp tục sức tàn phá ở cả đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Trung.

Theo Trung tâm quốc gia dự báo khí tượng thuỷ văn, ngày 30.9 mực nước cả trên sông Tiền (tại Tân Châu) và sông Hậu (tại Châu Đốc) đã vượt trên mức báo động ba, cao hơn đỉnh lũ năm 2001 và tiếp tục dâng cao cho tới giữa tháng 10, có thể lên tới mức tương đương với đỉnh lũ năm 1996.

Theo Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão trung ương, đến cuối tháng 9, lũ đã làm 88 người chết, trong đó có 82 trẻ em. Cùng kỳ năm ngoái, số người chết là 185. Hiện nay, đã có hơn 15.280 hộ gia đình được di dời vào các cụm tuyến dân cư tránh ở miền Trung, trong các ngày 17-22/9, do mưa lớn tập trung trong thời gian ngắn trên toàn bộ lưu vực hai hệ thống sông La và Cả (trong hai tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An) nên đã xảy ra lũ lớn.

Số người thiệt mạng lên đến 44 người (33 ở Hà Tĩnh và 11 ở Nghệ An), 24 người bị thương và gần 60.000 nhà dân đã bị chìm sâu trong lũ. Hàng nghìn hộ dân đang sống trong cảnh màn trời chiếu đất vì lũ lên bất ngờ. Việc cứu trợ gặp rất nhiều khó khăn vì các xã bị ngập lại nằm ở vùng xa, địa bàn cách trở. Hàng chục ngàn ha lúa bị ngập, cả ngàn con trâu bò bị cuốn trôi. Thiệt hại vật chất ước tính lên tới 300 tỉ đồng ở Hà Tĩnh và 115 tỉ đồng ở Nghệ An. (tin VnExpress cho tới ngày 30.9)

Bậc tiểu học : Chỉ 2,8 % kinh phí được chi cho dạy, học

Theo kết quả khảo sát của các chuyên gia thuộc dự án Hỗ trợ bộ GD-ĐT do Cộng đồng châu Âu (EC) tài trợ, ở các trường tiểu học hiện nay, bình quân chỉ có 2,8 % tổng kinh phí chi trực tiếp cho hoạt động dạy và học, trong khi số tiền chi cho nhân lực (lương và phụ cấp), cho công tác hành chính và quản lý chiếm đến 96,3%.

Các chuyên gia này cho biết, ở các vùng trung du, miền núi, vùng cao và hải đảo, tỷ lệ này càng thấp. Trong các vùng xa xôi này, tỷ lệ chi trực tiếp cho dạy và học chỉ bằng 0,4 %.

Còn 99,6% kinh phí được dành cho nhân lực, công tác quản lý và hành chính ! Tỷ lệ tương ứng bình quân trong cả nước ở bậc trung học cơ sở (THCS) là 3,8 % và 94,3 %.

Cũng theo kết quả khảo sát nói trên, khoản đóng góp của phụ huynh đối với một học sinh (HS) tiểu học (chưa kể tiền góp quỹ hội phụ huynh, đồng phục, sách vở, đi lại...) bình quân hiện nay là 119.200 đồng/HS, chiếm 21,4% trong tổng thu của nhà trường; bậc THCS bình quân là 112.100 đồng/HS, chiếm 18,4% tổng thu của trường.

Xin đọc thêm hồ sơ giáo dục trong số này, từ trang 19.

(Theo Tuổi Trẻ 15.9)

Đầu tư cho giáo dục

Theo thứ trưởng bộ Giáo dục - Đào tạo Lê Vũ Hùng, để nâng cao năng lực cho các trường đại học, Chính phủ đã đồng ý từ nay đến năm 2010 đầu tư 200 triệu USD cho 10 trường đại học trọng điểm trong cả nước. Số tiền này không nằm trong ngân sách chi hằng năm dành cho giáo dục mà được coi là vốn đầu tư phát triển của đất nước.

Ngoài ra, để thực hiện đề án xoá phòng học tranh tre nứa lá, bộ GD-ĐT đang xây dựng đề án vay vốn WB trị giá 150 triệu USD, trong đó 50 triệu USD không lãi, 100 triệu USD vay với lãi suất ưu đãi. 80% số kinh phí này sẽ được ưu tiên cho các địa phương khó khăn để xoá phòng học ba ca trong năm 2003.

Cũng theo bộ GD-ĐT, thủ tướng đã ký quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Đại học Quốc gia Hà Nội trong khu vực các đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hòa Lạc - Sơn Tây. Khu Đại học này rộng 1 000 ha, cách Hà Nội 30 km. Dự kiến, đến năm 2010, quy mô đào tạo tại địa điểm mới này là 35 000 sinh viên, đến 2020 là 41 000 sinh viên.

Không gian xibe... vẫn mít đặc

Tiếp theo một loạt những biện pháp nhằm kiểm soát hoạt động Internet, mà Diễn Đàn đã đưa tin trong số trước (xem bài *Không gian xibe... mít đặc* của Hàn Thủy), đảng CSVN đã chính thức hoá việc giao quyền kiểm soát Internet cho ban “ Văn hoá tư tưởng ” bằng việc tổ chức một “ *hội nghị về báo điện tử và mạng internet Việt Nam* ” ở Hà Nội ngày 18.9.

Ông Nguyễn Khoa Diễm, ủy viên bộ Chính trị, bí thư TƯ đảng, trưởng ban Tư tưởng Văn hóa TƯ, đã nhấn mạnh tại hội nghị khía cạnh “ *là phương tiện hữu hiệu trong việc thông tin phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước* ” của Internet và báo điện tử, và từ đó, yêu cầu nâng cao “ *công tác lãnh đạo, quản lý đối với loại hình báo chí mới này*”.

Theo ông, “ *Việc quản lý báo điện tử và internet thời gian qua còn lúng túng, bất cập, nhất là đối với mạng lưới đại lý internet công cộng.*” Và “ *cần nhanh chóng bổ sung, hoàn chỉnh pháp luật về lĩnh vực mới mẻ này.*”

Người ta hiểu hơn tại sao đã có một đợt “ thanh tra hoạt động của các đại lý Internet trên địa bàn toàn quốc ” trong tháng 8 vừa qua, do ban thanh tra bộ văn hoá - thông tin tiến hành. Sau đó, một quan chức cao cấp của bộ, ông Phan An Sa, trưởng đoàn thanh tra, trong một bài trả lời báo mạng VnExpress (22.8), đã có một câu xanh rờn về kiến nghị mà

ông ta dự định sẽ trình lên chính phủ về các đại lý Internet : “ (các đại lý internet phải có) *địa điểm xa trường học...* ”. Không biết lúc đó ông Sa có đang nghĩ tới những cơ sở “văn hoá” kiểu karaoke mà bộ ông có nhiệm vụ quản lý ?

Doanh nghiệp : phí công đoàn

Theo báo Sài Gòn Doanh Nhân, bộ thương mại đã trình với chính phủ đề nghị giảm phí công đoàn cho những doanh nghiệp từ mức 2 % trên tổng quỹ lương xuống còn 0,5 % trên tiền lương hợp đồng. Biện pháp này nhằm giảm giá thành sản phẩm đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho những doanh nghiệp Việt Nam.

Kết quả của một cuộc khảo sát cho thấy giá lao động tại Việt Nam trong năm qua đã tăng hơn 25 %, trong khi ở những nước khác của khối ASEAN giá lao động không tăng, thậm chí còn giảm. Lương trung bình của một công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh là 120 USD/tháng, tăng 30 USD so với năm 2001 ; tại Hà Nội, là 95 USD/tháng, tăng 2 USD. Chẳng hạn, cước vận chuyển hàng hoá từ Việt Nam đến cảng Yokohama ở Nhật Bản đang ở mức giá cao nhất trong khu vực Châu Á : 1 500 USD/container loại 40 feet trong năm 2001, tăng 100 USD so với năm 2000. Trong khi giá vận chuyển container cùng loại từ Bangkok đến cùng cảng chỉ là 1 350 USD. Ngoài những chênh lệch về giá điện, cước điện thoại, phí lưu kho hay phí cầu đường thì phí công đoàn hiện là một gánh nặng cho các doanh nghiệp, làm suy giảm sức cạnh tranh của doanh nhân Việt Nam. Vấn đề đặc biệt đặt ra cho những ngành sử dụng nhiều lao động như ngành may, nơi tiền lương chiếm từ 50 đến 70 % của giá gia công. Chưa kể nhiều bất hợp lý mà giới doanh nhân đã nêu lên :

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được miễn nộp phí công đoàn, trong khi các doanh nghiệp trong nước lại bị thu là một sự bất bình đẳng ;

- Công đoàn vốn là một tổ chức tự nguyện cho nên không thể áp đặt cho doanh nghiệp một khoản thu 2% trên quỹ lương của toàn thể công nhân, kể cả những người không gia nhập công đoàn ;

- Công đoàn cơ sở có quỹ do đoàn viên đóng góp để hoạt động, phí công đoàn do doanh nghiệp đóng góp là cho công đoàn cấp trên, nhưng việc sử dụng nguồn thu đó không được báo cáo công khai. [Sài Gòn Doanh Nhân 14.8.02]

Trên Libye nhưng dưới Siemens

Tổ chức Diễn đàn Liên hiệp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD) vừa công bố một bảng xếp hạng 100 ‘thực thể kinh tế’ lớn nhất thế giới bao gồm các nước và các doanh nghiệp. Các nước được UNCTAD đánh giá căn cứ trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP), còn các doanh nghiệp thì đánh giá dựa theo giá trị gia tăng, tức tổng cộng của tiền lương, lợi nhuận, khấu hao và thuế do doanh nghiệp tạo ra. Theo phương thức xếp hạng này, ba nước Hoa Kỳ (9 810 tỉ USD), Nhật, Đức đứng đầu bảng, Trung Quốc ở hạng thứ 6. Song có đến 29 trong tổng số 100 thực thể kinh tế được xếp hạng là những doanh nghiệp.

Tập đoàn có giá trị gia tăng lớn nhất là công ty dầu khí Exxon Mobil (63 tỉ USD) xuất hiện ở hạng 45 vượt GDP của Pakistan (hạng 46). Công ty ô-tô General Motors (hạng 47) giàu hơn

Pêru. Nigeria (hạng 57) đứng giữa công ty ô-tô Daimler Chrysler và công ty điện tử General Electric. Công ty thuốc lá Philp Morris đứng ngang hàng với Tunisie. Việt Nam được xếp hàng 66, trước Lybie nhưng sau công ty điện tử Siemens.

UNCTAD cho biết mục đích của bảng xếp hạng này là mang thông tin đến cho cuộc tranh luận về tương quan lực lượng giữa các quốc gia và các doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá. Tổ chức của Liên hiệp quốc còn nhận xét : “ *Nhìn chung các công ty hàng đầu đang tăng trưởng với một tốc độ nhanh hơn các nước* ”. [Tuổi Trẻ 15.8.02]

Vụ án Năm Cam

Theo báo Lao Động ngày 21.9, ông Bùi Hoàng Danh - thẩm phán, phó chánh án Tòa án Nhân dân TPHCM - sẽ chủ tọa phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Năm Cam. Ông Danh đã từng chủ tọa xét xử nhiều vụ án lớn như Tamexco, Tân Trường Sanh... Dự kiến, phiên tòa sẽ bắt đầu vào tháng 11.2002 và sẽ kéo dài trong 3 tháng. Các cơ quan tố tụng trung ương đã nghe Ban chuyên án báo cáo chi tiết kết quả điều tra, và xem xét sai phạm của một số cán bộ nhà nước liên quan đến vụ án. Khoảng hơn 150 bị can có thể phải ra tòa trong đợt này, với hàng chục tội danh khác nhau.

Mấy tháng qua, vụ Năm Cam (xem Diễn Đàn các số 117, 119) vẫn tiếp tục gây chấn động trong hàng ngũ những người mà nhiệm vụ chính là giữ gìn an ninh và trật tự xã hội ! Danh sách những quan chức trong bộ máy công an và “công lý” bị cách chức, khai trừ, đình chỉ công tác để kiểm điểm..., thậm chí bị bắt giam, có thêm các ông : Nguyễn Văn Thành, viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân quận 4 ; trung tá Phan Văn Nguyên, trưởng CA quận 8 ; trung tá Nguyễn Xuân Điều, nguyên phó trưởng CA quận 4 ; đại tá Thân Thành Huyện, phó giám đốc Công an TP HCM (khai trừ đảng, bãi nhiệm tư cách đại biểu hội đồng nhân dân)...

Hồng y F.-X. Nguyễn Văn Thuận từ trần

Hồng y François-Xavier Nguyễn Văn Thuận đã từ trần vì bệnh ung thư tại Roma ngày 16.9.2002, thọ 74 tuổi.

Ông sinh năm 1928 tại Huế, con của bà Ngô Thị Hiệp (chị cả của ông Ngô Đình Diệm). Thụ phong linh mục năm 1953, được Hội truyền giáo Paris gửi sang Roma học giáo luật năm 1956. 1959 về nước, dạy chủng viện Huế, 1967 thụ phong giám mục Nha Trang, 1971 chủ tịch Ủy ban Truyền thông xã hội và Ủy ban phát triển của Hội đồng giám mục miền Nam.

Một tuần trước ngày giải phóng Sài Gòn (23.4.1975), do sự vận động tích cực của Lemaitre, khâm mạng của Tòa thánh tại Sài Gòn, ông Nguyễn Văn Thuận được phong làm phó tổng giám mục Sài Gòn với quyền kế vị tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Việc này đã gây phẫn nộ trong giáo dân và linh mục tiến bộ vốn dị ứng với lập trường chống cộng cực đoan của đại diện Vatican, coi quyết định này, với nguồn gốc xuất thân của GM. Thuận (gia đình Ngô Đình Diệm) là một sự khiêu khích đối với phía cách mạng cũng như đối với dư luận Phật giáo. Sau ngày 30.4, chính quyền mới không thừa nhận việc phong chức kiểu “cà cưỡng” của khâm mạng Lemaitre, trục xuất ông này khỏi Việt Nam, dẫn độ giám mục Thuận về Nha Trang. Bắt đầu một cuộc tranh chấp căng thẳng giữa chính

quyền Việt Nam và giáo hội Vatican : giám mục Thuận bị giam tù và quản chế trong 13 năm.

Năm 1989 ông sang Úc thăm mẹ già, trở về phát bệnh nặng, năm 1991 qua Roma chữa bệnh. Theo những nguồn tin Công giáo, ông bị chính quyền Việt Nam không cấp visa về nước. Chỉ biết từ đó, giám mục sống ở Roma : ông được giáo hoàng Jean-Paul II cử làm phó chủ tịch (1994) rồi chủ tịch (1998) Hội đồng Tòa Thánh về Công lý và Hoà bình ; phong chức hồng y (2.2001). Vài tháng sau, hồng y Thuận bị ung thư, bị mổ nhiều lần.

[Theo thông tin viên của chúng tôi ở Roma, cách đây vài tháng, em trai của hồng y, ông Nguyễn Văn Tuyên, đã từ trần tại Houston, Texas. Ông Tuyên sống độc thân sau khi li dị, chết đơn độc không ai hay. Nhiều ngày sau, bạn bè mới phát hiện khi thấy đàn quạ bay vùn vụt trên nóc nhà].

Nhà vệ sinh công cộng : vừa thừa, vừa thiếu

Ông Nguyễn Bá Dũng, trưởng phòng Quản lý môi trường TP HCM, nhận xét: “ *Với khoảng 80 nhà vệ sinh công cộng như hiện nay thì chưa đủ đáp ứng nhu cầu của 7 triệu người dân thành phố và khách vắng lai* ”.

Suốt tuyến đường Điện Biên Phủ kéo dài đến ngã tư Hàng Xanh, nơi có mật độ người qua lại khá cao nhưng không hề có một nhà vệ sinh công cộng nào. Chính vì thế, cảnh tùy tiện “trút bầu tâm sự” đã rất quen thuộc đối với những ai thường xuyên đi trên con đường này. Một số tuyến trung tâm như Võ Văn Tần, Pasteur... cũng xảy ra tình trạng trên.

Trong khi đó một số nhà vệ sinh công cộng lại vắng khách... Ngoài sự phân bố chưa hợp lý (chỉ đường Lý Thái Tổ mà có đến 3 nhà vệ sinh), nguyên nhân còn do sự xuống cấp và tệ nạn xã hội phát sinh trong nhà vệ sinh làm cho người dân cảm thấy ngán ngẩm khi bước vào. Người đi vệ sinh vẫn phải lo canh cánh trông nom xe cộ của mình.

Nhà vệ sinh tại Công viên 23/9 treo tấm biển cảnh cáo ngay phía trước với nội dung “ *nghiêm cấm sử dụng các chất ma túy* ”, nhưng trong thùng rác ở đây lại đầy những ống tiêm chích...

Từ trước đến nay, việc lắp đặt nhà vệ sinh công cộng chưa mang tính quy hoạch đồng bộ. Theo ông Nguyễn Bá Dũng, “ *Nguyên nhân chính làm cho việc đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng chưa mang lại hiệu quả cao là do thành phố chưa quy hoạch các địa điểm* ”. Năm 2000, công ty Môi trường đô thị đã lập đề cương dự án “ Quy hoạch phát triển hệ thống nhà vệ sinh công cộng ” trình lên thành phố nhưng dự án không được phê duyệt, vì theo sơ Kế hoạch - Đầu tư, việc lập quy hoạch là chưa thật sự cần thiết. (VnExpress 15.9, theo Người Lao Động)

Vốn đầu tư trong nước sẽ giữ tỷ lệ 2/3

Trao đổi với báo giới, bộ trưởng Kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc cho biết, giai đoạn 2001-2005, Việt Nam cần thu hút được khoảng 60 tỉ USD vốn đầu tư. Trong số này, vốn trong nước phải đạt tối thiểu 40 tỉ USD. Ông cho biết, thực tế của 8 tháng đầu năm nay là nguồn vốn trong nước đạt khoảng 112 000 tỷ đồng (7,4 tỉ USD), trong khi đầu tư nước ngoài chỉ đạt 31 000 tỷ đồng (hơn 2 tỉ USD).

Ba nhóm các nhà đầu tư chính, theo ông, gồm Mỹ, Nhật Bản và EU, thì hiện mức đầu tư vẫn đạt thấp. Trong đó, đặc biệt là các nhà đầu tư Mỹ hiện mới trong giai đoạn thăm dò.

Ông Phúc cho rằng điều hết sức quan trọng hiện nay là gấp rút hoàn thiện môi trường đầu tư để cạnh tranh với các nước ASEAN. Trong đó, thủ tục hành chính là ưu tiên hàng đầu, giá cả dịch vụ như: chi phí cảng, hàng không, đường bộ, viễn thông... phải ngang bằng với các nước khác thì mới có thể cạnh tranh nổi. Về công tác xúc tiến đầu tư, ông cho biết bộ đã có tham tán đầu tư tại Mỹ, đại diện đầu tư tại Đài Loan, và sắp tới sẽ thiết lập tại một số nước và khu vực trong đó có EU. (Theo Tuổi Trẻ 3.9)

12-20% người Việt Nam nhiễm virus viêm gan B

Ước tính, số người tử vong do viêm gan B nói chung là 42 ngàn người mỗi năm. Đó là những số liệu được đưa ra tại Hội thảo quốc gia về bệnh gan mật, tổ chức trong hai ngày 19 và 20.9.2002. Nhiễm virus là nguyên nhân hàng đầu gây viêm gan B mạn tính.

Ngày 9.7, Hội đồng nghiệm thu đề tài khoa học cấp Nhà nước đã nghiệm thu đề tài “ Sản xuất thuốc điều trị viêm gan B ” do Viện Quân y 103 cùng khoa Tiêu hóa bệnh viện Thanh Nhân bào chế và thử nghiệm. Dược phẩm mang tên LIV 94, được sản xuất từ 4 loại dược liệu trong nước, gồm cây chó đẻ răng cưa, quả nhọ nổi, quả tròn và chua ngọt. Nó đã được thử nghiệm trên 75 bệnh nhân từ 20 đến 60 tuổi, có triệu chứng của viêm gan B và có HBsAg dương tính từ 6 tháng trở lên. Sau 3 tháng dùng LIV 94 với liều 24 g/ngày, các triệu chứng viêm gan B (như rối loạn tiêu hóa, tiểu vàng, mệt mỏi, đau tức vùng gan) ở các bệnh nhân đã gần mất hẳn; hiệu số kháng nguyên giảm 95 % (có 6 bệnh nhân giảm gần 100 %). Trong khi đó, các thuốc Tây y trị viêm gan hiện nay chỉ đạt kết quả 40-70 %, Đông y đạt 30-60 %. (Theo VnExpres 21.9 và 10.7.2002)

Bệnh viện quốc tế Việt Pháp tại TP HCM

Đây là bệnh viện 100 % vốn nước ngoài, được đầu tư tại khu Nam Sài Gòn trong 50 năm, dự kiến sẽ đi vào hoạt động từ tháng 1 năm tới. Bệnh viện sẽ có 65 % bác sĩ là người nước ngoài. Giá mỗi lần khám cho người Việt khoảng 8-10 USD.

Bác sĩ Jean - Marcel Guilion, tổng giám đốc bệnh viện cho biết, Việt Pháp nằm trên khuôn viên rộng 25.000 m², có tổng vốn đầu tư là 40 triệu USD (gồm cổ phần của hơn 400 bác sĩ người Pháp và tiền vay từ các ngân hàng). Việt Pháp sẽ có 23 chuyên khoa với 200 giường bệnh, 9 phòng mổ và hệ thống máy móc hiện đại. Ngoài 2 trung tâm lớn là Chẩn đoán và Phẫu thuật, bệnh viện còn có một số trung tâm khác dành cho việc huấn luyện và hội thảo. Thế mạnh của Việt Pháp là chữa bệnh bằng điện quang, y học hạt nhân, điều trị ung thư bằng phương pháp xạ trị và điều trị tim bằng phương pháp can thiệp.

Ông Guilion cũng cho biết, trong thời gian mới đi vào hoạt động, bộ máy cơ hữu của bệnh viện sẽ gồm 15 bác sĩ Pháp. Mười ba bác sĩ nước ngoài khác sẽ làm việc luân phiên từng đợt 2 tuần. Ngoài ra, 12 bác sĩ người Việt cùng các nhân viên y tế khác cũng sẽ hỗ trợ cho công tác khám và điều trị (tất cả

đã thông qua các lớp đào tạo chuyên ngành ngắn hoặc dài hạn tại Pháp). (theo Lao Động 4.9)

Hồn Trương Ba, Da hàng thịt tại London

Sắp tới, kịch bản Hồn Trương Ba, Da hàng thịt của cố tác giả Lưu Quang Vũ sẽ ra mắt khán giả London (Anh), dưới sự dàn dựng của đạo diễn David K.S Tse, với chất liệu sân khấu đặc biệt : âm nhạc Việt Nam và những con rối. Đây là một dự án lớn của Nhà hát Yellow Earth Theatre vào dịp cuối năm 2002, được sự tài trợ của Hội đồng nghệ thuật Anh và nghệ thuật London (Arts Council of England and London Arts). Người đại diện của Yellow Earth Theatre cho biết, *Hồn Trương Ba...* được hy vọng sẽ mang đến cho Nhà hát “ một phong cách nghệ thuật đặc biệt hoàn toàn không thể bắt chước ”.

Yellow Earth Theatre thành lập năm 1995 với mục đích dựng những vở diễn có chất lượng cao sử dụng chất liệu truyền thống của phương Đông và phương Tây.

(xem lịch diễn trang 49)

Tái phát hiện loài linh trưởng hiếm nhất tại Việt Nam

Ngày 11/9, Tổ chức Bảo tồn động Thực vật hoang dã (FFI) chính thức công bố tái phát hiện loài linh trưởng phi nhân đặc hữu và hiếm nhất tại Việt Nam. Đây là loài linh trưởng không đuôi có tên vượn đen, từng sống ở phía đông bắc nước ta. Từ những năm 1960, không ai quan sát hay nghe được tiếng kêu của chúng, nên chúng đã bị coi là tuyệt chủng.

Tháng 1/2002, đoàn cán bộ sinh học của FFI đã tái phát hiện một quần thể nhỏ loài vượn đen này (tên khoa học là *Nomascus sp. Cf. Nasustus*) tại một khu rừng thuộc 2 xã Phong Nậm và Ngọc Khê (Trùng Khánh, Cao Bằng). Tháng 8/2002, một đoàn điều tra bao gồm các nhà khoa học Việt Nam cùng ông Thomas Geissman, chuyên gia linh trưởng người Thụy Sĩ đã tiến hành điều tra tổng thể và phát hiện được ít nhất 5 đàn vượn đen, với tổng số 26 cá thể đang tồn tại trên một vùng rộng khoảng 3.000 ha.

Loài vượn đen này được đặt tên là Vượn đen Cao Vít (theo tên gọi của người dân địa phương) và được xếp vào hàng cực kỳ nguy cấp. FFI đang đề xuất thành lập khu bảo tồn sinh cảnh của loài trong khu vực, đồng thời thiết lập hệ thống quản lý, bảo vệ rừng do cộng đồng địa phương thực hiện. Mới đây, FFI cũng đã có công trình nghiên cứu về loài vượn đen tuyền tại Việt Nam - loài có nguy cơ tuyệt chủng trên toàn cầu. (VnExpress 12.9, theo Tiên Phong)

Xuất khẩu lỗ 20 triệu USD vì thiếu thông tin

Từ đầu năm đến nay giá gạo trên thế giới liên tục thay đổi gạo 15 % tằm hiện ở mức 184-185 USD/tấn, gạo 25 % tằm ở mức 170-172 USD/tấn. Nhưng trước đó, do thiếu thông tin của thị trường, các doanh nghiệp đã ký hợp đồng xuất khẩu với giá thấp, nhất là các hợp đồng chính phủ có giá trị lớn xuất qua Indonesia, Cuba... Giá xuất khẩu đã ký là 169 USD/tấn đối với gạo 15 % tằm, 158 USD/tấn đối với gạo 25% tằm, nghĩa là thấp hơn giá thị trường hiện nay từ 14-16 USD/tấn. Đến lúc giao hàng thì giá lúa đã tăng đến mức “ chóng mặt ” là 1.700 đồng/kg, đẩy giá gạo mua cao hơn giá gạo xuất khẩu.

Cứ bình quân 1 triệu tấn gạo xuất khẩu, lỗ 2 triệu USD. Bảy tháng đầu năm 2002, cả nước xuất khẩu 1,8 triệu tấn gạo, trong đó có khoảng 1,3 triệu tấn xuất theo hợp đồng chính phủ đều bị lỗ. Cơ chế bao cấp trong xuất khẩu gạo làm các doanh nghiệp nhà nước ít nhạy cảm với giá thị trường thế giới: nếu thắng thì được chia phần, thua thì xin nhà nước bù lỗ. Chỉ có nông dân là thiệt thòi hơn cả.

Không chỉ gạo, cả trong việc xuất khẩu hạt điều, các doanh nghiệp Việt Nam cũng để mất cơ hội thắng đậm. Bắt đầu từ tháng 5 đến nay, giá hạt điều trên thế giới tăng 10 % so với đầu năm, và đang đứng ở mức 4.020-4.920 USD/tấn. Nhưng trước đó, các doanh nghiệp đã xuất hạt điều với giá thấp hơn, và đến khi giá điều tăng thì lượng điều xuất khẩu không còn bao nhiêu. Theo tính toán của bộ Thương mại, Việt Nam đã để tuột khỏi tay 20 triệu USD tiền lãi.

Ngoài việc bản thân doanh nghiệp không chủ động tìm kiếm được thông tin nhanh, chính xác về các thị trường nông sản thế giới, các cơ quan xúc tiến thương mại của chính phủ, tham tán thương mại ở các nước cũng đã không cung cấp kịp thời cho doanh nghiệp những thông tin toàn cục về cung cầu và diễn biến thị trường... (VnExpress 13.9, theo TBKTSG)

Hà Nội : 2 cảnh sát bị một “phi đội a còng” đánh trọng thương

Khoảng 18h ngày 19/9, trước sự chứng kiến của hàng trăm người dân, hơn chục “cậu ấm” với những trang phục lịch sự, đi toàn xe a còng (Honda @) đất tiền, đã ngang nhiên “chiến đấu” chống lại cảnh sát khu vực (phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội). Một cảnh sát viên bị vỡ xương quai hàm, ngất ngay tại chỗ, một người khác bị chấn thương sọ não, hiện đang cấp cứu tại bệnh viện 19.8 bộ Công an.

Bắt đầu từ một cuộc xô xát chiều hôm trước với người bán hàng ven đường, tốp thanh niên “toàn mặc áo đen, áo xám, giày đen, kính đen giống những phim xã hội đen, đi toàn xe Honda @ ” đã cầm dao bầu xông vào tận nhà dân để đe dọa. Khi cảnh sát được điện báo đến hiện trường thì gặp 4 thanh niên trên những chiếc xe Honda@ đang chờ sẵn ở đó với một thái độ thách thức, hùng hổ. Chúng túm cổ áo một cảnh sát, giật phù hiệu của anh này vứt xuống đất, rồi đá đám đá. Một cảnh sát ôm chặt một tên trong số đó để đồng đội khoá tay liền bị 3 tên kia xông vào “kịch chiến”. Khi các anh khoá tay được cả 4 tên, cũng là lúc có thêm 4, 5 tên khác từ đầu vùn vụt lao tới (cũng trên những chiếc Honda@), đá đám liên tiếp. Một cảnh sát đã ngã ra đất rồi còn bị chúng lấy giày đinh đi lên ngực, đập mạnh khiến anh bất tỉnh. Vừa hành hung, chúng vừa chửi bới và lớn tiếng nạt nộ: “ *Chúng mày có biết bố tao là ai không? Bố tao hơi bị to. Tao sẽ giết hết chúng mày !* ”.

5 trong số các đối tượng đã bị bắt giữ. Bị giải về công an phường, chúng vẫn chưa thôi đập phá, chửi bới và... mang bố ra đe dọa. (theo Huyền Chiêm - VASS Orient 20.9)

Tin Ngắn

* Cơ quan phát triển quốc tế của Hoa Kỳ (USAID) đã thoả thuận giúp VN 15 triệu USD trong một chương trình phòng, chống bệnh HIV/AIDS giai đoạn 2003-2008. Chương trình gồm các nội dung: hỗ trợ xây dựng các chính sách liên quan

công tác phòng, chống HIV/AIDS; giám sát hành vi, nâng cao năng lực quản lý, hoạt động tư vấn, giáo dục truyền thông phòng, chống HIV/AIDS.

* Việt Nam đã giành được **Cúp vàng tại cuộc thi Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) châu Á - Thái Bình Dương 2002**, tổ chức tại Kuala Lumpur (Malaysia) từ 4 đến 7-9. Sản phẩm VASS ICP - Soft cho mạng thông tin trực tuyến VASS Orient của công ty phát triển phần mềm VASS đã giành được một giải nhất về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông và giải trí.

* Ngày 28.8, TAND TP HCM đã **tuyên phạt tử hình** bà Lê Mỹ Linh, 43 tuổi, **một Việt kiều ở Úc** bị bắt cuối năm 2001 ở sân bay Tân Sơn Nhất với 17 gói heroin trong người (cân nặng tổng cộng gần 1 kg). Tại toà, bà Linh khai đã nhận của một Việt kiều ở cùng khu vực cư trú, tên David, thuê mang số heroin trên từ Việt Nam sang Úc với giá 30 000 đôla Úc.

* **Xuân tóc đỏ** ra mắt bạn đọc tiếng Anh. Tác phẩm **Số Đỏ** của nhà văn Vũ Trọng Phụng đã được Nguyễn Nguyệt Cẩm và Peter Zinoman chuyển ngữ, nhà xuất bản The University of Michigan Press, Ann Arbor phát hành dưới tựa tiếng Anh là Dumb Luck. Sách dày 189 trang, giá bán 19,95 USD.

* Kể từ ngày 20-9 việc kiểm tra của **Liên minh châu Âu (EU) đối với mặt hàng tôm Việt Nam** về dư lượng kháng sinh đã trở về chế độ kiểm tra bình thường thay vì chế độ kiểm tra 100 % từ một năm nay. EU công nhận VN đã thực hiện có hiệu quả việc ngăn chặn xuất khẩu các sản phẩm thủy sản bị nhiễm dư lượng kháng sinh.

* Theo thống kê của bộ Tài chính, tính đến đầu tháng 9, đã có **989 doanh nghiệp nhà nước hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu** thành các doanh nghiệp cổ phần hoặc bán, khoán, cho thuê và chuyển giao cho người lao động. Trong đó, từ đầu năm 2002 đến nay, đã có thêm 104 doanh nghiệp nhà nước hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu.

* Theo ông Lê Thanh Hải - chủ tịch UBND thành phố HCM, hiện nay thành phố có **hơn 1 nghìn dự án kinh doanh nhà ở**, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu nhà ở (dự án kinh doanh nền nhà), với diện tích 6 600 ha, bằng nửa diện tích của 12 quận nội thành.

* Theo công bố ngày 3.9.2002 của ban giám đốc Ngân hàng Thế giới (WB), **Việt Nam sẽ được hỗ trợ 3 tỷ USD** trong giai đoạn 2003-2006 để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, tập trung vào bốn lĩnh vực : phát triển nông thôn, phát triển thành thị, cơ sở hạ tầng và phát triển con người. Cùng ngày, ông Klaus Rohland, quốc tịch Đức đã chính thức được bổ nhiệm làm Giám đốc WB Việt Nam, thay ông Andrew Steer - người vừa nhận nhiệm vụ mới tại Indonesia.

* Tại thôn Chân Rò thuộc xã Đak Rông (huyện Đak Rông, tỉnh Quang Trị) đã xảy ra **một hiện tượng sạt đất lạ** : Ngay trước mặt nhà của hộ ông Hồ Pá Xang xuất hiện một hố sâu có đường kính trên 15m, sâu hơn 25m, có nước phun lên, toàn bộ khối lượng đất đá ở khu vực sạt lở đã “biến mất” không rõ theo con đường nào. Theo lời ông Xang kể lại thì vào khoảng 2 giờ sáng ngày 11.9, ông đi tìm trâu đã phát hiện thấy một hố lún rộng 1,5m, sâu 1m, và một giờ đồng hồ sau lại nghe một tiếng nổ lớn phát ra từ hố lún đó.

Bạn đọc viết

Vụ cá CATFISH

Hiệp ước Thương mại Việt Mỹ được ký ngày 13/7/2000. Một năm sau quốc hội Mỹ thông qua. Cũng lúc hiệp ước Thương mại được thông qua thì có 2 dự luật được đưa ra và đồng thời cũng được biểu quyết và cũng thành luật.

Luật thứ nhất do dân biểu Berry của tiểu bang Arkansas đưa ra đòi hỏi các nước xuất cảng cá catfish sang Mỹ phải kể rõ xuất xứ và không được dùng chữ “Cajun” (một danh từ đặc biệt của tiểu bang Louisiana, Việt Nam bị buộc tội dùng danh từ này).

Luật thứ hai do thượng nghị sĩ Blanche Lincoln cũng ở tiểu bang Arkansas định nghĩa cá catfish khác cá tra hay cá basa của VN. (Đối với VN cá catfish là tên gọi chung cá da trơn có râu)

Ở Mỹ cá catfish là sản phẩm cá được ưa chuộng vào loại thứ ba sau (lobster) tôm hùm, và tôm và được sản xuất ở 4 tiểu bang của nước Mỹ Arkansas, Louisiana, Mississippi và Alabama.

Năm 1988 Việt Nam xuất cảng sang Mỹ 575,000 lbs catfish, năm 1999 : 2 triệu lbs, năm 2000 : 7 triệu lbs mỗi năm nước Mỹ tiêu thụ cỡ 600 triệu lbs cá catfish trị giá 500 triệu Mỹ kim (theo The Economist ngày 6/10/2001). Sáu tháng đầu năm 2002 trị giá thủy sản (gồm cả tôm cua và cá) bán sang Mỹ là 172 triệu USD (Báo Người Việt ngày 20/7/2002).

Ngày 28/7/2002 Hiệp hội nuôi cá catfish và các xí nghiệp chế biến thủy sản Mỹ đưa đơn kiện các nhà sản xuất và chế biến (bán cá file và tẩm bột) cá catfish Việt Nam là bán phá giá, làm thiệt hại kỹ nghệ cá ở Mỹ. Thực tế đơn kiện này đã được giới nuôi cá ở Mỹ đề cập tới từ khi hiệp ước thương mại được ký kết. Nay thì vụ kiện tụng đang ở trong giai đoạn được phê phán bởi 2 cơ quan của nước Mỹ.

1/ Cơ quan thứ nhất là International Trade Commission ITC (Ủy ban hiệp thương Quốc tế) Ủy ban này gồm 6 ông do Tổng Thống cử (3 cộng hòa, 3 dân chủ) và Quốc Hội chuẩn y các quyết định của ITC chỉ cần 3 người, không cần đa số (hoặc phe dân chủ, hoặc phe cộng hòa, hoặc cứ 3 người đồng ý với đơn kiện là được).

Cơ quan này có nhiệm vụ xét sơ khởi là nguyên đơn có bị thiệt hại hay không. Trong vụ cá tra ITC đã có phán quyết sơ khởi ngày 08/08/2002 là giới bán cá VN có thể làm thiệt hại cho kỹ nghệ cá ở Mỹ. Và đồng thời ITC đồng ý với hội chế biến và xuất khẩu thủy sản VN VASEP bao gồm trong vụ kiện cá catfish không phải chỉ có cá sống (file) mà gồm cả sản phẩm như cá lăn bột hoặc tẩm sốt. Vì vậy các nhà nuôi cá catfish ở Mỹ đã bị loại ra khỏi đơn kiện và chỉ còn lại 8 nhà doanh nghiệp chế biến cá catfish được phép theo tiếp vụ kiện. Theo trong nước thì như vậy tỷ trọng các sản phẩm basa, tra file, cá lăn bột, cá tẩm sốt, nhập từ VN sang Mỹ sẽ giảm

xuống có nghĩa là mối đe dọa cho thị trường Mỹ sẽ ít. Và theo luật Mỹ nếu tỷ trọng đó dưới 4.4 % thì không kể là có bán phá giá. (Tỷ trọng này lại có thể tính theo tương lai, tức là theo chiều hướng có thể chứ không nhất thiết là hiện phải có).

2/ Sau phán quyết của ITC vấn đề được chuyển sang International Trade Administration (ITA).

Cơ quan quản trị ngoại thương của bộ ngoại thương). Ủy ban này sẽ xét sơ khởi là giới bán cá VN có bán phá giá hay không.

Nếu ITA phán quyết là có (Giai đoạn một của phán quyết) thì giới nuôi cá VN sẽ phải đóng 1 số tiền bảo đảm (bond) có thể trở thành là 1 thứ thuế mới mà giới xuất cảng cá ở VN phải trả. Sau đó ITA sẽ điều tra kỹ hơn...

Theo bà thứ trưởng bộ thủy sản Nguyễn Thị Hồng Minh thì nếu mức thuế phải chịu thêm này ở dưới mức 12% thì VN vẫn có lời khi bán sang thị trường Mỹ (theo báo Lao Động số 187 ngày 19/07/2002).

Thế nào là bán phá giá ?

Luật Antidumping law của Mỹ dành nhiều điều khoản để giải thích câu hỏi này. Đây là một đạo luật rất phức tạp, ở đây tôi chỉ có thể, trong vài dòng, trích ra một ý liên quan tới vấn đề ta đang bàn :

Có vấn đề bán phá giá khi sản phẩm ngoại quốc được bán ở Mỹ dưới giá bình thường (fair value) giá bình thường được coi như là giá bán sản phẩm ở nước xuất cảng. Nếu giá bán trong nước và giá bán xuất cảng đều không ở mức bình thường và có thể gây ra thiệt hại cho kỹ nghệ Mỹ, hiện có hay làm chậm trễ sự phát triển của kỹ nghệ đó thì là có bán phá giá.

Đến đây cách tính “ giá “ của 1 sản phẩm trở nên vấn đề then chốt.

1/ Thứ nhất là “ giá “ phải được tính trên thị trường cạnh tranh tự do. Thị trường cạnh tranh tự do lại không cần phải nói tới kinh tế tự do cạnh tranh của 1 nước mà chỉ cần nói tới loại sản phẩm tranh tụng mà thôi, và lại có thể thu hẹp vào từng vùng. Ví dụ nếu cá tra ở VN xuất cảng sang Mỹ là ở 6 tỉnh miền nam VN và nếu ở 6 tỉnh đó giá bán cá trên thị trường là tự do, là có cạnh tranh tự do, như vậy là đủ rồi, không còn xét xem VN có là nước có nền kinh tế tự do cạnh tranh hay không ? Nhưng nếu nước đó (VN) hay nền kinh tế catfish không ở trong khung cảnh kinh tế thị trường thì sao ? ITA có thể cấu trúc giá cả (constructed value). Theo ý niệm cấu trúc giá cả này thì phí tổn hành chính phải ít nhất bằng 10 % giá sản xuất và tiền lời phải ít nhất 8% của giá sản xuất cộng với phí tổn hành chính. Vấn đề định giá theo ý niệm cấu trúc giá (constructed value) còn liên quan tới thời điểm, tới hồi xuất ... rất là phức tạp.

2/ Giá thành phải tính theo như 1 cơ sở làm ăn có đầu tư để mua đất đai dụng cụ ... để nuôi cá. Số tiền chiết cụ phải được tính vô, cộng với tất cả các phí tổn hành chính nhân công ... của 1 cơ sở kỹ nghệ (nếu người dân VN ra đồng bắt cá đem bán thì không có vấn đề chiết cụ, đôi khi cả lương nhân viên cũng không có, thì giá đó không được kể). Như vậy làm sao biết là giá bán cá ở thị trường VN đắt hay rẻ hơn giá xuất cảng ? Vấn đề trở lại ý niệm phức tạp kể trên.

Nếu việc tính giá gặp khó khăn thì ITA có thể dùng giá của một nước láng giềng VN, có nền kinh tế thị trường, như Ấn độ chẳng hạn.

Xác định vấn đề thị trường có tự do hay không, và xác định giá bán và so sánh giá này với giá thị trường nước bán và nước nhập cảng là công việc phức tạp vì vậy ITA đã hoãn ngày phán quyết đến 24/1/2003. Từ nay đến ngày đó VN sẽ phải trưng bày bằng chứng, tài liệu, con số để chứng minh rằng thị trường cá catfish ở VN là thị trường tự do cạnh tranh và giá bán là hợp lý.

Giá dự là ngày 24/1/2003 ITA đi đến kết luận là VN có bán phá giá các sản phẩm đó, thì ITA sẽ tiếp tục điều tra sâu rộng (Full investigation) và đây là lúc tranh cãi về vấn đề phức tạp của sản phẩm, giá cả, thị trường... Theo ông Trần Hữu Dũng, tổng thư ký VASEP, giai đoạn này có thể kéo dài từ 9 tháng đến 1 năm (Báo **Lao Động** ngày 24/07/2002).

Sau đó vấn đề sẽ trở lại ITC. Và ITC sẽ quyết định là việc đó có làm thiệt hại đến kỹ nghệ nuôi cá, chế biến cá của Mỹ hay không ? và thiệt hại như thế nào ?

Chúng ta cần biết là ITC có nhiệm vụ *bênh vực nhà sản xuất Mỹ* cũng như *giới tiêu thụ Mỹ*.

Nếu có thiệt hại cho giới kỹ nghệ Mỹ nhưng lý do chính là giới kỹ nghệ này đã không biết làm ăn, không để ý tới quyền lợi của giới tiêu thụ thì chưa chắc việc bán phá giá đã bị trừng trị gắt gao. Hoặc tỷ trọng số bán không cao và không có khuynh hướng tăng thì cũng không có vấn đề bán phá giá.

Nếu ITC quyết định việc bán phá giá có làm thiệt hại cho nền kỹ nghệ Mỹ thì cũng còn có vấn đề cân nhắc nặng nhẹ của sự thiệt hại.

Và bước cuối cùng là điều đình giữa 2 bên về mức thiệt hại, mức thuế mới. . .

VN hiện đang nhờ tổ hợp luật sư White and Case đại diện trong vụ kiện này và công việc điều tra cũng như lý luận tranh cãi sẽ còn dài, có thể kéo dài hơn 1 năm.

Dấu sao thì đây có nhẽ là vụ kiện sẽ giúp VN nhiều theo nghĩa là tìm hiểu luật chống phá giá của Mỹ cũng như cách tính toán giá cả và thị trường của Mỹ đối với những loại sản phẩm mà VN đã và hy vọng xuất khẩu.

Thị trường cũng cần được hiểu là nơi buôn bán, có nghĩa là có người mua người bán, có quảng cáo, có áp lực của người mua cũng như của người bán, và mua bán bao giờ cũng có liên hệ mật thiết tới tính toán giá cả, và luật lệ.

Và tìm hiểu nhiều hơn nữa là trên thương trường ta có tranh tụng, có mặc cả, có trả giá ... nhưng có nhẽ không nên nói như các thuyết trình viên của câu lạc bộ cá ở An Giang : “ ... tình trạng *ngang ngược*, mang tính cách *vu cáo*, và ... cần *học lại bài học về kinh tế thị trường* ... ” (theo báo **Lao Động** số 209 ngày 10/08/2002).

Ngôn ngữ thị trường tự do nếu không có tính cách tương kính thì cũng phải có tính cách trung dung, vì kinh doanh là vấn đề lâu dài, và nhiều khi có lợi cho cả 2 bên.

Và tại sao việc tranh tụng còn chưa tới giai đoạn phải điều đình lại nói là có thể chịu đựng được tới 12 % tiền thuế mới ?

Nguyễn Thương (California, Mỹ)

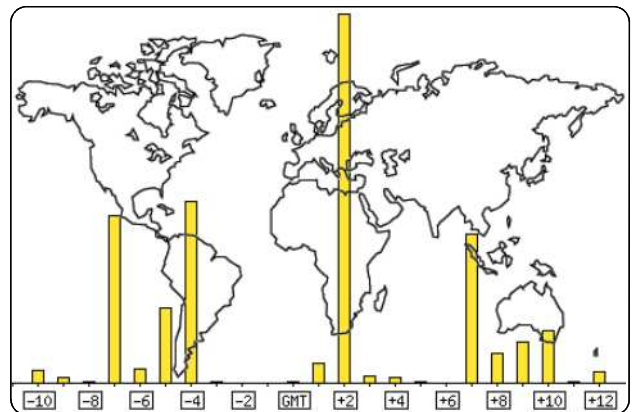
Tiếp theo trang 2

... 11 năm sau

Chúng tôi không biết thực sự số bạn đọc “áo” của Diễn Đàn là bao nhiêu, vì không biết số người đã đọc Diễn Đàn mạng nhiều lần trong tháng trong nhiều ngày khác nhau. Nhưng nếu cho rằng hiện nay bản quán có khoảng trên dưới 3000 bạn đọc mỗi tháng thì chắc không xa sự thực bao nhiêu. Số bạn đọc tăng đều đặn, với vận tốc không bùng nổ nhưng cũng đáng lạc quan, nếu ta so sánh số trung bình cả năm là 91 người/ngày với số tháng vừa qua là 113 người/ngày.

Các bạn đọc Diễn Đàn mạng đang ở đâu ?

Vì những lý do đạo lý nghề nghiệp, nhà cung cấp dịch vụ cho quán Diễn Đàn không thể cho chúng tôi những thông tin rõ hơn về số người truy nhập bản quán, cũng như địa chỉ chính xác các độc giả. Điều duy nhất chúng tôi có là đồ thị các nguồn truy cập theo múi giờ, như trong hình sau :



Nhưng khi ngoại suy từ hình này bằng cái thước đo và vài con tính cộng trừ nhân chia, cùng với việc gán ghép các múi giờ cho các địa dư quen thuộc, ta có những kết luận dễ nhớ :

40 % độc giả Diễn Đàn mạng là ở vùng Bắc Mỹ.

35 % độc giả ở Âu châu, gồm các múi giờ GMT 0 đến +4.

13 % độc giả ở Việt Nam, tức gần 400. Vui buồn lẫn lộn, buồn vì trên tuyệt đối còn quá ít, vui vì cũng đã tăng nhiều so với con số chúng tôi có năm ngoái (8% của không phải 3000 mà ít hơn).

12 % ở các nơi khác, chủ yếu là Úc Châu ; cũng đáng kể là gần 1% độc giả ngụ tại vùng Tân Đảo (GMT +12).

Để kết luận : làm gì ?

Qua những nhận xét nói trên thì thấy Diễn Đàn đang trên đường ảo hoá mạnh mẽ với thời đại, số bạn đọc “áo” là hơn năm lần số bạn đọc mua dài hạn. Tuy nhiên hiện nay vẫn phải ra báo giấy vì rất nhiều lý do. Do đó còn hai việc cần làm song song để cân bằng ngân sách :

Tăng số bạn đọc mua dài hạn. Bạn đọc hãy tích cực ủng hộ Diễn Đàn bằng cách cụ thể nhìn quanh mình để nhắc nhở : ai có thể mua báo ; ai đã mua báo mà nay sao lãng việc gia hạn. Các bạn đọc báo mạng thử nghĩ xem, có một bộ báo giấy lâu lâu mở ra đọc lại cũng thú vị và bổ ích lắm chứ ?

Làm sao để các bạn đọc mạng có thể đóng góp vào việc nuôi sống tờ báo trên cả hai hình thức. Chúng tôi hy vọng có thể đề xuất với bạn đọc mạng một số dịch vụ mới, qua mạng, trong tương lai gần. Thí dụ như gửi toàn bộ mỗi số báo qua mạng, đổi lại một đóng góp phải chăng...

Ban Biên tập và ban Quản lý Diễn Đàn

Những nghịch lý giáo dục

Hoàng Tuy

Lời toà soạn:

Chắc hẳn sự so sánh “vượt trội” về phía học sinh Việt Nam so với học sinh Đức, do một tạp chí Đức đăng tải, đã đem lại nhiều tự hào phấn khởi trong giới quan chức Việt Nam, và điều đó đã đưa đến phản ứng của giáo sư Hoàng Tuy trên báo Tia Sáng số tháng 9.2002, mà chúng tôi xin đăng lại dưới đây. Một cộng tác viên của Diễn Đàn đã tìm đọc bài báo của tác giả Paul Schwarz tựa là “Hanoi schlägt München”, (Hà Nội thắng München) đăng trên tờ Frankfurter Rundschau ra ngày 08.08.2002, và cho biết thêm (ngoài kết luận chính đã được g.s. Hoàng Tuy bình luận) :

1. Việc so sánh được thực hiện trong khuôn khổ của PISA, chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế, (Programme for International Student Assessment). Có thể xem thêm về chương trình này tại <http://www.pisa.oecd.org>

2. Học sinh ở VN phải học nhiều giờ hơn, lại có hơn học sinh Đức khá nhiều các bài tập phải làm sau giờ học và ngày nghỉ. Số học sinh trong một lớp ở VN đông và kỷ luật hơn...

Theo anh, các so sánh trong bài còn thiếu chính xác, mặt khác trình độ kinh tế xã hội quá khác nhau khó cho phép đi đến những kết luận đánh giá hay so sánh toàn bộ hệ tiểu học của hai nước. Cũng không loại trừ khả năng tác giả bài báo “lợi dụng” kết quả của chương trình PISA để gửi thông điệp cảnh báo sự “thua kém” của giáo dục Đức trong khuôn khổ toàn cầu hoá hiện nay.

Người viết các dòng chú thích này, trái lại, hết sức lo lắng cho các bậc phụ huynh và cả các học sinh tiểu học ở VN trước một chương trình nặng nề (điểm 5), năng suất thấp so với “đối thủ”, và rất đồng tình với các phân tích của giáo sư Hoàng Tuy.

*

Thế là cả nước lại chính thức bước vào năm học mới, sau khi tiểu học tựu trường sớm mấy tuần. Giữa lúc dư luận xã hội còn nhiều băn khoăn, lo lắng về chương trình và sách giáo khoa cải cách, chưa mấy ai thật sự tin tưởng vào chất lượng giáo dục của nước nhà thì một tin đăng trên báo *Tin tức* của TTXVN ngày 9-8 không khỏi làm nhiều người ngạc nhiên : theo kết quả khảo sát công bố trên một tạp chí Đức ngày 8-8 thì trình độ học vấn của học sinh tiểu học ở Hà Nội cao hơn ở Munich - nơi chất lượng giáo dục được đánh giá vào loại cao nhất nước Đức. Đó là kết luận bất ngờ mà hai nhà nghiên cứu Đức đã rút ra từ cuộc điều tra và phân tích ở 54 lớp tiểu học ở Munich và 20 lớp tiểu học ở Hà Nội. Hóa ra Việt Nam có một nền giáo dục tiểu học tốt bậc nhất trên thế giới, vượt cả Đức vốn được coi là nước có nền giáo dục phổ thông vào loại tiên tiến. Vậy phải chăng bao nhiêu lời phàn nàn, chỉ trích bấy lâu của dư luận xã hội đối với giáo dục đều thiếu cơ sở và chúng ta đã sai lầm khi đánh giá thấp chất lượng nhà trường mấy năm qua ?

Theo nhận định của nhóm nghiên cứu nói trên, “*học sinh Đức có phần thông minh hơn, nhưng khả năng tập trung chú*

ý thì học sinh Việt Nam vượt trội. Đặc biệt, học sinh Việt Nam vượt trội hơn hẳn về môn toán, kể cả khi làm các bài toán khó cần cố tư duy... Học sinh Việt Nam có tinh thần kỷ luật cao, tuyệt đối kính trọng thầy cô, thân ái đoàn kết với nhau, coi học tập là niềm vui”.

Cứ theo cách đánh giá này, nếu là người Đức tôi chẳng có gì phải lo lắng, còn là người Việt thì tôi không cảm thấy hãnh diện, trái lại càng thấy lo lắng nhiều hơn cho tương lai đất nước. Công bằng mà nói, cấp giáo dục tiểu học của ta, ít ra ở các thành phố lớn, vẫn còn nề nếp, kỷ cương và ít lạc hậu so với thế giới hơn các cấp học cao hơn như trung học phổ thông và đại học, đặc biệt là cấp đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ. Ít ra chất lượng giáo dục tiểu học cũng còn nhiều điểm có thể tự hào. Vậy điều gì khiến ta lo lắng ?

Vấn đề là ở chỗ những đức tính mà trẻ em ta vượt trội thì ở các nước người ta không đặt yêu cầu quá cao ở lứa tuổi tiểu học, vì điều quan trọng là giáo dục phải phù hợp và giữ gìn cho trẻ em tính hồn nhiên trong sáng của tuổi thơ. Cho nên họ khuyến khích trẻ em chăm học bằng cách tạo hứng thú học tập chứ không phải ép buộc học thêm lu bù. Giáo dục của họ có nề nếp nhưng không gò bó, không theo khuôn phép cứng nhắc mà để cho trẻ em được phát triển tự nhiên, phát huy tính năng động của chúng, do đó, làm cho trẻ em biết tự tin, chủ động, biết xoay sở, và càng lên lớp cao càng thông minh hơn, càng sung sức hơn, chứ không phải mòn mỏi dần do từ tuổi nhỏ đã tiêu hao hết sức lực vào những mục tiêu nông cạn và thiển cận.

Đó chính là nguyên nhân vì sao trẻ em Đức có phần thông minh hơn trẻ em ta. Nói chung, tôi vẫn tin rằng trẻ em sinh ra dù thuộc dân tộc nào và tầng lớp nào cũng thông minh ngang nhau, trừ những ngoại lệ mà ở đâu và lĩnh vực nào cũng có. Một số nghiên cứu ở Mỹ đã từng xác nhận điều đó khi họ so sánh trẻ em da đen và da trắng. Sự khác biệt trong phát triển trí tuệ phụ thuộc chủ yếu vào môi trường giáo dục, chứ không phải nguồn gốc dân tộc hay giai tầng xã hội. Vậy khi trẻ em Đức được đánh giá có phần thông minh hơn trẻ em Việt Nam, thì điều đó cũng có nghĩa giáo dục của ta chưa chú ý đầy đủ việc phát triển trí tuệ, mà còn nặng nề nhốt kiến thức, gò bó cá tính, và ít khuyến khích phát triển tính năng động, sáng tạo.

Có thể trẻ em ta biết nhiều thứ, nhưng chỉ khi được hỏi về những kiến thức có sẵn mới ứng đáp trôi chảy, còn khi đặt trước những tình huống mới, chưa được học tới ở lớp, mà phải vận dụng thông minh để xử trí, thì thường lúng túng, xoay sở kém ; ngay các điểm cao về toán cũng chưa phản ánh khả năng thật, mà chủ yếu vì học nhiều, làm nhiều bài mẫu, luyện tập nhiều về các thứ mẹo vặt để giải các kiểu bài toán có tính đánh đố, mà nhiều khi cũng chỉ được hiểu một cách hình thức, giống như các máy tính biết đánh cờ giỏi vì đã được cài đặt những chương trình phức tạp.

Vài tuần trước tôi có xem truyền hình một buổi dạy toán cho học sinh tiểu học. Nội dung rất khó : tính diện tích của một hình đa giác bằng cách phân tích thành hình chữ nhật và tam giác. Tôi ngạc nhiên sao lại dạy khó như thế, nhưng hỏi ra thì đó là chương trình hiện nay tại các trường. Điều chắc chắn là với cách học đó, nhiều học sinh cảm thấy nặng nề, phải vất vả mới hiểu nổi mà chắc gì hiểu đúng, có lẽ chỉ tiếp thu hình thức. Cứ như thế năm này qua năm nọ, gồng lên mà chịu đựng sự căng thẳng, trách gì không dần dần mù người,

đầu óc trở nên chậm chạp, kém nhanh nhạy so với trẻ em ở những nước có một nền giáo dục hợp lý hơn.

Một số quan chức giáo dục viện có trẻ em các nước học nhiều giờ hơn trẻ em ta để nói rằng học sinh ta học thể này hẳn còn ít chứ chưa phải đã quá tải. Đúng là giờ học ở lớp của họ nhiều hơn, song cần nhớ rằng trẻ em của họ phần lớn chỉ học ở trường, về nhà ít phải học thêm, làm bài thêm, trừ một số bài học thuộc lòng. Nhiều giờ ở lớp chỉ để học sinh tự làm bài tập, thầy có mặt chỉ để quan sát và giúp đỡ các em nào cần đến. Vì vậy trẻ em học nhẹ nhàng mà có hiệu quả hơn, đồng thời cũng tránh được sự bất công do khi ra bài làm ở nhà thì trẻ em các gia đình khá giả sẽ được thuận lợi vì có bố mẹ giúp đỡ còn trẻ em các gia đình nghèo và văn hóa thấp sẽ phải thiệt thòi.

Dù sao nhận xét của nhóm nghiên cứu Đức cũng đáng cho ta suy nghĩ vì nó giống thêm một hồi chuông cảnh báo mà nhiều người trong nước đã từng nhiều lần lưu ý các nhà lãnh đạo : với nền giáo dục kiểu này học sinh Việt Nam học giỏi, ngoan ngoãn, có kỷ luật ở các lớp nhỏ, nhưng càng học lên cao càng đuối sức dần vì đã không biết dành sức chạy đường dài. Khi nhà trường chỉ tập trung nhồi nặn trẻ em theo một mẫu cứng nhắc thì nhiều đức tính có được chỉ là cái bề ngoài không sâu, không thực chất, khi lớn lên có thể dễ dàng mất đi hoặc biến dạng thành điều trái ngược. Mặt khác, sự gò bó quá mức ngăn cản sự phát triển tính năng động, tư duy độc lập, đầu óc tưởng tượng, cho nên sau này ra đời dễ bị hẫng hụt, và một khi không đủ tài trí thông minh để cạnh tranh lành mạnh thì có thể dễ dàng nảy ra xu hướng vươn lên bằng mảnh khước, lừa dối, gian xảo. Trong thời đại mà các ưu thế trí tuệ mới thật sự làm nên sự giàu mạnh của các quốc gia, nếu không có chủ bài trong cạnh tranh, thì phải nhường bước cho kẻ khác, và nhân nhện đi theo sau, bắt chước họ, phục tùng họ, và nếu tự trọng không chịu ngửa tay xin mãi thì đành cam chịu cuộc sống nghèo hèn.

Cuối cùng cũng nên tự hỏi : vì sao con em ta giỏi toán mà đời sống kinh tế, xã hội ở nước ta về nhiều mặt lại thể hiện một cung cách làm ăn không hề biết tính toán - cứ xem chuyện mía, đường, xi-măng, xe máy, v.v. thì rõ - một trình độ dân trí (đúng hơn là quan trí) quá thấp so với cả những nước như Thái-lan, Malaysia, chứ nói gì Đức hay các nước phương Tây khác ? Vì sao trẻ em ta có tinh thần kỷ luật cao, mà đời sống công cộng của người lớn trong xã hội lại biểu lộ một ý thức kỷ luật, trật tự thấp kém không thể chấp nhận được ở một nước cần hướng tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa? Vì sao trẻ em được dạy bảo phải thật thà, trung thực, mà xã hội người lớn có quá nhiều gian dối, tham nhũng, buôn lậu ? Bao nhiêu câu hỏi là bấy nhiêu nghịch lý nhức nhối. Nói như các nhà khoa học hệ thống : muốn hiểu đầy đủ các vấn đề của một hệ phức tạp như giáo dục, dù chỉ là giáo dục tiểu học, phải nhìn rộng ra hệ trên của nó, ở đấy mới có thể tìm thấy lời giải đáp trọn vẹn. Xã hội mà còn xô bồ, thật giả lẫn lộn, kỷ cương phép nước không được tôn trọng, thì làm sao giáo dục tốt được. Tuy nhiên, lại cũng theo khoa học hệ thống, bất cứ hệ phức tạp nào cũng có tính độc lập tương đối của nó, thì giáo dục cũng vậy, cho nên dù khó khăn chung còn nhiều thì cái ngành hoạt động quốc sách hàng đầu này vẫn cần được sự quan tâm chăm sóc nhiều hơn của Nhà nước và xã hội để phát triển tốt. *Thua kém về gì chứ về trí thông minh sẽ khó được bù lại bởi những ưu thế khác*, nhất là ở thế kỷ trí thức này. Đó là quy luật khắc

nghiệt sẽ trừng phạt chúng ta nếu cứ để cho giáo dục sa lầy trong những cuộc thi tốn kém vô lối và tàn nhẫn, những cuộc thí nghiệm chương trình và sách giáo khoa vội vã, hết cải tiến đến cải lùi, và những chuyện dạy thêm, học thêm, luyện thi tràn lan triển miên như không bao giờ chấm dứt được.

Hoàng Tuy
(Tập chí *Tia sáng*, tháng 9.2002)

Gọi đúng tên thực trạng giáo dục

Tương Lai

Tôi muốn đề nghị gọi đúng tên thực trạng của nền giáo dục nước nhà khi những bản khoản, lo lắng về một mùa thi, một mùa tuyển sinh vừa kết thúc, một năm học mới sắp khai giảng, tạo nên một mối bất an trong tâm lý xã hội.

Liệu có phải là “ một kỳ thi nhẹ nhõm ” như một tờ báo đã chạy một dòng tựa lớn không? áy vậy mà sao tôi lại chưa thấy “ nhẹ nhõm ” được dù qua màn ảnh tivi thấy ông thứ trưởng Giáo dục - Đào tạo (GD-ĐT) khẳng định rằng “ kỳ thi tuyển sinh đại học năm 2002 đã kết thúc tốt đẹp ” . Thế rồi lại đọc được tin : trong “ chiến dịch 1-6 ” của Nhà xuất bản Giáo dục nhằm in sách phục vụ năm học mới, ông bộ trưởng GD-ĐT tỏ vẻ hài lòng “ thế này thì yên tâm rồi ” !

Tivi đã trình làng, báo đã đăng thì chắc là đúng, sao tôi lại ngoan cố không chịu “ nhẹ nhõm ” và “ yên tâm ” , lại cứ ưu tư mãi. GD-ĐT vốn được xác định là quốc sách hàng đầu nhưng “ chiều hướng điểm thi của thí sinh mỗi năm mỗi giảm ” như GSTS Võ Tông Xuân phát biểu và yêu cầu “ phải làm lại chương trình đào tạo từ tiểu học ” (Thời báo Kinh tế Sài Gòn ngày 8-8-2002).

Không ưu tư làm sao được khi tại Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, thí sinh đạt điểm trung bình trở lên chỉ dưới 10% và trong 26.000 thí sinh có tới 21.460 điểm dưới 2 môn Lý và 21.343 bị điểm dưới 3 môn toán. Thậm chí tổng cộng bài làm của 45 thí sinh chỉ được trên 43 điểm ! Thế rồi giải thích cho chuyện điểm thi kém, một quan chức Bộ GD - ĐT lại đổ tội cho các lò luyện thi dạy “ tù ” . Rồi trong hội nghị kết thúc tuyển sinh người ta lại “ yên tâm ” với thành tích đổi mới cách thức ra đề thi, cách tổ chức thi... đã xoá được tình trạng học tù, học lệch. Cứ như trăm tội là do các lò luyện thi gây nên cả. Liệu có phải đây là một kiểu “ đánh bùn sang ao ” ?

Quả là không hay ho gì chuyện làm ăn của các lò luyện thi. Nhưng thử hỏi đó là sản phẩm của ai ? Nếu học sinh đã được dạy dỗ nghiêm chỉnh và đạt được chất lượng tốt ngay trên ghế nhà trường phổ thông thì liệu họ và bố mẹ họ có phải tốn công, tốn của đến các lò luyện thi không? Nếu gọi đúng tên việc các lò luyện thi cứ đẹp mãi mà không được, đó chính là chỉ báo về sự mất lòng tin của học sinh và bố mẹ học sinh vào hệ thống GD-ĐT. Mà ai đang đứng trên bục giảng của các lò luyện thi ấy nếu không phải chính là những thầy giáo, cô giáo trong hệ thống quản lý của ngành GD-ĐT ?

Không nhìn thẳng vào bản chất của vấn đề, gọi đúng tên sự vật, không thể có được sự chấn hưng GD-ĐT đang là đòi hỏi bức xúc của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước hết là giải tỏa được nỗi bất an trong tâm lý xã hội về chuyện học hành của con em.

Hãy nhìn những “chợ phao” nhộn nhịp và công khai ngay gần kề trụ sở Bộ GD-ĐT, rồi cảnh trước cổng trường thi sau khi tan cuộc “phao” vút trắng xóa; “Có một đường dây chạy vào đại học” với những giá biểu hấp dẫn: thi đỗ công chức 10 triệu đồng, phúc khảo và đậu khoa y Đại học Tây Nguyên 5 triệu đồng (Lao Động ngày 3-7-2002) và rành rọt câu chữ: “*Học bài có khi nhớ khi quên, nhưng có một thứ không thể quên được: bao thư, mỗi bao 200.000 đồng, tổng số lớp học hơn 100 người, vị chỉ thấy giáo “đón nhận” hơn 20 triệu đồng/môn.*” Bài báo đặt ra câu hỏi: “*Đâu là thước đo để xác nhận ranh giới, ý nghĩa của “kết quả” giữa việc phải lo học và phải lo... bao thư?*” (Tuổi trẻ 14-5-2002).

Trên Thời báo Kinh tế Sài Gòn số ra ngày 11-7-2002, giáo sư Hoàng Tụy cảnh báo: “*Chưa ở đâu trên thế giới bằng cấp sản xuất nhiều, nhanh, rẻ như ở nước ta trong mấy năm qua... Thật đáng xấu hổ cho nền học ở nước ta. Thế mà dự kiến mười năm nữa nước ta sẽ sản xuất mỗi năm một vạn rưỡi tiến sĩ thì trong đó có bao nhiêu tiến sĩ thật?*”. Trong một cuốn sách mở đầu cấp tiểu học, những người soạn sách đã “*không hề chú ý xem những câu được đem ra dạy có phải là những câu có lời hay ý đẹp không, hay là những câu cực kỳ ngây ngô, thậm chí quái gở mà ngay đứa bé đần độn nhất cũng không bao giờ thèm nói*” (Văn Nghệ, số ra ngày 20-7-2002). Chẳng thế mà ngay sau khi bộ sách giáo khoa Tiếng Việt tập 1 ra đời thì đồn dập các báo đều lên tiếng. Mà không lên tiếng sao được khi con em chúng ta bước vào lớp 1 đã bị nhồi nhét những kiến thức quái gở theo kiểu: “*Dấu nặng giống gì? Giống cái mụn ruồi, ông sao trong đêm, cái đuôi con rùa*” (Sách dành cho giáo viên, trang 23).

Khởi đầu như vậy thì tránh sao được những hậu quả đáng buồn đã dẫn ra ở trên. Nếu “hiền tài là nguyên khí quốc gia” thì chúng ta đang nuôi dưỡng nguyên khí đó như thế nào đây trong cái “vườn ươm nhân tài” do hệ thống GD-ĐT đang đảm trách?

Tương Lai (Tuổi Trẻ chủ nhật)

Mở lại các môn thi kinh nghĩa

Theo bộ giáo dục và đào tạo, từ khóa tuyển sinh năm 2002-2003, sinh viên phải thi tốt nghiệp nội dung của một trong các môn Khoa học Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; học sinh các trường trung học chuyên nghiệp phải thi tốt nghiệp nội dung môn chính trị. Ngày 5/9, bộ đã có hướng dẫn về việc giảng dạy và học tập các bộ môn này theo đề án đã được thủ tướng chính phủ phê duyệt.

Người ta chưa được biết theo những hướng dẫn đó thì các sĩ tử làm những bài thi này phải làm theo thể *kinh nghĩa* hay *văn sách*, dùng *văn bát cổ* hay *từ lục*. Cũng chưa rõ chương trình chỉ gồm Kinh, Truyện của thánh hiền, hay có cả các *chiếu, chế, biểu* của bản triều. Những nhà sản xuất *phao* cũng mong bộ sớm xuất bản tập đề thi bao gồm các niêm, luật, huy ký rõ ràng, để kịp in cho kỳ thi năm tới. Hãng Xerox đã ký một hợp đồng đầu tư mới để sản xuất tại chỗ máy móc cần thiết, nghe nói trị giá hàng tỉ đôla.

Tụ trường: học phí trả bằng gì?

LTS: Cho con đi học hiện nay ở Việt Nam là một gánh nặng đối với mọi gia đình. Đối với tầng lớp 20% dân cư giàu nhất, để có một đứa con đi học tiểu học, các gia đình phải chi một khoản tiền tương ứng với 19% mức chi tiêu bình quân đầu người của gia đình (không tính lương thực); tỉ lệ tương ứng lên đến 26% nếu là học sinh trung học cơ sở (cấp I) và 40% nếu là học sinh trung học phổ thông (cấp II). Nhưng đối với những gia đình thuộc tầng lớp 20% dân cư nghèo nhất thì những tỉ lệ tương ứng cho từng cấp là 26%, 49% và 135%. Nhân mùa tựu trường vừa qua, báo Tuổi Trẻ Chủ nhật (ngày 25.8.2002) đã trình bày một hồ sơ về học phí năm 2002 từ đó Diễn Đàn tổng hợp lại một số thống kê dưới đây.

1. Người dân đóng góp bao nhiêu?

Một công trình phối hợp nghiên cứu giữa bộ giáo dục Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB) về *tỉ trọng đóng góp của nhà nước và của người dân trong giáo dục* hiện nay cho thấy: Tính trên đầu một học sinh, phần chi phí giáo dục do người dân đóng góp chiếm tới 44,5% ở cấp tiểu học, 28,7% ở cấp trung học cơ sở, 51,5% ở cấp trung học phổ thông, 32,2% ở cấp trung học chuyên nghiệp, 30,7% ở cấp cao đẳng và đại học. Một nghịch lý có thể nhận xét ở đây là cấp giáo dục bắt buộc và, về danh nghĩa, được nhà nước “miễn học phí”, tức tiểu học, lại là nơi người dân bắt buộc phải đóng góp nhiều nhất (sau cấp trung học phổ thông).

2. Thành thị, đồng bằng và miền núi

Một báo cáo của bộ giáo dục về trình độ “xã hội hoá” tức là phi nhà nước hoá ngành giáo dục ở ba vùng thành thị, đồng bằng và miền núi, cho biết: Mức học phí trung bình hàng tháng của học sinh ở các *thành thị* là 47 nghìn đồng ở cấp mẫu giáo, 13 nghìn đồng ở cấp trung học cơ sở, 42 nghìn đồng ở cấp trung học phổ thông. Ở *vùng đồng bằng*, các con số tương ứng cho từng cấp là 13,5 - 6,5 - 11,5 nghìn đồng. Ở *miền núi*, là 11,5 - 6,5 - 18 nghìn đồng. Điều có thể nhận xét ở đây là, so với học sinh vùng đồng bằng, con em miền núi phải đóng góp học phí cao hơn.

3. Hộ giàu, hộ nghèo

Kết quả của một cuộc điều tra do Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia thực hiện ở năm tỉnh đại diện cho cả ba vùng thành thị, đồng bằng và miền núi, cho thấy những chênh lệch về khoản chi cho học tập trong các gia đình tùy theo mức thu nhập: Trong những hộ xếp vào loại ‘*sung túc*’, mức đầu tư bình quân hàng năm cho học tập của con cái là 8,1 triệu đồng (tức là bằng tổng thu nhập bình quân một năm của một hộ ở đồng bằng và gấp mấy lần tổng thu nhập của một hộ miền núi). Mức đầu tư vào học hành của các hộ được xếp vào loại ‘*khá*’ là 1,7 triệu đồng, của các hộ xếp vào loại ‘*trung bình*’ là 1,4 triệu đồng còn hộ ‘*nghèo*’ là 886 nghìn đồng và hộ ‘*đói*’ là 140 nghìn đồng. Như vậy khoảng cách chênh lệch về đầu tư cho việc học của con cái giữa các hộ ‘*sung túc*’ và các hộ ‘*đói*’ là 53 lần.

4. Một ví dụ ở Thành phố Hồ Chí Minh

Theo ghi nhận của báo **Tuổi Trẻ**, tiền nhập học của một học sinh lớp 6 bán trú ở trường trung học bán công Đồng Khởi, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh gồm những khoản như sau : 1/ Học phí chính : 75 000 đ. 2/ Học phí bán trú : 70 000 đ. 3/ Phí phục vụ bán trú và phụ đạo : 50 000 đ. 4/ Phí học vì tính : 15 000 đ. 5/ Tiền ăn : 147 000 đ. 6/ Mua sắm bán trú (cả năm) : 150 000 đ. 7/ Cơ sở vật chất (cả năm) : 45 000 đ. 8/ Phí vệ sinh (học kỳ I) : 25 000 đ. 9/ Các đóng góp khác (bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, nha học đường, quỹ hội phụ huynh học sinh, lệ phí thi, học bạ, sổ liên lạc, phù hiệu, giấy bao tập...) : 180 000 đ. 10/ Sách giáo khoa : 91 000 đ. 11/ Đồng phục thường ngày : 120 000 đ. ; đồng phục thể dục : 30 000 đ. Tổng cộng : 998 000 đ.

5. Bán bao nhiêu ký gạo để mua sách ?

Theo chứng từ của ông Thanh Phương, độc giả của báo **Tuổi Trẻ** ở tỉnh Khánh Hoà : Trong nông thôn, tiền trường, tiền sách vở, tiền học... đều trông cậy vào mùa màng, lúa gạo, nhưng có phải vụ nào cũng được mùa. Hãy làm một phép tính đơn giản : mua bộ sách giáo khoa lớp 6 gồm 18 cuốn, không tính sách bài giải và các sách tham khảo, hết 96 500 đồng (phụ huynh *buộc phải mua* bởi sách giáo khoa lớp 6 năm học 2002-2003 theo chương trình mới). Trong khi giá lúa hiện nay trên thị trường chỉ 1 800 - 2 200 đ/kg. Vậy người nông dân phải bán đi bao nhiêu ký lúa mới mua được bộ sách cho con em mình ? Còn tiền giấy vở, bút mực, đồng phục học sinh, rồi tiền trường lớp... làm sao phụ huynh có thể lo nổi. Có ai hỏi : tại sao học sinh ở nông thôn bỏ học ngày càng nhiều ?

Sách giáo khoa mới : ai có lý ?

Báo **Lao Động** (điện tử) ngày 15.9 đã mở một hồ sơ chuyên đề mang tên để triển khai “cải cách giáo dục” tiểu học 2002-2003 (dấu ngoặc kép là của tờ báo). Thực ra hồ sơ không đề cập tới toàn bộ “cải cách giáo dục” mà tập trung vào một vấn đề đã làm xáo động dư luận trong nước từ cuối tháng 8 vừa qua : việc bộ giáo dục và đào tạo đưa bộ sách giáo khoa (SGK) mới của các lớp 1 và 6 triển khai đại trà vào năm học này.

Ông Nguyễn Kế Hào (nguyên vụ trưởng vụ Tiểu học, bộ GD-ĐT) nhận xét : “ Sách Toán lớp 1 dạy phép cộng và phép trừ không nhớ trong phạm vi 100 là không thích hợp, là quá tải và làm rối rắm tư duy của trẻ... Sách Tự nhiên - Xã hội lớp 1 lại được viết như sách dành cho trẻ em mẫu giáo lớn vì nhìn vào sách, trẻ em chỉ việc nhận diện chứ không phải suy nghĩ...”. Ông cho biết thêm, “ nhiều điều trong SGK khiến giáo viên không hiểu, mà khi tập huấn thay sách đem hỏi cán bộ hướng dẫn thì chỉ nhận được câu : “ Cấp trên đã nghiên cứu cả rồi, cứ thế mà làm !”, rằng chương trình thiết kế cho học sinh học 1 buổi/ngày và 2 buổi/ngày đều như nhau, v.v và v.v...”, rồi kết luận : “ Bộ sách mới dành cho lớp 1 mà NXB Giáo dục vừa in xong cần phải được viết lại chứ không chỉ là điều chỉnh, bằng không sẽ phải trả giá đắt ”.

Giáo sư Hồ Ngọc Đại gay gắt hơn: “ Tôi hoàn toàn có tư cách khoa học và trách nhiệm đảng viên nói quyền sách Tiếng Việt lớp 1 do Dự án tiểu học biên soạn vội vàng là một việc làm bất hợp pháp, phản khoa học và phi đạo lý...”. Tiếc rằng LĐ không khai thác hỏi thêm ông Đại bất hợp pháp ở chỗ nào.

Sau khi đi vào chi tiết, về việc sách Tiếng Việt lớp 1 mới buộc các giáo viên phải dạy chữ cái e trước a, một phụ huynh học sinh, sau khi chỉ ra những “ suy luận tùy tiện mang danh cải tiến ” của bà Đặng Thị Lanh (PGS, TS, chủ biên bộ sách), đã thốt lên : “ Chúng ta đã từng tốn bao tiền của cũng như đã phải trả giá cho việc cải cách chữ viết để rồi sau bao nhiêu năm lại quay về phục hồi lại kiểu chữ viết cũ. Cải cách Tiếng Việt lớp 1 liệu có lặp lại lối mòn đó ? Phụ huynh chúng tôi hoàn toàn không muốn con em mình trở thành vật thí nghiệm cho những cải cách, đổi mới kiểu đó.”

Ông Nguyễn Hữu Trúc (Hiệp hội UNESCO VN, nguyên

hiệu trưởng các trường Thái Thịnh, Trung Tự - HN) nhấn mạnh một khía cạnh khác :

Trên phương diện kinh tế, SGK Toán lớp 1 làm tổn hại nhiều tỉ đồng cho Nhà nước và cha mẹ học sinh vì sách chỉ dùng được 1 lần cho 1 học sinh. Lý do là phải làm luôn bài tập vào trong sách, trả lời và viết chữ số ngay vào sách để học. Trước đây các trường cho học sinh mượn sách, sau 1 năm trả lại thư viện trường mà chỉ phải trả khoảng 20 % theo giá bìa, một cuốn sách có thể dùng trong nhiều năm, cho nhiều học sinh, vừa tiết kiệm, vừa tạo điều kiện cho các em nghèo có đủ sách để học ; trong gia đình sách anh học em vẫn dùng được.

Ông Trúc cho biết, sách in 850 000 cuốn, giá mỗi cuốn 8 500 đ, riêng môn Toán lớp 1 đã tốn 7 tỉ 225 triệu đồng. Đây là chưa kể các môn khác như Tiếng Việt lớp 1 giá còn cao hơn (9.800đ/cuốn). Phụ huynh còn phải mua sách Tự nhiên - Xã hội lớp 1 và nhiều sách khác nữa...

Ông có đem vấn đề này trao đổi với một vài phụ huynh thì đều được trả lời : “ Có bác không biết chút các vị viết sách thì biết quá đi chứ ! Sang năm sách không dùng được thì phải tái bản, mà đã tái bản thì phải có phần trăm nhuận bút của trên 7 tỉ đồng... Bác hiểu chưa ! ”.

Con tính của ông Trúc hơi bị... nhỏ ! Theo tin các báo, năm nay nhà xuất bản Giáo dục đã phối hợp với các công ty sách và thiết bị trường học các địa phương phát hành 52,5 triệu bản SGK lớp 1 và lớp 6 mới. Tạm theo giá hai cuốn sách lớp 1 mà ông Trúc cho biết, lấy trung bình 9 000 đ/cuốn, ta được 472,5 tỉ đồng...

Lao Động không phải là tờ báo trong nước duy nhất nêu những vấn đề trên đây. Nhưng cũng như các báo khác, một câu hỏi cấm kỵ tất nhiên vắng bóng : tại sao nhà nước phải độc quyền xuất bản sách giáo khoa ?

Có lẽ vì, các nhà báo đều biết rằng nếu có ai nêu ra chắc đều sẽ được hướng dẫn về phía ban tư tưởng văn hoá để được trả lời. Những con số nêu trên đều mang tính đảng.

Vì thế mà bài này không trích dẫn những đoạn trả lời của bộ giáo dục về những lý do “ khoa học, sư phạm...” chứng minh rằng họ có lý khi đưa ra những cải tổ dẫn đến việc ra sách mới.

H.V.

ĐỌC SÁCH

Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên và Thử Thách của Hội Nhập

Tiểu Hàng Ngôn ⁽¹⁾

I.

Từ khi bắt đầu thời kỳ đổi mới đến nay, nền kinh tế Việt Nam ngày càng được thế giới lưu ý, có thể vì ba lẽ : 1) chỗ đứng hầu như “ thần thoại ” của Việt Nam trong lịch sử thế giới cận đại ; 2) tầm quan trọng của vùng đất này trong khu vực Đông Nam Á và 3) những thành tích khá nổi bật của Việt Nam trong phát triển, nhất là khi phần lớn những thành tựu (và một số hụt hẫng) ấy được nhiều người xem như hậu quả của chính sách. Và tất nhiên, đối với đa số người Việt thì mối lưu tâm này là bẩm sinh, không cần giải thích.

Những biến chuyển này đã là đề tài của nhiều nghiên cứu, từ các tổ chức quốc tế (như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới) và vài quốc gia (đáng kể là Nhật Bản, Thụy Điển). Song, cho đến nay thì những công trình ấy chỉ được một số chuyên gia kinh tế biết đến vì nhu cầu nghề nghiệp, và nhất là những tài liệu trong nước thì phần tán mát, phân mang tiếng là nặng tính chính trị, ít được biết ở nước ngoài.

Trong bối cảnh ấy, đồng đảo người đọc trông đợi những tác phẩm có khả năng cố gắng hiện một cái nhìn toàn cảnh về kinh tế Việt Nam, nhất là viễn tượng tương lai của nước này, dưới lăng kính khoa học, với những phân tích khách quan, phi chính trị, tương đối chi tiết. Hai quyển sách xuất bản trong nước gần đây có cơ đáp ứng nguyện vọng này : *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên* (2001) do Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình chủ biên, và *Thử Thách của Hội Nhập* (2002) cũng do hai người trên chủ biên, cùng với Vũ Quang Việt.⁽²⁾

II.

Quyển thứ nhất dài 600 trang, gồm 28 bài của 24 tác giả, quyển thứ nhì 480 trang, gồm 18 bài của 15 tác giả. Tất cả đều là người Việt Nam. Ấn tượng nổi bật đầu tiên là sự có mặt đồng đảo của kinh tế gia người Việt ở hải ngoại (16 người trong quyển trước, 8 người quyển sau), cùng chung với các kinh tế gia trong nước (mà đa số cũng đã được đào tạo ở nước ngoài). Ấn tượng thứ hai của người đọc là cảm giác choáng ngợp trước độ rộng của các đề tài mà tập thể tác giả bàn đến, từ vĩ mô đến vi mô, từ lý thuyết sang thực hành, từ Trung Quốc to lớn đến Bến Tre xứ dừa. Tiêu biểu là những bài như *Nhìn lại thập niên đổi mới 1989-1999* (quyển trước) của Phạm Đỗ Chí và Lê Việt Đức, cho độc giả một cái nhìn toàn cảnh về giai đoạn bản lề này của Việt Nam, và bài *Vấn đề phát triển trong công bằng thời đại toàn cầu hoá* (quyển sau) của Trần Văn

Thọ, hội nhập một cách tài tình và trung thực lý thuyết kinh điển cơ bản và những lưu tâm bức xúc trước một vấn đề ngày càng nổi cộm ở Việt Nam. Và ít ai có thẩm quyền hơn Trần Quốc Hùng về tình hình kinh tế trong khu vực.

Mọi người, ở bất cứ trình độ chuyên môn nào, đều sẽ học được nhiều qua hai quyển sách rất súc tích này. Hiếm thấy một loạt những thống kê kinh tế quan trọng về Việt Nam (và ai thắc mắc về độ khả tín của các số liệu này thì lại có bài của Vũ Quang Việt để đả thông) được chọn lọc, vừa phải và không tống ngôn, đưa vào giữa hai bìa một quyển sách như ở đây. Không thể nghi ngờ : đây là những phân tích kinh tế chuẩn mực, lý giải một cách trong sáng và cặn kẽ, do những chuyên viên biết họ đang viết gì. Độc giả có thể bỏ nhiều ngày để nghiền ngẫm từng trang.

Theo lời dẫn của những người chủ biên thì đa số tác giả chưa từng gặp mặt nhau, và sự kiện này, tiếc thay, đã hiển hiện phần nào trong hai quyển sách. Rõ ràng là đa số bài được viết vào nhiều thời điểm khác nhau (có bài đã không cập nhật những con số khá cũ), cho những diễn đàn khác nhau, nhằm những mục tiêu khác nhau. Một khuyết điểm thường gặp trong những tuyển tập nhiều tác giả là sự không đồng đều về chất lượng. Khuyết điểm này cũng có ở đây. Nhiều bài, nhiều đoạn, quá dài dòng vãn tự. Trong lúc nhiều bài phân giải mạch lạc, có hệ thống, thì một số khác thực sự chỉ là một bản “ liệt kê đồ giạt ” (*laundry list*) những biện pháp mà tác giả khẳng định nhà nước cần làm. Độc giả thấy rõ là lắm chỗ cần được biên tập chặt hơn, rút ngắn lại, loại bỏ những tản mạn nhiều cảm tính vãn chương, sô vanh dân tộc, hơn là khoa học.⁽³⁾

Gập sách lại, người đọc có hai cảm tưởng gần như tương phản. Một đằng thì mong các tác giả phối hợp nhau hơn, nhưng đằng khác thì lại muốn có nhiều ý kiến đa dạng hơn. Vì tác giả nào cũng muốn nói tất cả những gì mình muốn nói (mà họ có rất nhiều điều muốn nói !), người đọc bị ngợp lặn trong một đại dương đề nghị, điều nào nghe cũng hay, nhưng ít điều nổi bật.

III.

Xem hai quyển này như là điển hình những “ tinh hoa ” trong nghiên cứu kinh tế Việt Nam hiện đại, người điếm sách xin góp thêm vài nhận xét.

Thứ nhất, phần lớn phân tích và đề nghị về Việt Nam của đa số giới kinh tế (không chỉ trong hai quyển này) đều là khá “ thông thường ” ở chỗ gần như mọi người đều chấp nhận. Đến chừng mực nào đó, tiếp cận này là phản ảnh cái “ agenda ” và lối nhìn của các tổ chức quốc tế : Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới, Ngân Hàng Phát Triển Châu Á v.v... Phần nào điều này là khó tránh vì đa số các nghiên cứu có tầm mức về Việt Nam là do các tổ chức này đỡ đầu (hoặc dựa trên những tài liệu của các tổ chức này) tất nhiên là cho những mục tiêu của họ (chẳng hạn như để làm tài liệu cho các chương trình cho vay và viện trợ). Song nói thế không có nghĩa là chúng không có những hụt hẫng đáng lo ngại tự căn bản, cụ thể là về phương pháp luận. Cái chính là tính phi lịch sử, phi

thể chế⁽⁴⁾. Quan trọng hơn, hướng nghiên cứu này cho ấn tượng có một sự thiếu “ gắn kết ”, nhất là ở Việt Nam và các nước xã hội chủ nghĩa (như Trung Quốc), giữa quan tâm của những lý thuyết gia nội bộ (vẫn còn bức xúc truy tìm cơ sở kinh điển cho sự hội nhập mác xít và tự do kinh tế kinh doanh) và tiếp cận dựa vào kinh tế học thị trường như ở đây. Đó là một điều đáng tiếc, nếu đúng.

Thứ hai, còn rất nhiều vấn đề căn bản cần đào sâu hơn, nhất là những lợi thế, chướng ngại, và công cụ đòn bẩy mà thể chế đặt ra cho phát triển kinh tế, các vấn đề liên hệ đến những luồng vốn nước ngoài (xa hơn cái “ toàn cầu hoá ” chung chung), và lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Hi vọng trong những công trình sau, các vấn đề này sẽ được đề cập nhiều hơn, do chính những tác giả này hoặc những người khác lưu tâm đến tương lai Việt Nam. Người đọc cũng muốn có những suy nghĩ sâu rộng hơn, thẳng thắn hơn, về bóng chiếu mà quá trình lịch sử Việt Nam sẽ rơi lên tương lai nước này, và cụ thể hơn, những thừa kế, tốt lẫn xấu, của thời kỳ cực điểm của khối xã hội chủ nghĩa ở Nga và Đông Âu đã để lại cho Việt Nam. *Ôn cố tri tân*. Mượn hình ảnh ví von của Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình, muốn “ đánh thức con rồng ngủ quên ” thì có lẽ trước hết phải tìm hiểu tại sao con rồng đã ngủ, và hơn nữa lại ngủ quên.

Thứ ba, như đã nói khi vào đầu bài điểm sách này, Việt Nam đang dần tích lũy nhiều kinh nghiệm (vì mô lẫn vĩ mô) mà thế giới nói chung, và những nước cần phát triển nói riêng, có thể học hỏi. Cụ thể, nhiều nhà kinh tế ngoại quốc đã có một số đóng góp lý thuyết quan trọng do những cảm hứng lấy từ “ hiện tượng Việt Nam ” (David Dollar về cách sử dụng viện trợ kinh tế, John McMillan về hạn chế của các nền kinh tế chỉ dựa vào sự tin cậy cá nhân, Wing Thye Woo và Jeffrey Sachs về vấn đề chuyển tiếp so với Đông Âu, v. v.). Đối chiếu kinh nghiệm kinh tế giữa các quốc gia có những lịch sử khác nhau, những thể chế khác nhau, là cần thiết, và có thể xem đó như là trách nhiệm đóng góp của các nhà kinh tế Việt Nam cho kinh tế học nói chung.

Nói gì thì nói, cuối cùng vẫn phải khẳng định : hai quyển sách này là hai tài liệu hữu ích, cần đọc, cho những ai quan tâm đến kinh tế Việt Nam.⁽⁵⁾

Tiểu Hàng Ngôn

9/2002

(1) Để đọc giả công minh phê phán, xin tự thú : người điểm sách là bạn và đã nhiều lần làm việc chung với vài tác giả có bài trong hai quyển này. Tuy nhiên, anh ta chỉ đọc hai quyển này sau khi xuất bản.

(2) Tổ hợp xuất bản : NXB TP Hồ Chí Minh, Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn, và Trung Tâm Kinh Tế Châu Á - Thái Bình Dương (VAPEC)

(3) Cả hai quyển cũng cần có danh mục cuối sách (index)

(4) Xin xem bài *Độc Stiglitz* của Trần Hữu Dũng, *Diễn Đàn* số 120.

(5) Được biết quyển *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên* đã được dịch ra tiếng Anh và nhà xuất bản Routledge sẽ phát hành năm 2003.

BỒ TÙNG LINH, *Liêu Trai chí dị toàn tập*, 3 tập (tổng cộng 2000 trang), bản dịch của Vọng Chi Nguyễn Chí Viễn & Trần Văn Tư, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin, 1996.

Không biết là bản dịch Liêu Trai thứ mấy, song đây là lần đầu tiên độc giả tiếng Việt có trong tay trọn bộ 445 truyện của Bồ Tùng Linh theo trình tự sáng tác. Chỉ riêng việc này cũng đáng biểu dương và mong rằng nó sẽ khuyến khích các dịch giả khác đi theo hướng này. Xin lấy một ví dụ : bộ *Sử kí* Tư Mã Thiên, hiện nay chúng ta có hai bản dịch khá tốt của Nguyễn Hiến Lê và Nhữ Thành (bút hiệu ông Phan Ngọc dùng trong hai thập niên ông không được kí tên thật). Nhưng cả hai chỉ là những bản trích dịch. *Sử kí* là bộ sử kinh điển của văn hoá nhân loại và một áng văn tuyệt vời, thế mà sang thế kỉ 21, độc giả tiếng Việt vẫn chưa được đọc toàn văn.

Trở lại bản dịch trọn bộ Liêu Trai : một bản dịch công phu, in khá đẹp, chữ hơi nhỏ và chỉ tiếc những trang minh hoạ chụp lại từ bản Hán ngữ thường bị mờ, hình vẽ mờ ảo thì có vẻ Liêu Trai, nhưng các bài thơ tứ tuyệt tóm lược mỗi truyện mà bị mờ thì hơi phiền (cũng may có phần phiên âm).

WILLIAM J. DUIKER, *Ho Chi Minh*, Nhà xuất bản Hyperion, New York, 2000, 698 trang.

Đây là cuốn sách dày nhất về Hồ Chí Minh, cũng là cuốn sách đầy đủ nhất dựa trên khối lượng khá lớn sách báo viết về đề tài này, cũng như trên các văn khố lưu trữ mà tác giả đã trực tiếp tham khảo (như ở Pháp và Hoa Kỳ) hoặc dựa vào công trình của các nhà nghiên cứu khác (như văn khố ở Nga, Trung Quốc, Việt Nam mà chính ông cũng đã tới làm việc hay thăm viếng). Tác giả nguyên là một công chức Bộ ngoại giao Mĩ, làm việc ở Sài Gòn giữa thập kỉ 1960 và từ đó “ [tôi] bị quyến miến (fascinated) bởi Hồ Chí Minh ” (lời tựa). Cuốn sách là kết quả của 20 năm nghiên cứu, sưu tầm, sau khi Duiker bỏ nghề ngoại giao để trở thành nhà sử học.

Ưu điểm nổi bật của *Ho Chi Minh*, do đó, là đã tổng hợp những hiểu biết về nhân vật lịch sử kiệt xuất này trên cơ sở các tư liệu và nghiên cứu được công bố trong nửa sau thế kỉ 20, tổng hợp một cách nghiêm chỉnh, cẩn cù, thận trọng và tỉ mỉ. Nó là công cụ tham khảo bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu Hồ Chí Minh cũng như cho các nhà nghiên cứu. Bởi vì Hồ Chí Minh, hơn bao giờ hết, vẫn còn là một lục địa chưa được sử học khai phá toàn diện. Nếu các văn khố ở Pháp và Mĩ đã được khai thác nhiều, các kho tư liệu ở Nga, Trung Quốc và Việt Nam chưa được mở ra rộng rãi cho giới nghiên cứu khoa học, hoặc mới chỉ bắt đầu.

Một thí dụ không quan trọng nhưng có ý nghĩa và mang tính thời sự là trường hợp bà Tăng Tuyết Minh (xem ĐĐ số 121). Tác giả chưa được đọc công trình của nhà sử học Hoàng Tranh (tuy ông đã tới Quảng Châu), nên chỉ dựa trên báo cáo của Lâm Đức Thụ và Lê Quang Đạt gửi Mật thám Pháp (lưu trữ tại Aix-en-Provence). Quan trọng hơn là thập kỉ 1930 mà chỉ văn khố ở Nga mới mang lại những hiểu biết mới. Chính vì vậy mà người ta chờ đợi những công trình “ mũi nhọn ” như của Sophie Quinn-Judge (sẽ xuất bản cuối năm nay). Sau năm mươi công trình như thế nữa, có lẽ người ta mới biết Hồ Chí Minh là ai.

Kiến Văn

Đôi lời bàn thêm về
BẢN KIỀU DUY MINH THỊ
Nguyễn Tài Căn

1 Mấy năm vừa qua, nhất là trong khoảng 1997-1999, đã có nhiều bài trao đổi đề cập đến ý kiến của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn xung quanh bản Kiều Duy Minh Thị (DMT) (1). Về bản Kiều Nôm cổ này, với sự giúp đỡ của Cụ P. Schneider và Anh Tạ Trọng Hiệp, sau các đợt sang Pháp, chúng tôi cũng đã có được một ít hồ sơ. Nhưng trong quá trình theo dõi luận cứ các bên đưa ra, chúng tôi vẫn tự thấy chưa thực sự có đầy đủ tư liệu và cũng chưa thực sự có thể có ý kiến dứt khoát được. Do lẽ đó, chúng tôi đành phải đứng ngoài cuộc, chưa dám phát biểu gì. Nay nhân may mắn được hai Anh Đặng Tiến và Alexandre Lê cung cấp thêm cho một số bản photocopy cần thiết, bổ sung được những chỗ khiếm khuyết trong hồ sơ cũ, vì vậy chúng tôi xin viết bài này, góp thêm một đôi lời vào những vấn đề đã và đang tranh cãi.

2 Bản Kiều Duy Minh Thị được khắc ván mới (*tân thuyê*n) vào mùa xuân năm Nhâm Thân 1872 : khắc ván mới, nhưng để in lại (*trùng san*) một bản Kiều cổ, có nguồn gốc từ khá lâu về trước. Về sau, nó còn được in lại ít nhất là 3 lần nữa : năm 1879 và năm 1891 và năm 1915 (2).

Bản DMT 1872, do thuê thợ Trung Quốc khắc in ở Quảng Đông, nên chữ Nôm bị khắc sai rất nhiều, nhiều khi làm cho câu thơ đọc lên nghe mất cả nghĩa hoặc mất cả vần. Có lẽ đó là nguyên nhân vì sao các nhà biên khảo Truyện Kiều, trong suốt 70 năm đầu thế kỉ 20, hầu như không ai viện dẫn đến nó, đưa nó vào danh sách các tài liệu tham khảo (3). Ngay năm 1963, trong dịp Viện Văn học chuẩn bị kỉ niệm 200 năm năm sinh của Nguyễn Du cũng vậy. Năm đó, anh Tạ Trọng Hiệp đã từ Paris gửi về cho nhóm Anh Nguyễn Văn Hoàn bản in năm 1879, nhưng bản này đã bị loại bỏ ; chính gần đây Anh NV Hoàn cũng xác nhận : “ *nhóm chúng tôi đã không sử dụng bản này làm căn cứ tư liệu tra cứu* ” (4).

Người thấy được sớm nhất cái quý của bản DMT và quan tâm nhiều nhất đến cái quý đó là Giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Theo lời giáo sư kể, cách đây 60 năm, khoảng 1942-1943, Giáo sư đã gặp được một bản sao – chắc chính bản đã gọi lên những thắc mắc buộc giáo sư phải tiến hành điều tra, xác minh, qua dòng họ tác giả, ngay trong những dịp nghỉ hè hồi ấy. Và về sau thì Giáo sư cũng đã tìm cách để có được bản in năm 1872. Anh Nguyễn Văn Hoàn cho biết cách đây 20 năm, nhân sang Paris, Anh đó có dịp gặp Giáo sư, bàn bạc về Truyện Kiều, và Anh đã thấy rõ được Giáo sư quan tâm đến bản này như thế nào (4). Theo Giáo sư, đây là một bản Kiều đáng được coi trọng : tuy nó bị sai lầm nhiều chỗ, nhưng phần lớn đó là những sai lầm khá “ *giản dị* ”, dễ đính chính ; mặt khác, nó lại có được một điểm quý rất cơ bản : có những chi tiết về một số phương diện chứng tỏ rằng nó có một bản gốc rất xưa và rất gần với nguyên tác (5). Không phải ngẫu nhiên mà Giáo sư đã coi nó như bản đứng đầu danh sách 8 bản Giáo sư đã đối chiếu, trong khi biên soạn bản Kiều tâm nguyên của mình.

Tiếc rằng mãi cho đến khi mất, Giáo sư vẫn chưa kịp in bài, in sách để miêu tả, chứng minh một cách thật tỉ mỉ những điều mà Giáo sư đã khám phá. Trong một bài trả lời phỏng vấn, Giáo sư chỉ nói sơ qua rằng ở Miền Nam có một bản Kiều rất quý, rồi nêu tóm tắt một vài điểm quý của nó, quên cả việc gọi tên chính xác đấy là bản Kiều nào (5). Do lẽ đó mới phát sinh ra chuyện người hiểu thế này, kẻ hình dung thế nọ, đưa đến một loạt nhiều bài tranh luận với nhau khá gay gắt.

3 Theo ý riêng chúng tôi, trong khi nói chuyện với nhà báo, rất có thể do Giáo sư chỉ dựa vào trí nhớ, nên khi nhớ đến bản viết tay, khi nhớ đến bản in, khi nói áng chừng, thậm chí có khi dẫn đôi chi tiết không thật chính xác 100 %, nhưng trên đại thể, các kết luận Giáo sư nêu ra đều hoàn toàn có cơ sở.

Giáo sư nghiên cứu chữ huý, thấy bản DMT “ *chỉ có huý đời Gia Long* ”, “ *không huý đời Minh Mạng* ” nên Giáo sư tin rằng “ *bản viết người ta theo đó để sao lại, chắc chắn đầu đời Gia Long* ”. Chúng tôi đã kiểm tra, thấy cơ bản đúng, và đã có 2 bài ủng hộ (6). Ở đây chúng tôi chỉ xin nhắc lại một cách tóm tắt :

– Trong Truyện Kiều có cả thảy 7 chữ liên quan đến các lệnh kị huý giai đoạn Gia Long - Minh Mạng, bao gồm 4 chữ theo lệnh năm 1803 : CHỮNG/GIỐNG (Gia Long), KHANG (cha Gia Long), LAN (Mẹ cả Gia Long), HOÀN (Mẹ đẻ Gia Long) ; 2 chữ theo lệnh năm 1820 : LAN (tên Chúa N. P. Lan, cũng đọc LÀN theo Cổ Hán Việt), NGUYỄN (tên Chúa N. P. Nguyễn) ; và 1 chữ duy nhất liên quan đến Minh Mạng, theo lệnh năm 1836 : chữ CÁO/KIẾU trong câu 2564 :

Truyện cho CÁO táng di hình bên sông.

– Dùng nhiều nhất là chữ CHỮNG (4 lần, theo Đào Duy Anh, 7 lần theo Kiều Oánh Mậu) và chữ LAN (5 lần theo theo Đào Duy Anh, 7 lần theo Kiều Oánh Mậu). Tuy chỉ dùng để ghi Nôm từ GIỐNG, nhưng chữ CHỮNG vẫn được kị huý triệt để : 6 lần thay bằng những chữ khác và 1 lần thêm 3 dấu phụ trên đầu để “ *gia dạng* ”. Chữ LAN kị huý còn triệt để hơn nữa : không những cả 7 lần, bản DMT đều đã thay danh từ LAN bằng HƯỜNG theo đúng lệnh năm 1803, mà bản DMT còn tìm cách để kị huý cả tiếng Nôm đồng âm là động từ LAN thuần Việt (trong CỎ LAN MẶT ĐẤT), kị huý 3 lần cả chữ LÀN và 1 lần cả chữ DAN trong DAN ĐIỀU, do lẽ có bộ phận viết là LAN trong hai chữ này.

Hai chữ HOÀN, NGUYỄN cũng được kị huý. Riêng chữ duy nhất liên quan đến Minh Mạng (CÁO/KIẾU) thì trong bản DMT vẫn viết với tự dạng bình thường vốn có. Như vậy là đúng như ý kiến của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn : bản Kiều gốc mà ta còn thấy dấu vết qua bản DMT là một bản đã được định hình vào đầu thế kỉ 19, lúc Cụ Nguyễn Du còn sống. Cố nhiên, theo thói thường, có thể bản này cũng đã được sao đi chép lại nhiều lần, hình thành nên những bản hậu kì, có ít nhiều thay đổi. Bản mà Duy Minh Thị trực tiếp dựa vào để trùng san chắc là một bản in, đã chữa lại một chi tiết : miễn huý cho chữ KHANG, theo lệnh năm 1825 (7).

4 Để cân nhắc niên đại của bản DMT, theo Giáo sư, có một hướng kiểm tra nữa, cũng rất quan trọng, là “ *so sánh với bản gốc, nguyên truyện của Trung Quốc* ” vì “ *nếu cái bản xưa gần bản chính của Trung Quốc chừng nào thì là xưa chừng ấy* ”. Điều đó cũng dễ hiểu : giai đoạn ban đầu, lúc mới phác

thảo bản Nôm thì thế nào sự diễn âm cũng đang chịu nhiều sự gò bó của nguyên tác, chỉ về sau, khi đã nhuận sắc lại thì bản tiếng Việt mới dần dần trở thành uyển chuyển hơn.

Đối chiếu với nguyên tác của Thanh Tâm Tài Nhân (TTTTN) dễ thấy ngay những điểm như sau :

A) Lúc Kiều mới đến Lâm Tri, nguyên tác tả : “ *Khi vào tới gia đường, xa xa thấy trên bàn thờ đã bày nhiều hoa quả, trên treo bức tượng giống như Quan Thánh Đế Quân, nhìn kỹ ra thì thấy tượng ấy có hai vết lông mày trắng* ”. Đoạn ấy nay ở các bản Kiều ta thường thấy in là :

Giữa thì hương án hẵn hoi

Trên treo một tượng trắng đôi lông mày (câu 930)

Riêng bản Duy Minh Thị cho một câu khác thế :

Giữa thì hương nến hẵn hoi

Treo tranh Quan Thánh trắng đôi lông mày

Rõ ràng bản DMT còn diễn Nôm theo sát nguyên tác ; các bản in về sau thì không còn dám để cái danh hiệu thiêng liêng của Quan Thánh đế quân dính với chốn lầu xanh như thế nữa !

B) Đoạn Thúy Kiều mới nghe Sở Khanh “ *hoạ vân* ”, mới thấy Sở Khanh “ *cũng mạch thư hương* ” thì tác giả TTTN cho nàng có ý nghĩ : “ *Nếu chàng này có thể cứu thoát ta thì dù ta theo chàng đi nữa, cũng là may mắn* ”. Bởi vậy đoạn sau đó tác giả viết tiếp : “ *Thúy Kiều bỗng lại nghe tiếng Sở Khanh ngậm nga ở bên kia lầu, liễn tựa cửa sổ, ghé mắt trông kỹ* ”. Chi tiết cuối cùng này, Nguyễn Du đã theo sát ở bản DMT :

Bóng nga thấp thoáng dưới màn

Trông chàng nàng cũng ra tình đeo đai (câu 1064)

Nhưng về sau, có lẽ do nghĩ đến thói quen phía con gái thường phải rụt rè, e lệ hơn, nên sự nhuận sắc đã đảo lại trật tự giữa 2 chữ CHÀNG, NÀNG chuyển thành một cảnh khác hẳn – cảnh Sở Khanh trở nên người chủ động :

Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai

C) Bữa tiệc rượu ban đêm tổ chức tiễn đưa Thúc Sinh về với Hoạn Thư, Thanh Tâm Tài Nhân cho thấy Thúc Sinh đang say mê, ngại chia li, rất muốn đi nhanh về nhanh, nên Kiều phải đưa ra một lời khuyên có tính cách chiến lược : phải gắng về với Hoạn Thư ít nhất là một năm, một năm đầu lâu nhưng rồi cũng sẽ qua thôi. Thấy Thúc Sinh tỏ ra yếu đuối, Kiều đã phải nêu lên tình cảm thiết tha của mình rồi nêu lên lòng tin vào ngày thắng lợi ; Kiều nói với Thúc Sinh, nửa như động viên, nửa như hẹn ước, câu chúc : “ *Ngày này sang năm thiệp chờ mong chàng trở lại* ”. Mấy lời dặn dò tiễn đưa trong bữa tiệc đêm đó, ở bản DMT, ta thấy Nguyễn Du đã cho Kiều nhắc lại, trước lúc chia tay, từ câu 1516 đến câu 1518 :

Thương nhau xin nhớ lời nhau,

Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy

Chén đưa nhớ bữa đêm nay (8)

Chén mừng xin đợi đêm này năm sau

Nguyễn Du đã đổi NGÀY NÀY thành ĐÊM NÀY để lấy lại chữ ĐÊM của câu trên, và cũng để ăn khớp với phong tục xưa : vợ chồng lâu ngày tái ngộ xưa thường tổ chức tiệc rượu về ban đêm. Nhưng không phải chỉ có thế : hôm sau, buổi Thúc Sinh ra đi, Nguyễn Du cũng không để Kiều “ *chỉ đứng sau bình phong gạt lệ* ” như ở nguyên tác mà vẫn cho Kiều đi theo, dặn dò thêm Thúc Sinh một quãng đường khá xa. Hai điểm thay đổi này các bản Kiều 1871, 1879, 1884, và bản VNB-60

đều nhất trí với bản DMT. Nhưng vì thấy tiễn đưa giữa đường và giữa ban ngày như vậy, nên câu nhắc lại lời đêm trước ở bản DMT, các bản này đã chữa lại thành một câu nói của hiện tại :

Chén đưa nhớ bữa hôm nay,

Chén mừng xin đợi đêm này năm sau

Chữa lại như vậy tức là thay bữa tiệc đêm, trong gia đình, bằng một bữa tiệc ngày, giữa đường đưa tiễn : một sự nhuận sắc làm cho các bản này có phần dễ hiểu hơn, nhưng không còn gần Thanh Tâm Tài Nhân như bản DMT nữa !

D) Hai câu 2007, 2008 có lẽ cũng là một trường hợp tương tự. Ở bản DMT chúng ta thấy :

Người đầu sâu sắc nước đời

Mà chàng THỨC THỦ ra người bó tay

THỨC THỦ là tên của Thúc sinh ở trong Thanh Tâm Tài Nhân. Trong Đoạn trường tân thanh không có cái tên ấy. Có lẽ về sau tự phát hiện thấy trên kia mình chỉ giới thiệu

Khách du bồng có một người

Kì Tâm họ Thúc cũng loài thư hương

nên Nguyễn Du đã xoá bỏ tên THỨC THỦ mà coi THỨC + THỦ như một kết cấu động từ + bổ ngữ đứng làm vị ngữ thứ nhất trong câu 2 vị ngữ :

Mà chàng thúc thủ, ra người bó tay

Việc có ý nghĩa giống nhau giữa THỨC + THỦ và BÓ TAY có thể coi như một biện pháp lấy lại để nhấn mạnh. Nhưng có thể về sau, có ý nghĩ cho rằng viết như vậy vẫn là trùng lặp nên THỦ đổi thành PHẢI, và câu chữa thành như hiện thấy :

Mà chàng Thúc phải ra người bó tay

Đ) Cuối cùng là một trường hợp chúng tôi mới phỏng đoán gần đây, cũng xin nêu lên để tranh thủ ý kiến của bạn đọc. Câu thứ 2, bản DMT không khắc TÀI MỆNH GHÉT NHAU mà khác khác hẳn :

Chữ TÀI chữ SẮC khéo là CỢT nhau.

Xét kĩ bản in, chúng tôi thấy hai chữ TÀI, SẮC là hai chữ mới khắc chêm vào sau, không ăn khớp với phong cách 6 chữ còn lại trong toàn câu. Hơn nữa, chữ CỢT (chữ Nôm miền Nam) là một chữ mới do chữ KẾT thêm dấu “ *cá nháy* ” chữa lại mà thành. Vậy chắc trước kia phải có hai chữ gì đó không phải là TÀI, SẮC, MỆNH mà lại đi đôi với nhau, kết với nhau. Đọc lại nguyên tác, chúng tôi gặp ngay lời bình của Thánh Thán (tức /hay Quán Hoa Đường ?) ở ngay đầu hồi thứ nhất : “ *Trong thiên này chữ TÌNH tuy chỉ một chữ nhưng là đại kinh, và chữ KHỔ tuy chỉ một chữ nhưng là đại vĩ...* ”

Chúng tôi nảy sinh ý nghĩ : phải chăng trước kia Nguyễn Du vốn mở đầu theo sát nguyên tác là :

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ TÌNH chữ KHỔ khéo là KẾT nhau

rồi về sau mới có sự đổi lại thành TÀI SẮC CỢT NHAU để cuối cùng lại có sự nhuận sắc thành TÀI MỆNH GHÉT NHAU như hiện thấy ?

Nhuận sắc lại vì tuy truyện Tàu đi theo hướng HỒNG NHAN BẠC MỆNH, nhưng Nguyễn Du đã lái sang một hướng hơi khác, kết luận theo thuyết TÀI MỆNH TƯƠNG ĐỐI : kết luận đã đổi thì mở đầu cũng phải đổi theo.

5 Nói đến vết tích tiếng Nghệ Tĩnh trong bản DMT, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn cho biết : “ *Cụ Nguyễn Du tuy ở Bắc nhiều – mẹ người Bắc – nhưng cái gốc Nghệ cũng không khỏi được. Cho nên tiếng Nghệ instinctivement tự nhiên cụ viết ra ; nhiều khi cụ viết ra những tiếng dùng ở Nghệ chứ ở ngoài Bắc người ta ít dùng lắm. Tuy phần lớn văn Kiều là tiếng Bắc đấy, nhưng có những tiếng như thế* ”. Về vấn đề này chúng tôi cũng đã tiến hành xem đi xét lại khá nhiều mặt và chúng tôi nhận thấy ít nhất cũng cần lưu ý đến 3 điểm :

A) Tuy đến đời Tự Đức Truyện Kiều đã phổ biến rộng ra nhiều vùng, nhiều thế hệ đã tham gia nhuận sắc, riêng bản DMT lại còn được biên tập ở tận miền Nam, nhưng quả có một số từ ngữ vùng Nghệ Tĩnh vẫn còn lưu giữ lại được ở trong tác phẩm, ví dụ ở bản DMT : CÁO, ĐÍCH, TRẺ, NEN, MÙI, NGHỈ, ĐÂY... Theo *Từ điển Tiếng Nghệ* của Trần Hữu Thung và Thái Kim Định :

* CÁO có nghĩa đại để là “ chỉ lấy lòng thành để cúng ”, ví dụ : *Hôm nay ngày giỗ, kiếm coi (khay) trâu cáo ông ;*

* ĐÍCH có nghĩa là “ chút xíu ”, ví dụ : *Cho một đích thôi ;*

* TRẺ có nghĩa là “ rẽ ”, ví dụ :

Khi đi anh trước em sau

Dừ (giờ) về đường trẹ (rẽ) ruột đau quần quần.

* NEN có nghĩa là “ chen, chèn ”, ví dụ : *phải nen cho chặt.*

* MÙI có nghĩa là “ màu ”, ví dụ : *nhuộm mùi xanh.*

* NGHỈ có nghĩa là “ nó, hấn ”, ví dụ : *dơ tuồng nghĩ mới kiếm đường tháo lui (Kiều).*

* ĐÂY có nghĩa là “ đại từ ” (ngôi thứ nhất), ví dụ : *dây xin hỏi đó, đó có chi chưa ?*

Mấy từ địa phương đó ở bản DMT hiện thấy dùng ở các câu như sau :

* Câu 95, 96 : *Lâm dâm khẩn vái nhỏ to*

Sup ngôi và CÁO trước mở bước ra

* Câu 75, 76 : *Đã không duyên trước chẳng tà (<thè)*

Thì chi chút ĐÍCH gọi là duyên sau

* Câu 1125, 1126 : *Nàng càng thốn thứt gan vàng*

Sở Khanh đã TRẺ dây cương lối nào

* Câu 987, 988 : *Nối oan vỡ lở xa gần*

Trong nhà người chặt một lần như NEN

* Câu 139, 140 : *Tuyệt in sắc ngựa câu dòn*

Cỏ pha MÙI áo nhuộm non da trời

* Câu 893, 894 : *Vài câu chưa cạn chén khuyên*

Mé ngoài NGHỈ đã giục liền ruổi xe

* Câu 2324 : *Từ rằng việc ấy ĐÂY cho mặc nàng*

B) Ngoài ra lại còn có những trường hợp dùng từ phổ thông nhưng ghi Nôm theo cách phát âm Nghệ Tĩnh, ví dụ dùng chữ có dấu nặng để ghi chữ có dấu ngã, so sánh : LƯỠNG LỰ > LƯỢNG LỰ, TIẾN HÀNH > TIỆN HÀNH, TẦM TẢ > TẦM TẠ, ĐẢI ĐẰNG > ĐẠI ĐẰNG, NGHỈ > NGHỊ, ĐIỀU QUANH > DIỆU QUANH, PHŨ > PHỤ, PHŨ PHẪNG > PHỤ PHẪNG... (9).

C) Đó là chưa kể việc chọn những lối ghi cổ, tuy có thể dùng ở nhiều vùng, nhưng dùng phù hợp nhất vẫn là ở vùng phương ngữ quê hương của tác giả : như chọn lối ghi TRỤC ở câu 40, TRỌN ở câu 818, TRẬT ở câu 1426, thay vì những lối ghi khác, thường thấy ở CHỤC, CHỌN, CHẶT. Trường hợp chọn

thanh phù TỒN ghi GIÒN > DON ở câu 2833 cũng cùng loại. Và cũng theo sát phương ngữ như vậy là cách chọn dạng GIỪNG > DỪNG ở câu 254 để thay dạng CHỪNG thường gặp ở các văn bản miền Bắc. Có điều ở 2 trường hợp cuối cùng này thì lối phát âm Nghệ Tĩnh lại có nét cá biệt khác, chứ không phải cổ hơn, so với lối phổ thông tương ứng.

6 Tìm hiểu bản DMT, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn không những chỉ khảo sát trên văn bản, mà còn nhiều lần đến tận Tiên Điền, điều tra những gì liên quan đến con người Nguyễn Du, cũng như đến dòng họ, làng nước, và cả bạn bè của Nguyễn Du. Qua những đợt điều tra này, Giáo sư cho biết có 2 điểm đã thấy được xác nhận :

A) Theo truyền thuyết trong dòng họ, có chỗ xưa Nguyễn Du chỉ viết 4 câu sau bạn bè ở Bắc chữa lại thành 6 câu : quả vậy, thay vì 6 câu 1067, 1068, 1069, 1070, 1071, 1072, hiện được phổ biến, trong bản DMT ta thấy in :

Quế trong trăng, hạnh (huong ?) trên mây

Cát lằm (hông ?, bày ?) nở để cho dây đoạ hoa

Tiệc điều lằm chẳng biết ta

Vẻ châu vớt ngọc để đà như chơi

Về điểm này hầu như không có vấn đề gì tranh luận nhiều. Nhưng có mấy chỗ chữ Nôm in không chuẩn, cũng cần phải tiếp tục làm sáng tỏ. Riêng cách đọc VỂ hơi lạ tai, nhưng A. Des Michels đã dùng và 2 cuốn từ điển Paulus Huỳnh Tịnh Của và Génibrel đều đã có giải thích : VỂ, VỐT là dùng dây câu và dùng vọt để đưa ra khỏi nước.

B) Ở câu 310, thay vì TRỌNG NGHĨA, bản DMT in là TRƯỢNG NGHĨA : theo điều tra của Giáo sư, đó là lối nói kiêng huý của dòng họ tác giả ; trong gia phả của Nguyễn Du quả có một ông chú tên là Nguyễn Trọng. Riêng điểm này đã từng gây ngờ vực. Lý do : trong từ điển Paulus Huỳnh Tịnh Của ở miền Nam, chữ TRỌNG cũng được ghi với cả cách đọc địa phương là TRƯỢNG.

Theo ý chúng tôi, ở đây trước hết cần phân biệt hai chuyện : chuyện dùng TRƯỢNG NGHĨA trong dòng họ Nguyễn Du và chuyện khác hai chữ đó ở trong bản DMT. Dòng họ Nguyễn Du sống ở Hà Tĩnh, không liên quan gì đến tiếng Nam Bộ : chuyện họ kiêng huý là chuyện không ai có thể tranh cãi. Còn chuyện khác hai chữ TRƯỢNG NGHĨA trong bản DMT thì cần phải tìm hiểu qua 3 khâu : khâu sáng tác của Nguyễn Du ; khâu biên tập của Duy Minh Thị ; và khâu khắc ván của thợ Trung Quốc.

* Có nhiều khả năng trường hợp này thợ Trung quốc không khác sai đâu vì chữ TRƯỢNG có tự dạng rất đơn giản, rất khác chữ TRỌNG, không thể để lằm TRỌNG thành TRƯỢNG. Hướng hồ TRỌNG NGHĨA, TRƯỢNG NGHĨA đều không phải là kết cấu thuần Nôm mà là những cách nói vốn có ở trong tiếng Hán, thợ Trung Quốc nhận ra ngay, hiểu được ngay. Có thể tin rằng, trường hợp này, ở văn bản vốn thế nào thì chắc thợ cũng khắc đúng như vậy.

** Cũng ít có khả năng cách viết TRƯỢNG NGHĨA là kết quả của khâu biên tập. Nếu chính DMT biên tập, thì ông cũng không chữa thành TRƯỢNG theo tiếng miền Nam đâu, nếu trong văn bản cổ vốn là chữ TRỌNG ! Vì nhiều lẽ :

a) TRỌNG NGHĨA, như đó nói, là một kết cấu Hán Việt. Đối với tiếng Hán Việt, các cụ nhà Nho ta xưa thường thường

bao giờ cũng viết một cách rất thống nhất, khi có cách đọc khác nhau giữa các vùng cũng như khi có cách đọc khác nhau trong cùng một vùng : so sánh dạng chữ Hán của NGÃI với NGHĨA, SANH với SINH cũng như của THỈ với THỜI, NHẬM với NHIỆM thì ai cũng sẽ thấy thế. Cách ghi ở Từ điển Huỳnh Tịnh Của là một sự minh họa : bên cạnh cách đọc TRƯỜNG, Huỳnh Tịnh Của cũng cho đúng một chữ Hán ấy, y như bên cạnh cách đọc TRỌNG ! Vậy nếu DMT biên tập, Ông cũng bắt buộc phải làm như Huỳnh Tịnh Của : ông có thể đọc TRƯỜNG nhưng ông vẫn phải viết TRỌNG.

b) Hiện tượng đổi sai chữ viết do chịu tác động quá mạnh của tiếng địa phương đôi khi cũng có thể gặp, nhưng phải có điều kiện nhất định : đó thường đều là những lúc gặp những âm thanh hầu như trong toàn vùng, và trong mọi bối cảnh, mọi người đều không ai phát đúng được. Ví dụ trong cuốn *Việt sử diễn nghĩa*, sở dĩ có chuyện ĐÁN ghi ĐĂNG là vì ở Huế không phát được âm -N cuối âm tiết, -N biến thành -NG, ĐÁN hoàn toàn đồng âm với ĐĂNG ! (10). Xét kỹ, chữ TRỌNG cũng không thuộc trường hợp như vậy. Vẫn ONG không phải là vần người Nam bộ khó phát âm quá, đến nỗi phải thay bằng ƯƠNG : so với các vần có -w- (như OAN, UYÊN...), ONG còn dễ phát âm hơn nhiều ! Không phải ngẫu nhiên mà trong bản 1875, Trương Vĩnh Kí vẫn đọc TRỌNG NGÃI, và trong bản 1884 của A. Des Michels cũng in cả Quốc ngữ cả Nôm với cách đọc ấy. Nói chung, cách đọc TRỌNG vẫn phổ biến hơn cách đọc TRƯỜNG : ở Huỳnh Tịnh Của, nếu không kể 5 ví dụ đọc 2 cách, thì chỉ có 1 ví dụ đọc TRƯỜNG, trong khi có đến 17 ví dụ đọc TRỌNG ! Mà ngay ví dụ Huỳnh Tịnh Của chỉ đọc TRƯỜNG thì ở Génibrel lại đọc TRỌNG ! Vậy càng có thể tin thêm rằng không có lí gì để DMT không viết TRỌNG, nếu trong văn bản cổ vốn có TRỌNG NGHĨA ; và (biết đâu ?) ông còn có thể đọc cả TRỌNG !

7 Với những lí lẽ như trên, chúng tôi ngờ rằng cách viết TRƯỜNG NGHĨA ở bản 1872 phải là cách viết vốn đã có sẵn từ trước, khi DMT chưa biên tập.

A) Còn nếu cứ cho rằng vốn là TRỌNG nhưng chính DMT đã “ viết sai ” theo cách đọc Nam Bộ (sai TRỌNG thành TRƯỜNG cũng như sai THIÊN thành THUYỀN) thì nghi oan DMT quá và cũng khó giải thích quá ! Khó giải thích không những vì trái với những thực tế đã nêu ở hai mục a, b trên đây mà còn khó giải thích vì giả thuyết “viết sai” đã làm nảy sinh trong công tác biên tập của DMT một sự thiếu nhất quán kì lạ. Trong cuốn từ điển của mình, Huỳnh Tịnh Của có cho cả thấy hai trường hợp đọc liên quan đến văn bản Truyện Kiều : TRANG TRƯỜNG và TRƯỜNG NGHĨA ; nhưng chúng được DMT xử lí hoàn toàn khác nhau ! Có thể thắc mắc : vì sao DMT chỉ “ viết sai ” ở một trường hợp duy nhất là TRƯỜNG NGHĨA ? còn ở câu tả Thủy Vân, vì sao ông lại không “ viết sai ” ? Trong câu 19 này, hai chữ TRANG TRƯỜNG đã được chính ông cho in bằng hai chữ Hán làm cho câu thơ đọc lên theo cách đọc phổ thông phải là : *Vân xem TRANG TRỌNG khác vời*. Một ví dụ nữa : câu Kiều số 1469. Ở miền Nam, câu này đã trở thành một câu gần như thành ngữ : *Thương vì nét, TRƯỜNG vì tài*, vì vậy đây là lần duy nhất Trương Vĩnh Kí đọc TRƯỜNG, và Génibrel cũng phải để nguyên cách đọc cả câu như vậy để đưa vào từ điển, khác hẳn với trường hợp TRỌNG NGHĨA KHINH TÀI. Ở một câu đã Nam Bộ hoá như vậy, DMT cũng lại không “ sai ”, ông vẫn ghi đúng chữ

TRỌNG ! Vì sao ? Thật khó hiểu quá, nếu cứ theo giả thuyết DMT “ viết sai ” !

Riêng chuyện đầu câu 1991, THIÊN ở THIÊN TRÀ ghi bằng THUYỀN như ở THUYỀN BÈ thì như sau : đây là một hiện tượng bề ngoài thì có nét giống với cách ghi trong chữ Nôm Nam Bộ (như dùng XUYÊN ghi XIÊN ở câu 1701), nhưng giải thích nguyên nhân thì phức tạp hơn nhiều vì còn liên quan đến cả ngành ngữ âm lịch sử tiếng Việt và tiếng Hán. Ở đây chỉ xin nói gọn một điều là không thể đổ lỗi cho DMT về cách viết ấy, và lấy đó làm một chứng cứ giải thích chuyện DMT đã có thể “ viết sai ” TRỌNG thành TRƯỜNG : bởi lẽ đơn giản là, ngay ở miền Bắc, bản Liễu Văn Đường 1871 cũng đã từng khắc THUYỀN TRÀ như vậy ! Chúng tôi biết : trong các văn bản chữ Nôm thỉnh thoảng có thể tìm ra những ví dụ dùng tiếng Hán Việt mà viết sai mặt chữ, nhưng những ví dụ đó thường thường đều có hoàn cảnh đơn giản, có thể tìm ra lí do giải thích một cách dễ dàng hơn nhiều, so với giả thuyết TRỌNG > TRƯỜNG mà chúng ta đang đề cập.

Tóm lại, có thể tin chắc rằng không có những chuyện khó hiểu trên đây đâu : vì cách ghi với 2 chữ TRƯỜNG NGHĨA không phải là sản phẩm biên tập của DMT. Ông chỉ cho in lại đúng như trong văn bản cổ !

B) Hơn nữa, viết thành hai chữ Hán TRƯỜNG NGHĨA cũng không phải là một cách “ viết sai ”. Lỗi nói đó là một kết cấu vốn đã có trong tiếng Hán nhưng nó hiểm hóc hơn, ít dùng ở tiếng Việt hơn, so với TRỌNG NGHĨA. Chúng có là ta thấy kết cấu đó ở Từ Hải, ở *Hán Việt từ điển* (Đào Duy Anh) và ở cả cuốn Génibrel (vì cuốn này có tham vọng giảng giải đầy đủ toàn bộ kho từ ngữ của Tứ Thư !), nhưng ở các cuốn chỉ chuyên về tiếng Việt như *Đại Nam quốc âm tự vị* (Huỳnh Tịnh Của), *Việt Nam từ điển* (Khai Trí Tiến Đức), *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê chủ biên)... lại không thấy nó, trong lúc vẫn có lối nói ứng với hai chữ Hán TRỌNG NGHĨA. Đó cũng là một cứ liệu bổ sung cho biết nó không phải là sản phẩm của DMT khi biên tập : biên tập sao lại chuyển từ kết cấu dễ hiểu sang kết cấu hiểm hóc ? Nhưng đối với cụ Nguyễn Du thì khác : Cụ sở dĩ đành phải chịu nghiêng về TRƯỜNG NGHĨA thay vì TRỌNG NGHĨA là vì trong dòng họ Cụ, giữa hai lối nói có sẵn, nghĩa gần tương đương, mà giới nhà Nho đều am hiểu đó, lớp con cháu trong gia đình đều đã nhất trí chọn hẳn lối nói kiêng được tên húy, và đều đã quen dùng nó ; Cụ thuộc thế hệ ấy, nên Cụ cũng không thể nào không tuân theo.

8 Tìm hiểu ý kiến của các nhà nghiên cứu đã mất là một chuyện phải tiến hành một cách hết sức thận trọng, vì tìm hiểu cốt là để cuối cùng thấy được đúng sự thật. Chúng tôi có được đọc Bài kí giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết về chuyện mua được một bản Kiều cổ, dưới bài thấy Giáo sư ghi là viết năm Ất Hợi 1945 ! Lạ quá ! Nhưng không dám nghĩ là Giáo sư “ phi lô-gích ” : viết năm 1945 mà kể chuyện hai năm 1946, 1947 ! Cũng không dám nghĩ là Giáo sư thiếu tri thức lịch sử đến thế : năm 1945 là năm Ất Dậu chứ đâu phải Ất Hợi ! Lại càng không dám nghĩ là Giáo sư có dụng ý “ cổ hoá ” bằng cách đẩy lùi 1947 lên 1945 ! Phải gắng tìm hiểu thôi ! Và may quá, nhờ một ghi chú bổ sung năm 1988, có thể hiểu được vì sao. Hoá ra mục cũ bị nhòe hết, Giáo sư phải đổ lại, mà lúc này Giáo sư đã già, mắt đã bị mờ, nên đổ nhầm : chắc Bài kí

Xem tiếp trang 52

VỀ BÀI CẨM SẮT CỦA LÝ THƯƠNG ẮN

Từ ý nghĩa bài thơ cho đến
tiếng đàn sum họp của Thuý Kiều

VĨNH SÍNH

Mùa Hè năm nay, trên đường từ Việt Nam về lại Canada, tôi ghé Tokyo, thăm anh bạn cũ đang ốm nặng. Một tối, trước giờ đi ngủ, tình cờ thấy trong nhà có cuốn *Ri Shoin* (Lý Thương Ẩn, 812?-858), tôi lấy ra xem. Lý sống vào thời văn Đường ở Trung Quốc, một thời kỳ có lắm bế tắc về chính trị và xã hội, nhưng chín muồi về văn hoá nghệ thuật. Tuy đồ đạt cao, Lý không mấy may mắn trên bước hoạn lộ. Thơ Lý được ưa chuộng nhưng nổi tiếng hóc búa. Trong thơ có nhiều điển tích, giàu hình tượng, mà cũng chứa lắm ẩn dụ khó giải mã. *Cẩm sắt* thường được xem là bài thơ hay nhất và cũng là bài thơ khó hiểu nhất của họ Lý. Chả vậy mà nhà bình thơ đời Thanh Vương Sĩ Trinh đã nhận xét : ‘*Nhất biên Cẩm sắt giải nhân nan*’ (Bài thơ Cẩm sắt hiểu sao đây !)¹

Tối đó tôi khẽ đọc bài *Cẩm sắt* qua âm Hán Việt. Ngâm chậm chậm hai câu mở đầu ‘*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền / Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên*’, tự dưng tôi thấy xúc động mạnh. Chỉ có hai câu mà họ Lý đã đưa người đọc đến ngay ngưỡng cửa của những dĩ vãng xa xôi, sâu lắng. Ngâm xong cả bài, tuy không nắm hết ý nhưng tôi vẫn cảm thấy những âm hưởng trong *Cẩm sắt* có sức quyến rũ, có một ma lực lạ lùng. Người dịch, chú thích và bình luận tập thơ *Ri Shoin* là Takahashi Kazumi (1931-71), một nhà văn, nhà thơ, và cũng là một nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc xuất sắc nhưng mệnh bạc. Những lời bình của Takahashi như những tia chớp sáng, trong khoảnh-khắc-một-sát-na đưa người đọc đi thẳng vào thế giới thẩm mỹ của thơ Lý Thương Ẩn mà các nhà bình luận thơ Đường xưa nay vẫn thường nói tới. Đọc lui đọc lại, tôi như bị thu hút bởi bài thơ. Duyên nợ dẫn đến duyên kia, sau đó cũng do tình cờ, tôi được biết là trong phần cuối *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng đã mượn bốn câu trong bài thất ngôn bát cú này để diễn tả cảnh Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe sau mười lăm năm cách biệt. Khi so sánh bốn câu trong nguyên tác

với đoạn thơ phóng dịch trong *Kiều*, chúng tôi phát hiện một điều khá kỳ thú : Tiên Điền tiên sinh đã thay đổi không khí u uất trong nguyên tác thành một bầu không khí đầm ấm, êm ái, tươi sáng cho phù hợp với cảnh sum họp vui vầy giữa Kiều với Kim Trọng !

Mục đích của chúng tôi khi viết bài này là hy vọng được chia sẻ với độc giả một bài thơ hay, đồng thời cũng mong được mạn đàm về một số chi tiết xung quanh bài thơ và đưa ra một số nhận xét về đoạn thơ phóng dịch trong *Truyện Kiều* nói trên. Trước hết, ta thử xem qua gốc gác những từ cần giải thích cùng những điển tích trong bài *Cẩm sắt*.

錦瑟

錦瑟無端五十弦
· 弦 · 柱 思 華 年
莊生曉夢迷蝴蝶
望 帝 春 心 托 杜 鵑
滄海月明珠有淚
藍山日暖玉生煙
此情可待成追憶
只是當時已惘然

Cẩm sắt

*Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền,
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên.
Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp,
Vọng đế xuân tâm thác đỗ quyên.
Thưng hải nguyệt minh châu hữu lệ,
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên.
Thử tình khả đãi thành truy ức,
Chỉ thị đương thì dĩ vãng nhiên.*

Câu 1) *Cẩm sắt* : Có người dịch là đàn gấm,² nhưng trên thực tế là cây đàn sắt có chạm trổ. *Đàn sắt* là loại đàn lớn làm bằng gỗ cây ngô đồng. Đàn sắt và đàn cầm là hai loại đàn cổ, chữ *cẩm sắt*³ thường dùng nhằm chỉ vợ chồng hoà hợp, như đàn sắt đàn cầm hoà nhau.

Theo *Daijigen* (Đại từ nguyên), cẩm sắt là mỹ danh của cây đàn sắt⁴. *Vô đoan* : do đâu, từ đâu, không có lý do. *Ngũ thập huyền* : Theo truyền thuyết, khi Tố Nữ gảy đàn sắt tế trời theo lệnh vua Phục Hy⁵, đàn này có 50 dây. Nhưng vì tiếng đàn quá ai oán não nùng, Phục Hy cấm không cho sử dụng đàn này nữa. Sau đó, vì dân chúng vẫn không chịu tuân lệnh, Phục Hy mới cho phép dùng nửa số dây, từ đó đàn sắt chỉ có 25 dây (theo *Phong thiên thư*, *Sử ký* của Tư Mã Thiên ; hoặc *Giao tự chí*, *Hán thư* của Ban Cố đời Hậu Hán).⁶

Câu 2) *Trụ* : trụ ; trực ; hay ‘con nạnh’ đỡ dây đàn (*huyền*). *Hoa niên* : Thanh xuân, tuổi trẻ, thời kỳ rạo rực yêu đương. *Tư, tứ* : nghĩ, nhớ ; ở đây dùng theo nghĩa ‘gợi nhớ’ . Mỗi dây đàn, mỗi trụ, xui nhớ lại tuổi hoa niên. Đọc hai câu mở đầu, ta không khỏi liên tưởng đến hai câu hát ru con Việt Nam ‘Hai tay cầm bốn tao nôi / Tao thẳng tao dùi, tao nhớ tao thương’ – tuy dân dã mộc mạc nhưng có sức gợi cảm cũng vô cùng mãnh liệt.

Câu 3) *Trang sinh* : tức Trang Chu, nhà tư tưởng thời Chiến Quốc. Sách *Trang Tử* ghi lại những ngôn thuyết của Trang Tử cùng những người cùng phái, chủ trương là mọi việc trên đời như lớn nhỏ, khôn dại, sống chết, v.v. chẳng có gì khác nhau cho lắm ; xem vô vi, tự nhiên là đạo đức cao nhất. Thuyết giải về sự khó phân biệt giữa tỉnh và mộng, sống và chết, thiên *Tề vật luận* trong *Trang Tử* viết : “ Ngày xưa, Trang Chu chiêm bao thấy mình hoá bướm bay nhón nhơ, tự lấy làm thích chí, quên mình là Chu. Bất giác tỉnh giấc, thấy hình thù mình vẫn là Chu. Không biết Chu chiêm bao là bướm, hay bướm chiêm bao là Chu ! ”

Câu 4) *Vọng đế* : đế hiệu của vua Đổ Vũ nước Thục cuối đời Chu (nên còn gọi là Thục đế).⁷ Tương truyền Vọng đế ra lệnh bộ hạ là Miết Linh đi cứu lũ ở xa nhằm thừa dịp tư tình với vợ của Miết Linh. Sau đó Vọng đế tự hỏ thẹn về hành vi bất chính của mình, từ ngôi rồi mai danh ẩn tích. Mỗi năm cứ vào tháng hai âm lịch (Vọng đế rời đất Thục cũng vào tháng này), đêm đêm chim đỗ quyên lại cất tiếng sầu thảm. Bởi vậy, người nước Thục mỗi lần nghe tiếng chim đỗ quyên lại nhớ đến Vọng đế⁸. *Xuân tâm* : lòng xuân, còn có nghĩa như ‘xuân tình’ : tình yêu trai gái, có thể bao hàm hơi hướng

tính dục. Nguyễn Du cũng đã dùng chữ ‘xuân tình’ khi phỏng dịch đoạn thơ này trong *Truyện Kiều*.

Câu 5) *Thương hải* : Biển xanh, còn có nghĩa là biển rộng, biển cả. *Thương hải* cũng có khi dùng để chỉ tên một biển hư cấu ở cõi tiên. *Nguyệt minh châu hữu lệ* : Theo *Văn tuyển* (Lý Thiện chú thích), “ khi trăng đầy, trai có ngọc (châu), khi trăng khuyết trai không có ngọc ” (*nguyệt mãn tức châu toàn, nguyệt khuyết tức châu khuyết*). Theo cuốn *Biệt quốc động minh ký* thời Lục Triều, ngày xưa có người lặn xuống đáy biển tìm ngọc, lạc vào cung điện của nhân ngư, tìm được bảo ngọc do nước mắt của nhân ngư đọng lại⁹. Ngoài ra, câu này còn có thể hiểu theo điển tích *thương hải di châu* (hạt ngọc bỏ rơi trong biển cả), ngụ ý là người có tài mà không có chỗ thi thố.

Câu 6) *Lam Điền* : tên một ngọn núi ở Thiểm Tây (Lam điền sơn), còn gọi là Ngọc sơn, nổi tiếng có nhiều ngọc quý. Theo *Sơn hải kinh*, Ngọc sơn là nơi bà tiên Tây Vương Mẫu ở – chi tiết này khiến người đọc liên tưởng đến một cõi tiên hư cấu, giống như *Thương hải* trong câu 5¹⁰. *Ngọc sinh yên* : Theo *Lục di truyện*, con gái Ngô Phù Sai là Tử Ngọc yêu người lính hầu là Hàn Trọng nhưng không được Ngô vương chấp thuận, mang mối bi tình xuống tuyển đài. Một sáng, khi Ngô vương đang dùng lược chải tóc, nhìn ra vườn thấy có viên ngọc lớn màu tím chiếu sáng, phu nhân nghe nói chạy ra vườn, khi vừa ôm chầm hôn ngọc thì ngọc tan thành khói biến mất. Lại có thuyết cho rằng tứ thơ trong câu này lấy từ ý câu sau đây của nhà thơ Đái Thúc Luân (732-789) thời Trung Đường : “ Cảnh, đối với nhà thơ, tựa như viên ngọc quý bốc tan thành khói khi Lam Điền ửng nắng, chỉ có thể đứng nhìn từ xa chứ không được lại gần ” (*thi gia chi cảnh như Lam Điền nhật nễ lương ngọc sinh yên, khả vọng nhi bất khả trí ư mi tiếp chi tiên giã*)¹¹.

Hai câu 5 & 6 đối nhau, bởi vậy khi chuyển ngữ chúng tôi đã cố gắng giữ nguyên những chữ đối nhau trong câu. Nói một cách khác, khi xem *Thương hải* là một danh từ riêng, chúng tôi cũng xem *Lam điền* là danh từ riêng ; và khi dịch ‘*thương hải*’ như một danh từ chung (biển cả), chúng tôi cũng dịch ‘*lam điền*’ như một danh từ chung (đồng xanh).

Hai câu 7 & 8) *Khả [dãi]* : trợ từ có nghĩa là : phải, nên, đáng, có thể, chắc có thể, có lẽ, hình như ; hoặc là trợ từ nghi vấn (làm sao có thể...). *Võng nhiên* : không biết gì cả, ngỡ ngàng như mất hồn, phôi pha. Câu 7 có thể dịch là “ Tình này [giả sử] có thể trở thành một cái gì để ghi nhớ ” hoặc “ Làm sao có thể chờ đợi để tình này trở thành cái gì để ghi nhớ ? ” Chúng tôi đã chọn cách dịch thứ nhất. Câu 8 có nghĩa là “ Thì lúc ấy thời gian/duyên tình cũng đã phôi pha/tàn phai/nhặt nhòa ”.

Sau đây là hai bản dịch bài *Cảm sát* của chúng tôi :

Bản dịch 1 :

*Cảm sát vì đâu năm chục dây ?
Mỗi dây mỗi trực nhớ thương đây.
Trang sinh sớm mộng mê thành bướm,
Thực đế tình xuân tiếng cuốc chầy.
Thương hải trắng thanh châu nhỏ lệ,
Lam điền nắng ấm ngọc tan bay.
Tình này ví thử sau còn nhớ,
Lúc đã tàn phai với tháng ngày !*

Bản dịch 2 :

*Cảm sát vì đâu nữ-thập-huyền ?
Mỗi dây mỗi trực gọi hoa niên.
Trang sinh sớm mộng mê thành bướm,
Thực đế xuân tình gửi tiếng quỳên.
Bể cả trăng thanh châu đắm lệ,
Đồng xanh nắng ửng ngọc tan liền.
Tình này ví thử sau còn nhớ,
Khi đã qua rồi thuở lứa duyên !*

Như chúng ta đã thấy, lời thơ trong bài *Cảm sát* đượm nét buồn man mác, như chất chứa một ‘nỗi sầu vạn đời’. Có người cho rằng Lý đã viết bài thơ này vào những năm cuối đời để khốc người vợ quá cố của mình, có kẻ bảo Lý viết để than tiếc cho người yêu mang tên là *Cảm Sát*. Ngoài ra còn có không biết bao nhiêu giả thuyết khác¹². Có lẽ chúng ta nên hiểu là Lý muốn nói về bản chất mộng ảo, mong manh của cuộc đời và của tình yêu, không chỉ của nhà thơ mà của con người nói chung. Những năm tháng đã trôi qua trong cuộc đời (mà trăm năm là giới hạn) như thâu gọn lại trong năm chục sợi dây đàn. Từ mỗi dây, tiếng đàn ngân lên như khơi dậy lại tuổi hoa niên, của ‘cái thuở ban đầu lưu luyến ấy / ngàn năm chưa dễ đã ai quên’ (Thế Lữ) ! Làm sao phân biệt thực với mộng ? Trang Chu hay con bướm, Thực đế hay chim đỗ quỳên, bên nào thực, bên nào mộng ? Ngay giữa lúc ‘Thương

hải trắng thanh’ thì ‘châu đắm lệ’, và ngay khi ‘Lam điền nắng ấm’ thì ‘ngọc tan bay’ ! Và tình yêu, khi muốn ghi nhớ, muốn trân trọng, thì hồi ời, lúc đó thời gian đã phôi pha ; duyên tình, hương nguyên ngày trước còn đâu nữa ! Tất cả đều mong manh, mộng ảo.

Cho dầu chúng ta không thể giải thích một cách thoả đáng tất cả những ẩn dụ trong *Cảm sát*, nhưng vẫn có thể cảm nhận được giá trị của bài thơ, đúng như Lương Khải Siêu (1873-1929) đã nhận xét khi đọc những bài thơ khó giải mã của Lý. Lương viết : “ Tôi không hiểu và thậm chí không thể giải thích ý nghĩa của từng câu thơ, nhưng tôi vẫn yêu và vẫn bị lôi cuốn bởi vẻ đẹp của thơ họ Lý ”¹³.

Cuối cùng, chúng tôi xin đưa ra vài nhận xét về đoạn phỏng dịch bốn câu 3, 4, 5, 6 của bài *Cảm sát* trong *Kiều*. Đoạn này nằm trong phần cuối của *Truyện Kiều*, khi Kiều và Kim Trọng gặp lại nhau sau mười lăm năm cách biệt. Kim Trọng nhờ Kiều đánh đàn cho mình nghe, và Kiều đã “ *nể lòng người cũ vâng lời một phen* ”. Trước đó, khi Kiều đàn cho Kim Trọng nghe lần đầu tiên, hay trong những lần Kiều bị buộc phải gảy đàn cho Thúc Sinh, Hoạn Thư, v.v. nghe, thì tiếng đàn của nàng làm ly, não nùng, “ *nghe ra như oán như sầu phải chăng* ”. Nhưng lần này, khác hẳn với những lần trước, tiếng đàn của Kiều nghe thật ấm áp, êm ái, trong sáng. Nguyễn Du đã phỏng dịch bốn câu trên nhằm diễn tả tiếng đàn sum họp của Thúy Kiều như sau :

*Khúc đầu đắm ấm dương hoà,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thực đế hay mình đỗ quỳên ?
Trong sao châu nhỏ duênh quỳên,
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đồng !*

Qua tiếng đàn vui tươi, ấm áp trong đoạn phỏng dịch này, người đọc không còn thấy bóng dáng trần trở hoài nghi của một Trang Chu nguyên sơ trong thiên *Tế vật luận*¹⁴, tiếng ca của chim đỗ quỳên không còn nhuốm máu vì Thực đế – mà chỉ là một giai điệu êm ái gợi nhớ vị quân vương đa tình, những hạt châu không còn đắm lệ ở *Thương hải* vào những đêm trăng tỏ, và hạt ngọc kia cũng không còn bốc khói khi ửng nắng ở *Lam điền* !

Dĩ nhiên Tiên Điền tiên sinh đã

không hiểu lắm ý thơ của họ Lý. Do đâu mà chúng ta có thể khẳng định như vậy? Ngoài bản lĩnh của nhà học giả này như ta đã biết, lý do là ngay sau đó, khi Kim Trọng hỏi Kiều: “*Tiếng đàn ngày trước sao ai oán, nẻo nùng, mà hôm nay em đàn sao nghe vui thế?*” (Chàng rằng: *Phổ ấy tay nào? Xưa sao sâu thẳm, nay sao vui vậy*), thì Nguyễn Du đã thay nàng Kiều đáp lời: “*Tẻ vui bởi tại lòng này / Hay là khổ tận đến ngày cam lai?*”. Mặc dầu phải đối đầu với định mệnh phũ phàng, nghiệt ngã trong suốt mười lăm năm chia cách (*Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa / Bấy chầy gió táp muta sa*), Nguyễn Du đã thay Kiều khẳng định phẩm chất đẹp đẽ trong sạch của nàng: “*Chữ Trinh còn một chút này*”. Chữ Trinh ở đây dĩ nhiên phải hiểu theo nghĩa tinh thần. Kiều cảm kích bởi tấm lòng của người cũ, vì hơn ai hết Kim Trọng hiểu được điều đó, bởi thế Kiều mới nói: “*Thân tàn gợi đục khơi trong / Là nhờ quân tử khác lòng người ta / Mấy lời tâm phúc ruột rà / Tương tri đường ấy mới là tương tri*”! Trong không khí “*tình xưa lai láng khôn hàn*”, Kim Trọng nhờ Kiều gảy cho nghe một khúc (“*Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa*”). Đoạn Nguyễn Du phỏng dịch từ *Cảm sát* chính là để diễn tả tiếng đàn của Thúy Kiều lúc đó.

Ta hãy thử suy luận. Phải chăng Nguyễn Du đã thay đổi hẳn bầu không khí ‘một cách sáng tạo’ khi phỏng dịch đoạn trên nhằm nói rõ lên rằng “*Tẻ vui bởi tại lòng này*”, và trong giờ phút tương phùng Kiều cảm thấy đã được phỉ nguyên (“*Ba sinh đã phỉ mười nguyên*”), hay nói đúng hơn, nàng cảm thấy đã được giải thoát khỏi nghiệp chướng? Chắc hẳn chính vì vậy, nên ngay cả giai điệu lâm ly, u uất của bài *Cảm sát* mà nghe vẫn êm ái, đầm ấm! Bằng chứng cụ thể và hùng hồn nhất về sự cố ý thay đổi một cách sáng tạo của Nguyễn Du có thể tìm thấy ở câu cuối cùng trong 6 câu thơ phỏng dịch. Trong câu này, thiên tài họ Nguyễn đã đảo ngược hiện tượng, biến “*Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên*” (Lam điền nắng ấm ngọc tan bay) thành “*Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông*”, tức “*ngọc tan thành khối*” trong nguyên tác đã trở thành “*ngọc... mới đông*” trong *Truyện Kiều*! Vì “*ngọc... mới đông*” nên Nguyễn Văn Vĩnh khi chuyển ngữ Kiều sang tiếng Pháp, đã dịch câu này là: ‘*Et*

c’était chaud comme une de ces gouttes qui viennent de se cristalliser en perles sur la plaine de Lam điền’¹⁵.

Trong *Truyện Kiều*, điều đáng chú ý là Nguyễn Du đã khởi đầu bằng thuyết tài mệnh tương đố cũng có xuất xứ từ thơ của Lý Thương Ẩn (“*Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phương*”, tức “*Xưa nay tài mệnh vốn thường kỳ nhau*”), và như chúng ta đã thấy, trong phần kết thúc Nguyễn cũng đã phỏng dịch một đoạn thơ của họ Lý trong khúc đàn cuối cùng của nàng Kiều nhằm chứng minh là ‘tẻ vui’ là ‘bởi tại lòng này’ và niềm vui sẽ có được khi trong lòng không còn bị vướng vất bởi các nghiệp chướng. Theo Nguyễn Du, đánh thức thiện căn, thiện tâm chính là chìa khoá đưa đến sự giải thoát (“*Thiện tâm ở tại lòng ta / Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*”).

Sự thay đổi nội dung, từ bốn câu thơ trong bài *Cảm sát* sang đoạn phỏng dịch trong phần kết thúc *Truyện Kiều*, nghĩ cho cùng, là một hiện tượng khúc xạ xảy ra khá phổ biến, với mức độ khác nhau, khi nước này tiếp thu văn hoá nước kia trong quá trình giao lưu / giao thoa văn hoá. Điều đáng chú ý là trong trường hợp này, thiên tài Nguyễn Du đã ‘Việt Nam hoá’ bốn câu thơ trong bài *Cảm sát* một cách điêu luyện nhằm bảo vệ nàng Kiều, nạn nhân của nghịch cảnh xã hội, và chứng minh rằng mặc bao ‘gió táp mưa sa’, nàng Kiều đã giữ được phẩm giá trong trắng của mình. Như nhiều thức giả đã nhận xét, đành rằng Tố Như tiên sinh đã ít nhiều ký thác tâm sự vào Kiều khi bảo vệ cho nàng¹⁶, tuy nhiên tâm thức ‘tấm lòng như tuyết như băng’, hoặc ‘gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn’ mà Tố Như tiên sinh đã khẳng định qua Kiều nằm ngay trong cốt lõi tâm tình dân tộc của người Việt. Có lẽ vì thế nên *Truyện Kiều*, ngoài những văn thơ điêu luyện, đã được người Việt – nạn nhân của không biết bao cơn binh lửa cùng nghịch cảnh xã hội – yêu chuộng mãi không thôi.

VĨNH SINH

1 Trích lại từ Wang Chiu-kuei [Vương Thu Quế], ‘*Objective Correlative*’ in the *Love Poems of Li Shang-yin* (Tương quan khách quan trọng những bài thơ tình của Lý Thương Ẩn), Trung tâm Nghiên cứu Ngữ văn Ngoại quốc, Đại học Quốc lập Đài Loan (Taipei: Quỹ Văn hoá, Gia Tân Thủy Nê Công Ty, 1970), trang 31.

2 Ví dụ, xem Lê Nguyễn Lưu, *Đường thi*

tuyển dịch (Huế: Nxb Thuận Hoá, 1997), tập 2, trang 1331.

3 Có học giả nhầm tên bài thơ này là *Cảm sát*, thay vì *Cảm sát*; ví dụ: Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, *Truyện Kiều* (Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 1996, xuất bản lần thứ XIII), trang 234; hoặc Bùi Kỳ & Trần Trọng Kim hiệu khảo và chú thích, *Truyện Thúy Kiều* (Fort Smith, AR: Nxb Sống Mới, không ghi năm in lại), trang 206.

4 Tokyo: Kadokawa Shoten, 1992, trang 1820.

5 Có sách ghi là Thái đế. Xem James Liu, *The Poetry of Li Shang-yin* (Thơ Lý Thương Ẩn). (Chicago: The University of Chicago Press, 1969), trang 51.

6 Trích dẫn lại từ Takahashi Kazumi, *Ri Shōin* (Lý Thương Ẩn) (Tokyo: Kawade Bunko, 1996), trang 40.

7 Đối với độc giả Việt Nam, tuy cách gọi Thực đế nghe quen tai hơn Vọng đế, nhưng nguyên văn chữ Hán để là Vọng đế thì ta phải theo đúng vậy, khi dịch sang tiếng Việt dĩ nhiên ta có thể chuyển thành Thực đế để độc giả người Việt dễ theo dõi hơn. Có tác giả ghi nhầm nguyên văn trong *Cảm sát* là Thực đế; chẳng hạn như: Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú giải, *sdd*, trang 234; Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú giải, *Vương Thúy Kiều (Đoạn trường tân thanh)* (Sài Gòn: Tủ sách Hương Sơn, 1960), trang 234.

8 Takahashi Kazumi, *sdd*, trang 40.

9 Như trên.

10 Như trên, trang 40-41.

11 Trích lại từ Wang Chiu-kuei, *sdd*, trang 38.

12 Xem James Liu, *sdd*, trang 52-57.

13 Xem Fusheng Wu, *The Poetics of Decadence: Chinese Poetry of the Southern Dynasties and Late Tang Periods* (Thi ca đôi phé: Thơ Trung Quốc vào thời Lục Triều và Văn Đường) (Albany, NY: State University of New York, 1998), trang 169.

14 Về điểm này, học giả Đặng Thanh Lê cũng đã đưa ra nhận xét tương tự trong *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* (Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội, 1979), trang 141. Cách lý giải của Đặng quân về ý nghĩa của đoạn phỏng dịch từ *Cảm sát* hay phần ‘Tái hồi Kim Trọng’ nói chung có điểm khác với cách lý giải của chúng tôi.

15 Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều: Traduction en Français par Nguyễn Văn Vĩnh* (in theo bản của Nhà Alexandre de Rhodes, Hà Nội, 1943; Nxb Văn Học, 1994), trang 780. Người viết cho in chữ thẳng để nhấn mạnh.

16 Theo quan niệm ‘trung thân bất sự nhị quân’ (tôi trung không thờ hai vua) ngày trước, việc làm quan cho hai triều (trước làm tôi nhà Lê và sau ra làm quan cho nhà Nguyễn) chắc đã làm Nguyễn Du trần trố không ít.

ĐỖ QUANG NGHĨA

hư vô 0

Sông nhỏ,
chảy lẩn vào trong núi
lặng yên,
như vắng một tiếng đờ.

Sông ơi,
những rặng anh đào đại
nở hoa sao trắng quá.

Ta không biết đi đâu
mắt khô nhìn nước biếc
chảy lẩn vào trong núi
lặng lẽ chảy trong đời,
lênh đênh.

Hư vô I

Chiều trên sông
long lanh nhiều cơn sóng bé
sông mang mùa thu về
nên đã quý vàng lên từng đoá,
phải không ?

Ngoài mom sông
con sấm cầm mãi mê tìm cá
như Hồ tây ở một thuở nào
hay suốt đời chỉ tưởng tượng thế thôi ?

Sau 10 năm
kí ức có còn chi rõ nét
ta vẫn yêu hay đã phai phai ?

Hư vô II

Một chút lúa mì đại
ta gọi đầy cánh đồng.
một chút chân trời xa
ta gọi đầy ước mơ.

Viển vông hồn rất cũ
thất bại quả mỗi ngày
đất bằng sao vẫn ngã ?

Một chút gì để sống,
một chút gì để yêu,
một chút gì mãi mãi.

Đỗ Quang Nghĩa

REINER KUNZE

tĩa bớt cảnh táo đầu mùa đông

Cùng với những cành nhánh của chúng
tôi tĩa bớt những cành nhánh nơi tôi đang
muốn vút lên

Một lần nữa
đặt tin tưởng vào đôi mắt

Và vào những cành ở bên ngoài

Chôm một cây táo
một người mang rổ phải qua được
những người làm vườn có tuổi nói

Và nỗi đau quá lớn và niềm vui quá lớn
phải có thể đi qua được
chúng ta

1979-1980

lần đầu tiên đi kèm

cho Clemens Podewils
Kunze đã thích ứng
(lời kẻ lưu đày)

Tôi thích ứng

Tôi đã đưa một người bạn xuống mộ

Tôi thích ứng với sự thật này
như anh ấy giờ đây thích ứng với đất

1978

bức tường

Khi san bằng nó, chúng tôi đầu gối
nó cao đến thế
nơi chúng tôi

Chúng tôi đã quen với
nhãn giới của nó

Và với gió lặng

Trong bóng tối nó không một ai
in bóng

Giờ chúng tôi trụ trần
mọi lí do bào chữa

1990

bản dịch của DIỄM CHÂU (Trình Bầy, 2002)

Trần Hồng Hà nguyên tổng biên tập tờ Diễn Đàn Praha một tờ báo đầu đàn trong những tờ báo độc lập đầu tiên của phong trào thanh niên - sinh viên Việt Nam tại Đông Âu ra đời ngay sau cuộc Cách mạng nhưng Tiếp Khắc 1989, bất chấp những biện pháp đàn áp thô bạo của nhà cầm quyền VN lúc đó.

Các bài ký, phóng sự, và những bài thơ của anh, dưới bút hiệu Cù Lân, nói về cuộc sống của giới thanh niên công nhân xuất khẩu lao động, du học sinh, đã góp phần không nhỏ vào phong trào phản kháng của người Việt tại Tiếp Khắc cũng như ở các nước Đông Âu khác, và để lại nhiều ấn tượng khó quên.

Bản dịch ra tiếng Việt cuốn Animal Farm: a Fairy Story từ nguyên bản tiếng Anh của văn hào George Orwell (tựa tiếng Việt: *Muôn cầm trại*, bút danh người dịch: Hà Minh Thọ) là một đóng góp khác của anh.

Cuối hè năm 1995, tin anh đột ngột tự vẫn khiến bè bạn và rất nhiều người khác vô cùng sửng sốt, tiếc thương. Nhân 7 năm ngày giỗ anh, bạn bè đã tổ chức một đêm thơ Trần Hồng Hà tại Praha ngày 30.8 vừa qua.

Diễn Đàn trân trọng giới thiệu với bạn đọc một trang thơ của Trần Hồng Hà.

ĐẤT NƯỚC TÔI

Đất nước tôi
là những ông già
thiết tha
bên vỉa - hè - lịch - sử
nào cô nào cậu
mua giùm xổ - số - tương - lai

Đất nước tôi
là những chàng trai
trải kiến thức ngời chờ bom xe đạp
Thế giới vùn vụt qua trước mặt
IBM ai chở xe thô!

Đất nước tôi
ngây ngất những giấc mơ
sao sáng rọi thiên đàng trên trần thế
Nhưng mộng đẹp ai mang ra để
đắp lên mình Tổ quốc mảnh
chăn chiên.

Đất nước tôi
dàn ngực chịu đạn tên
đổi lấy khúc đầu một phần ba lời
bác dạy
những vết thương vẫn còn sưng tấy
Răng liền môi, răng bập cập vào môi

Đất nước tôi
trắng hếu những quả đồi
xương anh em chìa bắt tay "hữu
nghị"
Đất nước tôi xót ngàn năm bị trị
Hỡi ôi dân tộc mắt còn

Đất nước tôi
đất nước những người con
rạch lưỡi rồi tập nói
Suy nghĩ, tâm tư kính chiếu yêu
vẫn rọi
Côm cộp gót giày, mũ Mác mũ Lê

Đất nước tôi thương nhớ vẫn đi về
Hình mẹ khom lưng trải dài trên
bãi cát
Hạt muối mặn chắt từ dòng nước
mắt
Đẳng vắn thơ cho Người
ôi mẹ
Việt nam ơi...

MONG

Như có ai đào một con sông ngay
sau lưng tôi

Bạn ấy chia tay
Tôi ngoái cổ gọi đò hoài mà
chẳng được

Mờ mờ phía bờ kia
Là nhớ thương neo thuyền bên ký ức
Gió thổi ngược chiều cút côi.

Có cái gì nghèn nghẹn ở trong tôi
Như chén biệt ly uống rồi chưa
kịp nuốt

Giọt lệ nhòa
Xóa đường về heo hút
Tôi đi...

Xa mái rạ gầy, Quyên nức nở ven đê
Tôi chợt nhận ra rằng một nửa
mình đã mất

Tháng năm vất vưởng với cái vui
hành khát
Tôi nhịn dè từng chút nhỏ hương
quê.

Mong cơn cào nhưng lại sợ đường
về

Như con chó nhớ nhà sợ đòn roi
của chủ

Trên đôi hoang nó đêm nay không
ngủ

Trong cô tịch lạnh lùng khe khẽ cất
tiếng rên.

Praha Thu 91
(Diễn Đàn Praha số 24, 10.9.1991).

CÁNH HOA LƯU LẠC

(Tặng Mẹ thân yêu)

Cành đào giấy mấy mùa Xuân
vẫn vậy
Vẫn lạnh lùng không một cánh
hoa rơi

Hồn con mấy mùa xuân vẫn vậy
Vẫn đầy thêm những xác pháo
tơi bời

Xuân cứ đến xuân làm nhòa
khỏe mắt
Nhớ người tim nấc cụt chẳng
thành câu
Cây đàn sai dây nào con có biết
Lạc nốt sầu riêng không cuối
không đầu

Buồn quá mẹ ơi, băng vỡ ngoài
cửa sổ
Tuyết bay vùi, nát lửa khóm rom
quê

Buồn thất thểu tìm bóng con
chim én
Trắng lạnh lao xao cánh quạ
bay về

Có phải nhà mình có cây đào
trước cửa
Mỗi mùa về hoa rụng đỏ góc sân
Con là một cánh hoa lưu lạc
Héo dần đi mỗi lúc Tết đến gần...

Praha 22.1.1992
(Diễn đàn Praha số 28, 24.1.1992)

Praha 1990
(Diễn Đàn Praha số 15, 26.2.1991)

Du kí

“ Cổ nhân bình chúc dạ du ”

Phan Tam Khê

“ Đòi người rồi cũng qua ”. Bởi thế từ lâu nay tôi vẫn thường cùng bạn bè rong chơi đây đó, và cũng bởi vì thế nên từ nhiều năm nay tôi vẫn thường giúp các họa sĩ Việt Nam sang Pháp để họ có cơ hội rong chơi, thăm các thắng cảnh, viếng các bảo tàng và tham quan Paris và cũng để họ có thể trả lời các câu hỏi hóc búa... của bạn bè trong những lúc trà dư tửu hậu : “ Paris có gì lạ không anh ? ”.

Năm nay qua Pháp có ba họa sĩ : Vũ Dương, Từ Duy và Bùi Công Khánh, cuộc triển lãm mang tên “Nắng ấm Phương Nam” (Tiédeur du Sud) được tổ chức tại nhiều nơi.

Phát súng xuất quân nổ tại Galerie “ Impression ” (Paris 4e). Bạn bè khách khứa rất đông, phòng tranh phong phú vì ba họa sĩ là ba sắc thái khác nhau. Không khí phòng tranh rộn ràng, trang nghiêm, thân mật làm ba họa sĩ hưng phấn trong lòng. Để tranh lại Paris, một tuần sau chúng tôi lên đường đi triển lãm tại Saint Emilion (Gironde). Trên bản đồ, chúng tôi gạch một đường đỏ thẳng tắp từ Paris đến Saint Emilion, và cứ tìm các làng mạc kế cận đây xích thàng này mà xê dịch, mục đích của tôi làm thế nào cho các nghệ sĩ thấy được đời sống và màu sắc của thôn quê Âu châu. Nhưng khôn nổi tìm đường thoát khỏi Paris không phải là dễ. Loay hoay thế nào chẳng rõ mà “ đi dăm phút trở về chốn cũ ” ! Các họa sĩ, “ nhìn thôi mà chẳng nói ” họ bắt đầu hoài nghi tài định hướng của hai bà tài xế : tôi và một người bạn gái Trung hoa. Bạn tôi lo tìm đường còn tôi thì lo cầu nguyện sao cho các bác cấm dừng chặn xe lại, vì xe chở quá tải và những tấm tranh chất đến tận nóc xe, người lái chẳng thấy được phía sau !! Nhưng thế rồi đầu vẫn vào đấy. Chúng tôi thoát khỏi quốc lộ 20, theo đường vào Apajon và từ đó lần theo xích thàng mà “ thênh thang cử bộ ”.

Năm nay, vào tháng năm nhưng không nắng lắm. Trời trong và không khí mát mẻ dễ chịu. Từng đàn én bay lượn tí tạt đỉnh trời điểm những chấm đen nhỏ xíu trên nền trời xanh êm dịu, không gian trong suốt như loãng ra... Những cánh đồng colza vàng rực một âm giai sắc vàng nhiều cung bậc : dịu dàng vàng chanh, chói chang vàng cờ, âm thầm vàng đất, ấm áp vàng rơm... Lấn vào với màu vàng là những dải màu lục non mới chớm, đây đó trên đỉnh các ngọn phong cành lá lao xao bạc màu như thì thầm trước gió, lòng người thấy thanh bình khoan khoái.

Hết làng này sang làng khác, mỗi làng là một nóc nhà thờ, trang nghiêm, thâm lặng với các ngọn chuông thẳng tắp, cổ vươn lên, ngự trị cả một khoảng không gian như muốn nhắc lại sự có mặt của mình... Đường làng có khi quanh co hẻo lánh, có khi vòng theo những bờ đá của nhiều di tích phế tàn,

có khi lờ lợn bên bờ suối sông với những làn sóng nhỏ lấp lánh dưới ánh sáng mặt trời uyển chuyển và âm thầm như cuộc sống trầm lặng trôi qua... Tuyệt đối không một tiếng động nào xáo trộn không gian, ngoại trừ tiếng nổ ròn rã của xe chúng tôi. Trời nắng đẹp, nhiều người già ra phơi nắng. Họ vẫy tay thân ái chào chúng tôi. Có điều làm cho các bạn tôi khó chịu là cách người ta cắt xén các cây hàng cây dương ngô đồng (platane). Họ bảo : “ Sao mà bất nhân thế, cắt xén làm sao mà cây nào cây nấy đều giống như những người cùi, chẳng thấm mỹ tý nào cả... ”. Một điều khác cũng làm các bạn tôi ngạc nhiên không ít, đường sá ở đây quá vắng vẻ. Họ hoàn toàn mới gặp một chiếc xe lướt qua, người tài xế đưa tay vẫy chào cứ như là đã quen nhau từ vạn thuở. Vũ Dương hỏi : “ Thế nông dân ra đồng làm việc lúc nào ? ”. Tôi bảo : “ Chịu ”. Còn Từ Duy thì trầm ngâm : “ Bên mình hề có một khúc đường mở ra thì thiên hạ chen nhau xây nhà sát mặt tiền ”, ở đây đi mãi mới gặp được một ngôi làng mà lại vắng tèo tèo... lạ thật ! ”. Võ Dương thêm vào : “ Dù hẻo lánh cho mấy nhà nào cũng có ba thùng rác, một xanh lục, một đen và một vàng. Tại sao ? ”. Tôi giải thích là để tiện việc tái dụng các đồ phế thải. Anh chép miệng : “ Đường sá sạch như linh như lau, ở đây nếu phải đóng thuế thì cũng đáng đóng tiền bát gạo... ”. Tôi cười không thua thốt vì sợ phạm chính trị.

Chiều xuống thật nhanh, chúng tôi nghỉ đêm tại làng Angle sur l’Anglin : một thành phố hoa nở (village fleurie), đây là một danh hiệu dành cho những làng đẹp nhất của nước Pháp. Ngôi làng nằm vắt vẻo trên sông Anglin, nhìn xuống một chiếc cầu dài tuyệt đẹp. Bên này cầu là di tích đồ nát của một lâu đài thời Trung cổ. Cảnh đẹp trong hoàng hôn bao giờ cũng buồn. Tôi chợt nhớ đến bà huyện Thanh Quan : “ Chiều trời bằng lảng bóng hoàng hôn... ”. Đường làng quanh co lượn khúc trên cao, dưới sâu kia là dòng sông Anglin lặng lẽ xuôi. Chim chóc ríu rít gọi nhau về tổ, nhiều loài hoa duyên dáng khép lại, viền quanh các hẻm nhỏ và những ngôi nhà be bé kín đáo và khiêm nhường. Trong một quán giải khát – khách toàn là dân làng – cô chủ phải hầu bàn, khách muốn uống gì thì cứ tự tiện uống, tự tiện trả tiền, vì cô đang bận hầu các khách khác trong một ván bài belote trông thật tự nhiên, hài hòa. Họ thăm hỏi chúng tôi bằng những câu ngắn gọn – vì còn phải theo dõi ván bài – nhưng chân tình.

Ngủ sớm, dậy sớm nhưng khởi hành muộn vì các họa sĩ còn phải phác họa và bấm máy để ghi lại cái uể oải của một ngôi làng vừa thức giấc trong một sớm tinh sương.

Bon bon, chúng tôi lại rong ruổi trên những con đường làng. Chúng tôi đến thẳng nơi triển lãm : “ Château Moulin de Lagnet ” (cách Saint Emilion 3km). Sau khi dàn dựng phòng tranh trong hầm rượu xong chúng tôi quay về nơi cư ngụ : làng Parsac, cách chỗ triển lãm chừng 2km. Trời tối hẳn. Parsac là thị sảnh của một ngôi làng nhỏ bị đóng cửa vì sụt giảm dân cư. Vườn rộng nhà cao tha hồ nghỉ ngơi để lấy lại sức. Buổi sáng thức dậy, mở rộng cửa sổ, dưới mắt các họa sĩ là những tấm ruộng nho sạch sẽ, ngăn nắp, trải dài thẳng tắp đến tận chân trời. Trên những hàng nho gần tầm mắt, sương mai còn nặng trĩu trên các chiếc lá màu lục đen. Bầu trời mát dịu. Cây cerise ở vườn này chín sớm nhất làng, nên chim chóc các nơi ríu rít tụ về ăn quả. Các họa sĩ phác thảo không ngừng vì xưa nay họ chỉ thấy những trái cerise có màu đỏ nhân tạo được đóng hộp từ xa gửi về. Xa hơn nữa, tháp chuông nhà thờ Saint Emilion

thẳng đứng chọc trời xanh, ngự trị cả một vùng...

Cuộc triển lãm kéo dài 10 ngày, có cả hai ban nhạc jazz và blues trợ lực. Người đến xem khá đông, họ đến để nhắm rượu, mua rượu, xem tranh và mua tranh.

Dùng Parsac là căn cứ địa chúng tôi đưa nhau ngày ngày đi khám phá vùng Dordogne.

Trước hết là đi chợ quê, chợ Castillon la Bataille, Khánh chàng họa sĩ trẻ nhất nằng nặc đòi ăn cho được “con gà Dordogne” như anh đã từng biết qua sách Manger. Chợ quê mộc mạc, hàng quán lộn xộn “giống như bên mình”. Gặp một người Việt có xe bán dạo thức ăn, anh vội vàng bày chiếc bàn xếp, mở phích cà phê mời cả bọn để hỏi chuyện quê nhà. Trên đường về bán khoán Từ Duy hỏi thăm cây tre tây nó lớn bằng chừng nào mà mượt màng của hấn nhỏ xíu và trắng bong. Vừa đúng lúc xe đi ngang qua một vườn tre, tôi chỉ, Duy ngã người vì tre tây chỉ là những bụi cây nhỏ lá lẫn tăn như lá liễu.

Đến Beynac, xem thành cổ, nhà cửa cheo veo trên các hốc đá thật lạ lùng. Nơi đây, tôi chợt chú ý đến một đài kỷ niệm được đặt trong một góc phố cô đơn. Trên đài có hình ảnh và tên tuổi của những người đã hy sinh cho hai cuộc chiến 14-18 và 39-45. Không như những tấm hình mà tôi thường được thấy trong các nghĩa trang : cổ cứng cà vạt, hoặc ngực đầy quân hàm, ở đây, những người đã khuất với bộ dân phục thường ngày và công việc thường nhật của họ như : đóng sắt cho móng ngựa, xì xụp bên lò rèn, phát cỏ bên bờ quê hoặc giặt ngưỡng trên chiếc xe bò được chất đầy áp các bó lúa mì... Tôi lặng lẽ ngồi cạnh đài để tưởng đến một ngày xa xưa... Những người dân ấy đã chẳng có lần đi qua lối mòn này hay sao ? Những bước chân qua ngày nay chắc chắn là đã chồng lên những vết chân của họ thưở nào !? Lẩn thẩn, tôi nhìn đám du khách nườm nượp đi qua, họ không hề ghé mắt đến hình ảnh của các chủ nhân vùng đất này... Người ta đi xem thẳng cảnh mà cứ như đi cho kịp giờ vào sở... Kết quả của lối sống trong một xã hội tiêu thụ.

Hôm sau tôi đi Sarlat, thành phố làm Vũ Dương hải, vì chỗ nào cũng thấy người ta bày bán toàn là vịt ngỗng đóng hộp : gan vịt, gan ngỗng, lườn ngỗng, cổ vịt, mề vịt... Hơn 10 ngày nay, đi đâu cũng được chiêu đãi toàn những món ăn này. Dương lác đầu : “ Mới thấy mà đã đau bụng rồi ”. Thành phố nhỏ hàng quán quây quần gần như theo một đường tròn, nhưng kiểu xây cất của các thành phố Trung cổ bao giờ cũng đẹp, bí ẩn, lạ lùng và lôi kéo khách xem. Rồi Sarlat chúng tôi đi thăm Les Eysies, di tích của những người sinh ra loài người, ở đây chỉ thấy toàn là hang động và dấu tích các sinh vật được in lại trên các bức tường.

Đổi hẳn hướng, ngày kế đó chúng tôi đi thăm bờ biển Arcachon thăm đụn đất cao nhất nước Pháp, ở đây mọi người đều thấy gắn gũi với quê hương vì có cát trắng, biển rộng và trời xanh.

Trong những lúc rảnh rỗi, chúng tôi vào các làng có tổ chức Vide grenier (bán rẻ những đồ không dùng nữa : nghĩa là làm trống rỗng thượng), đây là cái mode thời thượng nhất của một vài năm gần đây. Các họa sĩ thì cứ lặn vào mua vì lạ mắt và rẻ, tôi thì chỉ có việc thỉnh thoảng lại nhắc nhở : “Nhớ là mỗi người lúc về chỉ mang được 30kg hành lý thôi nhé ”.

Sau hai tuần ở Saint Emilion, chúng tôi đi Albi, cách Toulouse khoảng 50km. Rồi lại theo sợi xích thẳng lần mò theo : Castillon la Bataille, Saint Foy la Grande, La Réole,

Duras (làng của bà Margueritte Duras), Montauban. Đọc đường chúng tôi gặp một con bão kinh hồn, thế nhưng trời lại quang tạnh ngay. Chúng tôi đi đến nhà ông Gaudez Florent, là nơi cư ngụ ở thành phố Gaillac (cách Albi khoảng 50km). Florent là khoa trưởng khoa tâm lý, nghệ thuật qua xã hội học của đại học Albi, một chi nhánh của đại học Toulouse. Ngồi nông trại cỏ, vườn rộng, rau củ đủ ăn quanh năm, có sân nuôi gia súc đủ loại từ vịt gà ngỗng ngan cho đến ngựa và nhiều lừa. Vợ của Florent là người Việt, cô ta dạy sử và thường trực một công đoàn. Cô nói thạo tiếng Việt, rặt giọng Quảng nghe thật vui tai. Cô bảo : “ *Năm ni cháu trồng rau đậu nhiều hơn mấy năm trước vì biết có các chú qua* ”.

Từ cách sinh hoạt ngổn ngang với các nông dân ở Saint Emilion, chúng tôi đi vào cuộc sống của các công chức bẽ bộn, thời gian biểu chặt sít sao. Hết rồi những đêm kể cà bên chai rượu để kể chuyện tiếu lâm. Nhưng Gaillac vẫn là nơi sản xuất rượu có tiếng và chủ nhà là một tay sành rượu nên nút của các chai rượu quý lâu năm vẫn được nổ ra bốp bốp đánh dấu cho cuộc hội ngộ này. Florent là một giáo sư trẻ, yêu thiên nhiên và nghệ thuật, miệng bông đùa suốt ngày, thế nhưng khi bắt tay vào việc thì lại hết sức khoa học và nghiêm túc. Dĩ nhiên là các nghệ sĩ không quen với lễ lối đó. Tôi là “ tấm đệm ” ngăn các cọ sát của hai bên, nghe chừng thấm mệt. Chương trình triển lãm rất căng thẳng. Các họa sĩ phải thường trực trong phòng tranh ngay tại Đại học Albi để trả lời những câu hỏi của các sinh viên. Sau khi khai mạc sẽ có cuộc gặp gỡ giữa ba họa sĩ nhà ta cùng với ba họa sĩ có cỡ ở Toulouse, họ sẽ cùng nhau vẽ một bức tranh dài 6m rộng 3m trong khuôn khổ trao đổi văn hoá Pháp Việt. Trong khi các họa sĩ thao tác lại có một dàn nhạc và một nữ vũ công lặn mình theo tiếng nhạc với một dải lụa đào không biết dài bao nhiêu thước, trên bãi cỏ xanh, để tạo ra một bầu không khí hưng phấn giúp các họa sĩ tìm cảm hứng. Bức tranh còn lưu trữ tại đại học Albi. Thú thật, tôi chưa hề thấy cảnh ấy bao giờ.

Cũng từ Albi chúng tôi đi khám phá thành phố màu hồng : Toulouse.

Tình cờ, trong cuộc triển lãm chúng tôi gặp một cặp vợ chồng hưu trí, chồng là “công tử Bạc Liêu” và vợ là người Pháp, mà lại nói tiếng Việt như sanh như sứa. Họ tìm đến vì nghe có đoàn họa sĩ từ Việt Nam qua, cả hai mời chúng tôi về nhà dùng cơm. Chúng tôi không ngờ bà chủ người Pháp mà lại làm cơm Việt ngon đến thế. Tôi khen, bác Robert âu yếm nhìn vợ : “ *Dạy vợ dạy thưở mẹ cha mang về* ”. Cả bọn cùng cười. Trong bữa ăn, họ đề nghị cho chúng tôi mượn căn nhà ở biên giới Tây Ban Nha để các họa sĩ có dịp xuất ngoại lần nữa. Bác Robert thúc giục vì thấy chúng tôi ngần ngại : “ *Một lần đi một lần khó* ”. Cảm động tôi quyết : “ *Thiên thời (trời nắng đẹp), địa lợi, nhân hoà* ”, thôi chúng ta cứ liêu một chuyến xem sao. Và lại như vậy chúng ta có thể đi xem Narbonne và Carcassonne.

Vì sợ bị đánh cắp, các họa sĩ chỉ mang theo mình bản sao hộ chiếu. Không chịu đi lậu, tôi trực chỉ vào bốt cảnh sát biên phòng để trình bày. Không có vấn đề , chúng tôi thẳng bước đến bảo tàng Dali. Không nói các bạn cũng biết các họa sĩ nhà ta hồ hởi đến chừng nào. Sau khi thăm một vài thành phố nhỏ chúng tôi đến Barcelona thì trời đã tối hẳn. Quây quần bên mâm cơm paëlla, trở về khách sạn thì đã quá 12 giờ khuya. Tôi ngủ, các bạn đi chơi, vì ở đây người ta sống nhiều về đêm.

Bốn ngày ở Barcelona, chúng tôi lấy quốc lộ trở về Pháp (lần đi chúng tôi đi bằng xe đạp) để có thể ngắm nhìn cảnh trí của dãy núi Pyrénées. Vượt khỏi biên giới chúng tôi dừng phải một quán ăn Việt Nam, tám biển lơ lửng cô đơn trên vách núi. Gió reo, nước chảy, hoàng hôn đến thật buồn, tôi không tài nào không nghĩ đến câu thơ của bà huyện Thanh Quan. Chúng tôi ghé quán để giải khát. Tôi hỏi đùa người chủ trẻ : “ *Có cà phê đá không cháu ?* ”. Anh cười, lắc đầu và bảo : “ *Cô chờ cho tỳ, cháu đang bận* ”. Dăm phút sau, anh khệ nệ mang ra một chiếc khay có đặt năm ly cà phê đá ngon lành, và nhất định không chịu lấy tiền. Tôi ái ngại cảm ơn. Cà phê lạnh mát nhưng tình người đồng xứ đã sưởi ấm lòng chúng tôi. Khi rời quán, người chủ trẻ bảo : “ *Khi nào đi ngang thì ghé lại thăm cháu, cháu là người Quảng Ngãi* ”. Khi nào ? Biết đến khi nào ? !

Ngày xưa, ở quê tôi dù ở chốn đèo heo hút gió mấy đi nữa thì cũng tìm thấy một gia đình Trung Hoa, ngày nay, ở chốn thâm sơn cùng cốc này tôi lại tìm thấy một gia đình người Việt, họ còn rất trẻ nhưng không dám sinh con vì sợ công việc làm ăn bị gián đoạn : những kiếp người tha hương !

Trở lại biên giới, rồi Gaillac, đoàn “ *Nắng ấm phương Nam* ” được một hiệp hội mời dự một trại sáng tác tại làng Rével cách Gaillac khoảng 40 cây số, do một người đàn bà Pháp lai Việt Nam tổ chức. Người tham dự có đủ thành phần và quốc tịch : văn sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia... Một buổi lễ được tổ chức có cả dân làng tham dự để đón mừng các họa sĩ Việt Nam. Vinh dự. Ngày hôm sau thì bắt tay vào việc. Mọi vật dụng cần thiết đều được cung cấp đầy đủ, tha hồ mà sáng tác. Cứ thế, ngày sáng tác, đêm lễ hội, cuối tuần tham quan, một tháng trời trôi qua lúc nào chẳng rõ. Lễ bế mạc, các bức tranh được dần dựng trình bày, và một lần nữa cuộc vui lại bắt đầu. Ngày chia tay người chủ nhà nơi chúng tôi cư ngụ sụt sùi : “ *Biết bao giờ mới gặp lại ? Thôi hẹn nhau ở Việt Nam nhé* ”. Khánh bảo nhỏ : “ *Người Pháp họ cũng mau nước mắt nhỉ* ”.

Trở về Paris, các họa sĩ còn lại những một tuần mới đến ngày về. Tôi tổ chức đưa họ đi thăm Saint Malo. Ở đây chúng tôi trọ trong một gia đình, chủ gia đình là một người Việt, nhưng anh chẳng nói được một tiếng Việt nào. Đây là một gia đình công nhân, đông con và nghèo, nhưng họ lo cho chúng tôi thật chu đáo. Từ đó chúng tôi đi thăm các làng nhỏ xứ Bretagne, thăm chateau de Conbourg, mộ Chateaubriand và mỏm núi Saint Michel.

Tình cờ cũng trong một “vide grenier”, tôi gặp lại chị Madeleine Thomas, mà tôi vẫn thường gọi là Mado, một người bạn thân mà tôi bất tin từ gần 30 năm nay. Thuở đó Mado là một thiếu nữ 19 tuổi và là một vô địch chạy đua 400m của nước Pháp. Chị đã bán chiếc mẽ đạp bằng vàng nhỏ khi vừa được trao tặng để gởi tiền biếu cho Mặt trận giải phóng miền Nam. Nay tóc chị đã muối tiêu và làm nghề gõ đầu trẻ. Xa rồi, cái thời trẻ trung hăm hở !

Tôi đón các họa sĩ tại phi trường Charles de Gaulle ngày 13-04-02 và tiễn đưa họ ngày 16-07-02.

Cuộc vui nào rồi cũng qua, còn lại chẳng chỉ là vị ngọt bùi của nhiều kỷ niệm.

Parsac ngày 11-9-02

Phan Tam Khê

Nhịp điệu trong ngôn ngữ tạo hình

Văn Ngọc

Kou Ngan (thế kỷ 14, đời nhà Nguyên), *Tre và đá*, tranh mực tàu trên lụa.

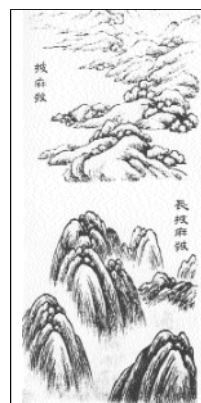


Nhịp điệu, hay *tiết điệu* (rythme), một trong những từ mà ngày nay người ta thường nói đến trong ngôn ngữ nghệ thuật, là một khái niệm khá phức tạp, khó định nghĩa, bởi bản thân nó là một hiện tượng vừa đa dạng, lại vừa khó nắm bắt, mà ngôn ngữ nói và viết lại chỉ mới có một hai từ chưa đủ chính xác để chỉ định nó !

Theo quan niệm nghệ thuật hiện đại ở phương Tây, *nhịp điệu là sự biểu hiện của sự vật trong thế giới tự nhiên, hoặc trong nghệ thuật, dưới những nét đặc thù, tinh túy nhất của nó*. Đây là nội dung chính của khái niệm nhịp điệu.

Trong truyền thống hội họa phương Đông, cũng có một khái niệm tương tự, đó là khái niệm *lý*, một trong bốn nguyên tắc cơ bản của hội họa cổ điển Trung Quốc (*khí, lý, ý, thần*) được đề ra bởi Hsieh Ho, một lý thuyết gia về hội họa ở thế kỷ thứ 6 (đời nhà Tùy).

Nhịp điệu tồn tại dưới mọi hình dạng trong thế giới tự nhiên : mỗi loài cây cỏ, mỗi loài động vật, thực vật, từ con chim, con cá,



Những qui định về nhịp điệu để vẽ núi đá trong truyền thống tranh cổ Trung Quốc (F.Cheng, *L'espace du rêve*, tr. 44-45).

đến hòn đá, đám mây, dòng suối, mỗi vật đều có một hình dạng riêng, một cấu trúc riêng, một nhịp điệu riêng.

Song nhịp điệu chỉ toát ra một cách rõ ràng nhất từ những tổng thể tập hợp nhiều vật thể đứng gần bên nhau, có cùng một hình dạng, cùng một cấu trúc, hoặc lặp lại cùng một động tác, cùng một nhịp chuyển động.

Một chiếc lá tre đơn độc, chỉ có thể cung cấp cho ta hình dạng của một chiếc lá, nó chưa tạo nên nhịp điệu. Chỉ khi nào ta có cả một cành tre, với cấu trúc đặc biệt của các nhánh, các ché của nó, ta mới bắt đầu nhận dạng được cái cấu trúc và cái nhịp điệu của tre.

Nhịp điệu của một cây lê khác với nhịp điệu của một cây táo, do sự khác nhau về cấu trúc. Tuy nhiên, cái nhịp điệu này đôi khi cũng khó nắm bắt, nhất là vào mùa cây đầy lá chi chít, che khuất đi những đường nét của thân cành là cái cấu trúc thể hiện nhịp điệu của từng giống cây.



Mondrian, *L'Arbre gris* (1912), sơn dầu

Cũng vì không thể nào vẽ hết được các cành lá của một cái cây, cho nên xưa nay các họa sĩ, từ Đông sang Tây, đều tránh không vẽ tất cả mọi chi tiết, mà chỉ vẽ, một là cái hình dạng bên ngoài của cây, hai là cái cấu trúc đặc thù tiêu biểu cho cây. Họa sĩ Mạnh Quỳnh ngày xưa khi vẽ tre, chỉ vẽ thân tre và một mảng mờ mờ ở trên ngọn bằng những nét thoáng để chỉ những cành tre, song người ta cũng nhận ra ngay nhịp điệu của những khóm tre trước gió. Dấu sao, đó cũng chỉ là những bức hoạt họa, nhằm mục đích minh họa cho sách báo. Các họa sĩ cổ điển Trung Hoa, ngược lại, khi vẽ tre, thường vẽ rất tỉ mỉ từng cành, từng lá, cho ta thấy rõ cái nhịp điệu đặc thù của từng bụi tre.

Khái niệm nhịp điệu, đặc biệt trong nghệ thuật tạo hình hiện đại ở phương Tây, còn có một nội dung khác nữa.

Nhịp điệu ở đây được coi như một yếu tố thẩm mỹ, tạo nên sự sinh động trong tác phẩm nghệ thuật. Nhịp điệu “lập thể” bắt đầu xuất hiện trong các tác phẩm của Cézanne (từ khoảng 1880 trở đi), rồi trường phái lập thể, chủ yếu là Braque và Picasso đã đào sâu khai thác thêm (từ 1907 trở đi).



Cézanne, *Dans le parc du Château Noir* (1900), sơn dầu

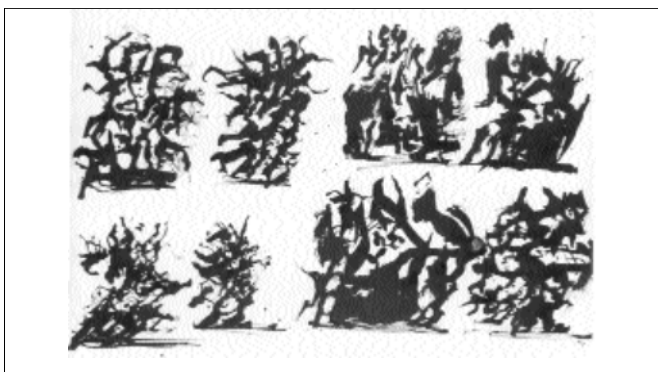
Loạt tranh vẽ phong cảnh ở địa điểm Château Noir của Cézanne, đặc biệt là các bức *Vue*

de Château Noir (1894-96) và nhất là *Dans le parc du Château Noir* (1900) đều giàu một sự rung cảm về nhịp điệu. Cũng như tất cả các bức họa ông vẽ ngọn núi *Sainte-Victoire* (từ 1898 đến 1906) ! Cézanne, cũng như những người đi sau ông thuộc xu hướng lập thể, khi lấy thiên nhiên làm đối tượng vẽ, thực ra chỉ là để phân tích, nắm bắt những nhịp điệu của thiên nhiên và diễn dịch chúng bằng nhịp điệu của những hình thể hình học đơn giản. Cứ xem những tác phẩm lúc khởi đầu của trường phái lập thể như : *Maisons à l'Estaque* (1908), *La Roche Guyon* (1909), của Braque ; *L'Usine à Horta de Ebro* (1909), *Portrait de Wilhelm Uhde* (1910) của Picasso, thì ta cũng đủ thấy điều đó.

Từ Cézanne, đến Braque, Picasso, rồi đến Robert Delaunay, thì cái sự phân tích đó đã tiến một bước khá xa, để cuối cùng toàn bộ bức tranh chỉ còn là nhịp điệu tạo nên bởi các hình thể hình học : Delaunay, *Fenêtres sur la ville No 2* (1912), *No 4* (1913).

Từ đó chuyển sang hội họa trừu tượng thật không còn bao xa nữa !

Trên thực tế, từ lúc này trở đi, một loạt trường phái trừu tượng đã đua nhau tìm tòi theo những hướng khác nhau, nhưng trọng tâm vẫn là vấn đề nhịp điệu : từ Mondrian, với nhịp điệu của những đường cong (1909 -1912), rồi cuối cùng là những đường thẳng góc (từ 1914 trở đi), đến Malevitch, với những



Henri Michaux, *nhịp điệu*, mực

hình thể hình học đơn giản (1915) ; rồi từ Magnelli, Boccioni, Severini và nhóm Vị lai (Futuristes), với tham vọng thể hiện sự chuyển động, đến Kandinsky, v.v.

Nói đến sự tìm tòi về nhịp điệu của các trường phái hội họa hồi đầu thế kỷ 20, chúng ta không thể nào quên rằng, cũng vào thời kỳ đó, còn có nhiều trường phái hội họa khác cũng rất quan tâm đến khái niệm này. Đặc biệt là trường phái biểu hiện, với Munch, Kirchner, Nolde, Soutine, Rouault, v.v.

Đến những năm 40 - 50, quan niệm về nhịp điệu lại được đẩy xa thêm một bước nữa qua những tìm tòi mới của Henri Michaux, nhà thơ hiện đại Pháp, kiêm họa sĩ. Nhiều trường phái hội họa trừu tượng chú trọng đến nhịp điệu thuần túy hình thành dần dần ở cả hai bên bờ Đại Tây Dương. Ở Mỹ, nổi bật nhất có Mark Tobey, Willem de Kooning, Jackson Pollock, Jasper Johns, v.v. ; ở Âu châu, có Hans Hartung, Karel Appel, Pierre Soulages, v.v.

Trong kiến trúc, khái niệm nhịp điệu cũng đã đóng một vai trò quan trọng.

Tuy nhiên, điều đáng làm cho ta phải ngạc nhiên là trong

một thời gian dài hàng mười mấy thế kỷ, khái niệm này đã không được biết đến !

Trong kiến trúc cổ điển Hy Lạp (thế kỷ 5 tr. C.N.), người ta mới chỉ biết đến khái niệm *tỷ lệ* (proportions), và cho rằng tỷ lệ là tiêu chuẩn quan trọng nhất của sự cân đối, hài hoà, tức là của cái đẹp cổ điển.

Người Hy Lạp cổ tin vào những tỷ lệ lý tưởng, mà qua kinh nghiệm thiết kế và xây dựng những ngôi đền, họ đã có được. Đó là những tỷ lệ được qui định một cách chính xác bằng



Nhịp điệu của những hàng cột trong kiến trúc cổ Hy Lạp. Đền Parthénon (thế kỷ 5 trước C.N.)

những kích thước cụ thể : đơn vị cơ bản là đường kính của cột chống trong mỗi công trình, được lấy làm thước đo cho tất cả các bộ phận kiến trúc khác (giống như chiếc *tatami* trong truyền thống kiến trúc Nhật Bản, hay cây *thước tâm* trong truyền thống xây dựng của người Việt xưa).

Tỷ lệ cho phép tạo ra sự cân xứng, hài hoà giữa các bộ phận của một vật thể, hoặc giữa một vật thể này với một vật thể khác. Song, nó cũng có thể tạo nên một *sự tương phản* giữa các bộ phận của một vật thể, cũng như giữa các vật thể đứng bên cạnh nhau. Do đó, tỷ lệ và nhịp điệu không mâu thuẫn với nhau. Tỷ lệ, ở một mức độ nào đó cũng có thể tạo nên được sự sinh động, thậm chí tạo nên nhịp điệu.

Điều làm cho hậu thế phải ngạc nhiên, là người Hy Lạp cổ tuy không chú trọng đến khái niệm nhịp điệu, nhưng đã biết cảm thụ, nắm bắt được cái đẹp sinh động của nhịp điệu.

Trong kiến trúc cổ điển Hy Lạp, ở Acropole (Athènes), chẳng hạn, những hàng cột bao quanh các ngôi đền Parthénon và Athéna Nikè, hoặc ở ngay cổng vào Acropole (Propylées), hẳn đã hấp dẫn nhãn quan và đã chinh phục được con mắt thẩm mỹ của những người đương thời. Những hàng cột đá, mà thân cột được chạm trở thành những rãnh song song theo chiều cao (cannelures), có khả năng bắt ánh sáng một cách sinh động : chúng biến đổi sắc độ và hình dạng theo từng giờ của một ngày. Chính chúng là tiền thân của những hàng cột sẽ được tôn vinh trong suốt hàng chục thế kỷ trong nền kiến trúc cổ điển Âu châu sau này.

Tuy nhiên, vào thời kỳ cổ đại Hy Lạp, cũng như sau này, trong truyền thống kiến trúc cổ điển La Mã (từ thế kỷ 2 tr. C.N. trở đi), người ta mới chỉ biết cảm thụ cái đẹp của những hàng cột ở các agora Hy Lạp và ở các forum La Mã, song chưa bao giờ phân tích hiện tượng, để tìm hiểu vì sao lại có được cái đẹp ấy.

Phải chờ đến hơn mười bảy thế kỷ sau, khi nghệ thuật kiến trúc gothique tự khẳng định cho mình một phong cách riêng, với nhịp điệu thẳng đứng trang nghiêm của các bộ phận kiến trúc, từ các cột chống cao vút bên trong nhà thờ, đến các mô típ điêu khắc trên mặt tiền, rồi đến gác chuông, v.v., cũng như với nhịp điệu uyển chuyển, mềm mại của các vòm cuốn, người ta mới dần dần có một ý thức rõ rệt về tầm quan trọng của khái

niệm này.

Ở thời Phục Hưng Ý, nhiều thành phố, làng mạc, đặc biệt là những thành phố làng mạc xây trên triền đồi ở Ý, được xây dựng dựa theo địa hình, địa thế tự nhiên, cũng như dựa trên một sự thống nhất về phong cách kiến trúc và vật liệu xây dựng của từng địa phương. Do đó, mà các thành phố, làng mạc này, thường hài hoà với cảnh quan : nhịp điệu của chúng ít khi đối nghịch với nhịp điệu của thiên nhiên xung quanh.

Trong kiến trúc, còn nhiều thí dụ khác nói lên tầm quan trọng của nhịp điệu, như một yếu tố thẩm mỹ quyết định : từ những thành phố, làng mạc ở Bắc Phi, Trung cận đông, v.v. mà kiến trúc chủ yếu là những hình khối vuông góc, mái bằng, điểm xuyết đây đó bằng những mái vòm, hoặc những tháp minaret, và thường được xây dựng trải ra theo một nhịp điệu ngang, hài hoà với phong cảnh của những vùng sa mạc, cho đến thành phố New York (Manhattan) với những ngôi nhà chọc trời đứng sát bên nhau, tạo nên một nhịp điệu thẳng đứng mạnh mẽ.

Mãi đến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khái niệm nhịp điệu mới bước đầu được nhìn nhận trong giới kiến trúc như một yếu tố cơ bản của cái đẹp thẩm mỹ, mặc dầu trong các trường kiến trúc và mỹ thuật, người ta vẫn bó buộc học sinh phải sao chép tỷ lệ của những thức cột dorique, ionique, v.v. và về hình hoạ, vẫn phải sao chép các pho tượng Hy Lạp cổ, hoặc vẽ người khoả thân trong những dáng đứng cứng nhắc, khô khan !

Cũng may, là cái thời kỳ đó rốt cục rồi cũng đã qua, và Giải thưởng La Mã cũng không còn tồn tại nữa, mặc dầu cũng mới chỉ từ những năm 60 !

Bước vào những thập niên 70-80, nhịp điệu trong các trào lưu kiến trúc hậu hiện đại sẽ được sản tìm trong sự đối lập giữa các hình khối, đường nét, chất liệu, thậm chí cả



Opéra của thành phố Sydney, Úc (1956 - 1976, kiến trúc sư : John Utzon), một trong những công trình kiến trúc hiện đại đầu tiên thể hiện nhịp điệu một cách táo bạo.

màu sắc. Một tổng thể kiến trúc sinh động thường là một tổng thể trong đó những hình khối, đường nét giàu nhịp điệu tương phản với nhau, từ nhịp điệu của những đường thẳng góc, đến nhịp điệu của những đường chéo, đường cong, v.v.

Giờ đây, khái niệm nhịp điệu đã trở nên quen thuộc trong lãnh vực kiến trúc, cũng như trong mọi ngành nghệ thuật tạo hình khác.

Nhịp điệu muôn màu muôn vẻ, biểu hiện sự sống của mọi vật, đáp ứng một nhu cầu bản năng của con người, cuối cùng đã trở thành một yếu tố của cái đẹp, một tiêu chuẩn thẩm mỹ, thậm chí một đối tượng của nghệ thuật, một trong những nguồn cảm hứng phong phú nhất đối với những người làm nghệ thuật.

Văn Ngọc



TRANH 1599



TRANH 1394



TRANH 1399



TRANH 1393



TRANH 1395



TRANH 1396

Tranh ký hiệu của họa sĩ Phạm Ngọc Tuấn

Từ nhiều năm nay, ký hiệu là đối tượng tìm tòi, thể nghiệm của họa sĩ Phạm Ngọc Tuấn trong lĩnh vực hội họa. Mỗi bức tranh, mỗi ký hiệu, đối với anh, là một cuộc săn tìm cái đẹp của hình thể và màu sắc dưới một hình dạng mới : đó là ý nghĩa và cũng là cái ma lực quyến rũ anh đi vào thế giới của ký hiệu. Tuấn ưa thích những bố cục hoành tráng, chinh phục nhãn quan bởi tính chất dày đặc và sống động của chúng. Ký hiệu của anh nằm gọn trong một không gian giới hạn, như một khuôn mặt người, hay một mặt chữ (chữ Nho), mặc dầu chúng chỉ là những hình thể trừu tượng, không hàm chứa một "khái niệm" triết học nào cả, ngoại trừ một số yếu tố của ngôn ngữ tạo hình, mà chức năng là thể hiện cái đẹp thẩm mỹ. Mỗi ký hiệu có một cấu trúc riêng, một hình dạng riêng. Hình dạng đó được hình thành bởi sự đan kết của những hình thể hình học đơn giản, tuy nhiên do ý nghĩa biểu trưng của một hai bộ phận nào đó, chúng thường hay gợi nhắc ta liên tưởng tới những vật thể quen biết : người, vật, cây, v.v. Sự tương phản của những hình thể căng tròn, đầy đặn, với những hình thể vuông vức, hoặc sắc nhọn, cũng như sự tương phản giữa những mảng đen và những khoảng trống, sự tương tác giữa các màu sắc mà anh hay dùng, đều góp phần làm tăng thêm sự sinh động của các hình thể : những màu xanh lá cây và màu đỏ tươi, hoặc màu hồng, đứng cạnh nhau, thường gây nên những rung cảm thẩm mỹ bất ngờ (xem tranh bìa).

Hoài Văn

Giới thiệu sách :

Lối Xưa Xe Ngựa... (Tập II)

tác giả : Nguyễn Thị Chân Quỳnh,
NXB An Tiêm, Paris 2002
Sách dày 336 trang, in đẹp,
bìa màu, giá bán 14 USD.

*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...*

(Bà huyện Thanh Quan, *Thăng Long hoài cổ*)

Quá khứ không chỉ là nguồn cảm hứng của các nhà văn, nhà thơ. Đó còn là nơi con người thường quay về để tìm cội nguồn của mình.

Tìm hiểu lịch sử dân tộc, hay tìm hiểu những truyền thống văn hoá của cha ông, chẳng qua cũng chỉ là một cách chất vấn, học hỏi quá khứ.

Tìm hiểu những cái hay cái dở của người xưa, chính là để rút ra những bài học cho ngày hôm nay : từ các phong tục, tập quán, các sinh hoạt tinh thần và vật chất, đến các cách ứng xử trong gia đình, xã hội, cách giáo dục, học hành, v.v.

Nói rộng ra hơn, có biết những cái hay cái dở trong nền văn hoá của mình, mới có thể so sánh được với những cái hay cái dở trong các nền văn hoá khác. Và câu “ biết mình, biết người ” (hay “ biết người, biết ta ”) không chỉ là một phương châm trong cách ứng xử giữa người với người, mà còn là một điều kiện tối cần thiết để thẩm định các giá trị văn hoá, nói chung, trong bối cảnh giao lưu toàn cầu hiện nay..

Trên tinh thần ấy, hai tác phẩm mà Nguyễn Thị Chân Quỳnh, vừa cho xuất bản : **Lối Xưa Xe Ngựa...** (tập II), và **Khoa Cử Việt Nam - Thi Hương** (tập Thượng), là hai cuốn sách biên khảo quý báu về lịch sử và văn hoá Việt Nam, được biên soạn với một tinh thần khoa học, một cái nhìn mới mẻ, và một cách trình bày hấp dẫn, điều mà không phải nhà biên khảo nào cũng làm được.

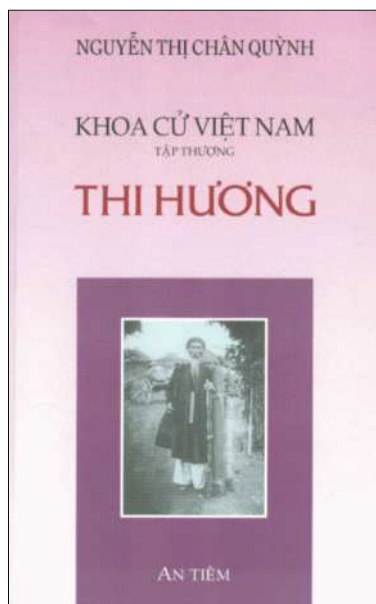
Trong **Lối Xưa Xe Ngựa**, với những bài như : “ Con cá biển ” (Nguyễn Hữu Chính), “ Đông cung nhật trình ” (Hoàng tử Cảnh), “ Ký sự đi Thái Tây ” (Phi-li-phê Bình và Phạm Phú Thứ), tác giả muốn làm sáng tỏ một số vấn đề còn nhiều nghi vấn của lịch sử Việt Nam. Ngoài ra, những bài thuộc lãnh vực dân tộc học, hoặc văn học, đều cung cấp cho người đọc những tri thức bổ ích : “ Tết Nguyên Đán và lễ Nghênh Xuân ”, “ Khai bút đại cát ”, “ Tế Nam Giao ”.

Tác phẩm của Nguyễn Thị Chân Quỳnh hấp dẫn, không

chỉ nhờ ở nội dung phong phú của các đề tài, mà còn nhờ ở cách phân tích, bố cục, cũng như sự chọn lựa và khai thác những giai thoại, những chứng nhân cụ thể, những yếu tố lý thú của từng đề tài. Chẳng hạn như trong đề tài “ Tết Nguyên Đán ”, tác giả đã không ngần ngại trích dẫn giai thoại về tục lệ “ Tết Thầy ” trong tác phẩm “ Nhà Nho ” của Chu Thiên, hoặc tiết mục “ Cờ người ” lấy từ truyện ngắn “ Tiếng Suối reo ” của Khái Hưng. Ngoài ra, tác phẩm còn được minh hoạ bởi nhiều hình ảnh quý hiếm, có bức chưa bao giờ được công bố.

Khoa Cử Việt Nam (tập Thượng) Thi Hương

tác giả : Nguyễn Thị Chân Quỳnh
NXB An Tiêm, Paris 2002
Sách dày 432 trang, in đẹp, bìa màu, giá bán 18 USD.



Cuốn “ **Khoa Cử Việt Nam** ”, tập Thượng, dành cho đề tài **Thi Hương**, gồm tất cả 6 phần. Phần dẫn nhập nói đại lược về vấn đề khoa cử, trong bối cảnh đạo Nho và chế độ phong kiến xưa. Bốn phần sau nói về những khâu liên quan đến nghiệp thi cử :
Phần 1 : Dùi mài kinh sử
Phần 2 : Chuẩn bị
Phần 3 : Ứng thi
Phần 4 : Kết quả .
Mỗi phần lại chia làm nhiều chương (tất cả có 17 chương), mỗi chương

trình bày một đề tài, từ Lễ Khai tâm, đến Lễ Khao vọng (Vinh quy); từ vấn đề Chữ viết, đến Các thể văn trường thi, v.v.

Phần kết, là những nhận định của tác giả về những quan niệm có từ trước tới nay ở nước ta trên vấn đề khoa cử.

Để làm rõ thêm từng vấn đề, tác giả không ngần ngại trích dẫn những giai thoại, những áng văn của các bậc học giả tiền bối như : Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn, Phạm Đình Hổ, Cao Xuân Dục, Trương Vĩnh Ký, Dương Quảng Hàm, Đặng Thai Mai, hoặc của những nhà văn, nhà thơ như : Nguyễn Nhược Pháp, Ngô Tất Tố, Chu Thiên, Nguyễn Triệu Luật, Nguyễn Tuân, v.v.

Cuốn **Khoa Cử Việt Nam** (tập Thượng), cũng như cuốn **Lối Xưa Xe Ngựa...**(tập II), là một tác phẩm biên khảo công phu, trong đó phân đóng góp có tính chất sáng tạo của tác giả được thể hiện trên nhiều mặt, từ cách tập hợp, phân tích, đối chiếu các tư liệu, từ cách nhìn mới mẻ có tính chất phê phán, đến cách trình bày mạch lạc, sinh động, với nhiều thí dụ, nhiều nhân chứng cụ thể, thêm vào đó là những hình ảnh và bản đồ hiếm quý, làm cho tác phẩm có một sức hấp dẫn cao đối với rộng rãi người đọc.

Văn Ngọc

Tìm trăng đáy nước

PHẠM HẢI ANH

Căn nhà trông ra mảnh sân chung, lúc nào cũng thấy cái lung còng của cụ Nhỏ nhấp nhô ở đó. Bà cụ chín chục tuổi mà minh mẫn, lẹm cọt làm việc không ngơi tay. Bí quyết trăm tuổi của cụ rất đơn giản. Sáng dậy, đá một búi ra tay, xoa khắp mặt, lại uống một ít, thế là bách bệnh tiêu tán. Cụ khoẻ thật, nhưng cái sân chung của xóm, nơi cụ vẫn thực hành “trị bệnh” thì khai buốt óc. Cụ Nhỏ tên cúng cơm là Lê Kim Anh. Cụ Vòng táng dưới là Kiều Nga. Tuổi già, đến cái tên đẹp cũng không giữ được. Ai cũng thành cụ tất, chứ làm sao mà hình dung ra Kim Anh rửa mặt bằng nước đá, Kiều Nga về cút mũi ăn ngon lành, bảo là cơm Vòng ! Những cái tên thời con gái như phấn hương, phai cả.

Bấy giờ nó còn là con cái Choát. Gọi Choát nhưng đã khá phồng phao. Mỗi lần ra sân phơi quần áo, bất kể giờ nào Choát cũng bắt gặp thằng hàng xóm. Nó đứng giữa cửa, dạng chân, quần mở phanh, con cu như hoả tiễn chực rời bệ phóng đâm vút vào Choát. Ông giáo sư cùng phố cũng hay đến cho mượn sách lúc cả nhà đi vắng. Ông giáo vượt má cô cháu gái hờ, hơi thở mỗi lúc một hỗn hển làm héo cả lớp lông tơ trên má dậu thì. Cánh tay ông như gọng kìm, xiết dần, xuống dưới. Quyển sách rơi bộp xuống đất. Choát không dám kêu. Ông giáo già hơn tuổi bố, suốt đời độc thân, nghiêm khắc có tiếng. Mẹ bảo : “Đàn bà con gái, cần nhất là đạo đức.” Mẹ bảo vệ đạo đức cho con gái bằng quần áo cắt may luộm thuộm. Choát mười bảy tuổi, mặc áo cũ của mẹ, quần cũ của mẹ, đi dép cao su, đầu đội nón lá già vàng khè.

Hôm ấy mưa xuân phân phân, ướt đầm khóm trúc Phật bà của mẹ. Nhà có khách. Người đàn ông tóc muối tiêu, người lòng không, vừa chửi rất tục, vừa xin lỗi luôn miệng. Ông khách đến chơi bất ngờ, đi tay không thành thói, cái áo khoác ngoài màu rêu, trùm mông, chứa đầy bí mật. Móc túi phải, này cháu gái, rang hộ bác mớ lạc. Móc túi trái : hành khô, tỏi, một túm thì là xanh tươi. Mở nắp túi trên : cút rượu đây sóng sánh. Lục lợi túi trong : mấy quả ớt. Vỗ vỗ bên ngực phải : chai mắm tôm Thanh thơm nức mũi. Cái túi bên hông phồng phồng chứa cả cân bún tươi, trắng nõn. Túi bên kia là một bọc đầu cá lăng sống, béo vàng. Chưa hết, từ các túi áo trên, túi quần dưới tiếp tục tuôn ra : nghệ, cà chua, chanh quả, dấm bỗng, bánh phồng tôm, tiêu hạt, hành tây, hành ta, rau sống... Hôm ấy không cần cặm cụi nhặt sạn trong rá gạo hôi mùng mọt, không bị thâm móng tay vì rau muống mậu dịch già ngoanh ngoách, cả nhà xúm xít xào nấu, hành tỏi phi điếc mũi hàng xóm. Ông khách chặn tay Choát đang tỉ mỉ lột vỏ mấy tép tỏi : “Không cần. Để cả vỏ đấy, bác có cách.” Choát vàng, tò mò chờ xem phép lạ của ông khách ảo thuật tách vỏ tỏi không cần bóc. Đến lúc ăn, vỏ tỏi vẫn bám nguyên, phải lấy răng nhai. Ông khách vỗ đùi, cười lớn : “Thấy chưa, cách này khỏi cần bóc mà vỏ vẫn đi đàng vỏ.” Choát bật cười theo, hơi nóng thức ăn làm mờ hơi li ti rịn hai bên thái dương, má hồng rục. Ông khách nhìn, chột

buông dưa than : “Cháu ơi, mày ăn mì, ăn bo bo mà sao đẹp thế ?”. Choát cúi mặt xuống bát cơm. Lần đầu tiên Choát nghe nói mình đẹp, nhưng sao ông khách lại thờ dài, và cả nhà im lặng thế ?

Ông khách là bạn học cũ của bố, mười mấy năm lưu lạc mới gặp lại. Chàng công tử Hà thành ăn chơi lệch đất, cổ lũng lảng bình axit, anh chị đầu gấu mấy đụng phải cũng ngán ngẩm lảng xa. Ông sĩ quan uống đến đá ra rượu, bắt lính công về đồn, nửa đường tụt xuống, ra lệnh : “Mày trèo lên lưng để tao công trả, cho công bằng.” Người tù cải tạo chưa từng biết chuyện bếp núc, xung phong đi làm lòng lợn để hít tí không khí tự do, cầm cả bộ lông giặt như giặt áo, khi đem về trại lòng còn nguyên cút, bị phạt cùm vì tội lừa cán bộ... Người như ông, chẳng biết sợ là gì, cũng chưa từng nói dối. Choát trốn vào góc nhà, sẫm soi mình trong chiếc gương nhỏ bằng lòng bàn tay. Gò má lấm chấm tàn nhang. Lông mày xéch. Miệng rộng. Mẹ vẫn than con gái sao giống bố, chẳng được nét gì. Nhưng hôm ấy ông khách đã nói : “... sao đẹp thế !”. Đêm, Choát thấy thằng hàng xóm nhìn mình đăm đăm, cái nhìn buồn bã, ngây dại. Lại thấy hơi thở nóng bỏng của ông giáo sư phà bên tai. Và cậu bạn trai cùng lớp kín đáo cầm tay, vuốt ve ngón út. Tỉnh dậy, ngón tay út còn cong lên, mơn man cảm giác. Cái Choát đã đổi tên thành Phương Thảo từ lúc ấy. Cong cổ ngát hương muốt xanh mười bảy tuổi. Phương Thảo tóc rất dài, chân dài, đuôi mắt cũng dài, lá cổ sắc cắt hồn.

Đạo đức cần mà tiền cũng rất cần. Mẹ đành để Phương Thảo đi bán quán. Nhưng lại dặn làm gì đến mười giờ tối cũng phải về nhà, giữ tiếng cho bố mẹ. Bố mẹ đã sống một đời giữ tiếng cho ông bà. Ông bà giữ tiếng cho cụ kỵ. Tiếng là gì mà đời nào cũng phải da mang ? Mẹ bảo đừng hỗn. Chủ nhà này trước kia là bác sĩ, kĩ sư cả đấy, ăn ở thế nào mà cứ đi vắng là hàng xóm vút cút vào nhà. Từ ngày bố mẹ về đây, cả xóm già trẻ ai cũng niềm nở. Cô hàng xóm ném cút giấu tay vẫn bị bà hàng xóm bên kia lột quần lót trên dây phơi ném vào vũng nước đá cụ Nhỏ. Bà hàng xóm ấy thì chốc chốc lại réo má tổ cha tiên nhân con đi nào đang yên đang lành động cốn úp ngược cái bếp dầu của bà để chảy hết cả dầu sao nó không về úp cái đầu lâu bố nó... Quần lót mẹ phơi trên dây không ai động đến, bếp dầu nằm ngay ngắn, nhà không bị vút cút. Ăn nhau cũng nhờ cái tiếng. Bố mẹ sống như hai bạc hiền giả giữa chốn bụi trần. Bụi trần cả theo nghĩa đen vì căn nhà cấp bốn trống trải bốn bề lúc nào cũng ngập bụi từ bốn phương tám hướng đổ về. Bụi nhà máy điện, bụi mùn cua, bụi cuốn theo vệt bánh xe ngoài phố... Mẹ dưng cảm chống trả bằng phất trần, chổi, giẻ lau... nhưng vô ích. Bụi dấy lên bám mờ ảnh thờ, mẹ đành mua tấm lụa đỏ che mặt các cụ, chỉ ngày giỗ tết mới mở ra. Bàn thờ nhấp nhô những vương lụa đỏ, quá khứ trở nên vô hình vô ảnh nhưng bù lại được bọc gói sạch sẽ. Tổ tiên trông xuống con cháu qua lớp lụa ấy sẽ thấy đời giống y lời bài hát : “hồng như màu của bình minh, đỏ như màu máu của mình tim ơi”. Mẹ gom gạch, xây trước cửa nhà bốn cây. Sau vài tuần chăm chỉ tưới tắm, hoa lá lên chẳng ra hình thù gì, nhưng những cái tên thảo mộc nghe thật sướng tai : khóm trúc Phật bà, cây phun châu nhả ngọc, bụi hồng tỉ muội, cây trinh nữ hoàng cung, lan cấm cù, hoa trạng nguyên, lá hoàn ngọc... Thằng Bi nhà bên mỗi sáng mắt nhắm mắt mở lại ra bác cái vòi xinh xinh đá vào khóm trúc Phật bà của mẹ. Lá trúc úa

vàng, hoa phun châu nhả ngọc thăm thăm màu đất, hồng tí muội còi cọc không hoa, chỉ có khóm trạng nguyên mỗi độ Noel là đơm bông đỏ chói chang. Năm nào mẹ cũng phẩn khởi bảo đấy là điềm lành.

Điềm lành hay không chả biết nhưng từ độ Phương Thảo đi bán quán thì cuộc sống ở nhà cũng dễ chịu lên. Thay vì rượu sắn uống nhức đầu, bố chuyển sang mua rượu gạo. Rượu gạo thực ra vẫn hại, bố uống bia hơi, bia Tàu, rồi bia lon, mỗi lần uống lại khê khà bảo bây giờ sướng thật, những thứ này ngày xưa có tiền cũng phải quen mới được mua phân phối, các cô mậu dịch mặt vác lên tận trời xanh. Mẹ lại có niềm vui khác. Thịnh thoảng, Phương Thảo mang từ chỗ làm về đầu tôm hùm, chân gà, chân cua ghe, đầu cá. Mẹ hỉ hả gỡ gạch ở đầu tôm, tuốt thịt cua, chặt chân gà..., vừa làm vừa máng tụi Tây phí phạm, không biết ăn miếng ngon. Nó ngu thế mới tới phần mình. Mình khôn nên chẳng tốn xu nào mà chế biến ra bao nhiêu món đặc sản. Đầu cá nấu canh riêu, gạch tôm thịt cua làm nem, chân gà hầm tam thất con gái ăn đỏ da thấm thịt. Nhà ăn không hết, mẹ cho hàng xóm lấy thảo. Uy tín của bố mẹ trong xóm càng cao, bụi cây trước nhà mọc sức lên tươi tốt không ai bẻ. Ăn đặc sản, uống bia lon, ngắm hoa trạng nguyên miễn phí. Cuộc đời vẫn đẹp sao !

Có hai điều làm mẹ chưa được mãn nguyện. Thứ nhất là mùi. Bụi cây cảnh tên rất đẹp của mẹ không lọc được các mùi hỗn tạp ùa vào từ mảnh sân chung. Mùi nước tiểu của bà già, trẻ con, chó. Mùi khói bếp than. Mùi dầu hoả. Mùi vỏ cam, vỏ chuối, cuống rau thối mục từ tầng trên xuống mái nhà tầng dưới. Mùi thùng nước gạo lên men. Nhưng rừng rợn nhất là những ngày đổi thùng. Công nhân vệ sinh đeo khẩu trang, đi ủng, xách xô, xẻng vào nhà vệ sinh nậy nắp hố xí. Phân tươi tràn ra lênh láng. Các chị công nhân lấy xô múc, gánh từng thùng ra vào kiosk, phân rải như hoa sao dọc đường vào ngõ. Nhà nào nhà nấy buông rèm, đóng cửa kín mít, thấp hương, có người nhạy cảm hơn thì lấy khăn mặt đắp nước quần quanh mũi như kinh nghiệm phòng chống hơi ngạt thời chống Mỹ. Chẳng ăn thua gì. Cái mùi nhọn sắc như lưỡi khoan bén, xuyên qua mũi, xoáy sâu vào tận cùng não bộ, một ngày không quên, một đời không quên. Chỉ có cụ Nhỏ là thản nhiên. Cụ bảo thế ăn thua gì. Cũng là của con người cả, làm gì mà rậm rĩ nặng trĩu lên. Như ở Cổ Nhuế người ta còn thờ cả cứt. Buổi sáng, chợ phân họp đông đúc. Người bán kẻ mua xắn tay áo lên tận nách, khuấy vào thùng phân, nặn bóp ngửi xem chất lượng, chề phân này chua, phân kia nhão. Phân cũng giả đấy. Có đứa trộn đất sét, có đứa nghiền khoai lang vớt vào, mua bán không cần thận là lỗ vốn. Lại chia phân hạng một, hạng hai. Hạng nhất là phân khu Giao tế, Tôn Đản, bốn quận nội thành nói chung chất lượng tốt. Ngoại thành nhà quê ăn rau dưa nhiều, phân loãng xanh chẳng quý. Quý nhất là phân ngoại. Chẳng phải hàng imported gì nhưng là nguồn tuần từ sứ quán Tây ra. Phân ấy đất gấp đôi thường, nghe bảo bón cây nào cũng lên to vật vã như đối giống... Xóm mình đây còn đỡ, chứ nhìn sang khu tập thể đối diện mà xem. Hơn hai trăm con người, tám nhà vệ sinh. Buổi sáng hàng người xếp hàng trước nhà xí như con rồng tám đầu, đầu vào nhăn nhó, đầu ra thành thoi. Từ ông giáo sư đến chị quét rác vào đây nhất loạt là bình đẳng. Cánh cửa nhà vệ sinh chẳng hiểu sao lại chỉ cao đến ngang ngực. Người ngoài cứ việc nhìn vào mặt người trong là biết nông nổi

đoạn trường. Sau có đứa sáng kiến đem mẹt đến đây bán, vừa để che mặt, vừa phẩy phẩy chống hơi nóng, mùi hôi, nhất cử tam tứ tiện. Cái thằng bán mẹt ấy kiếm bạc nghìn ngon ơ. Từ đấy, mỗi người đi vệ sinh lại trang bị thêm cái mẹt tre, như tám mọt của hiệp sĩ thời trung cổ. Tưởng tượng hai trăm cái mẹt cùng vẩy lên một lúc là con rồng trước cửa nhà vệ sinh xoè vẩy, giương vẩy bay vút lên chín tầng trời. Sau này đi đây đi đó nhiều, Phương Thảo đôi lúc thấy bọn Tây đơn điệu quá đâm nhàm. Hớ xí nhất loạt giặt nước, giấy vệ sinh biển báo thế nào cũng na ná như nhau. Chúng nó còn lâu mới sáng tạo được như mình. Con bé hàng xóm tâm sự đi vệ sinh em thích nhất là giấy báo. Vừa đọc giải trí quên thối, khi dùng vò ra lại mềm, lại dai, lại thấm nước. Nhưng mà báo thì chả phải lúc nào cũng có. Nhìn vào mớ giấy thải trong nhà vệ sinh mới thấy hết độ phong phú. Giấy kẻ ô li xé từ vở học trò. Giấy báo Nhân Dân, An Ninh, Văn Nghệ, Pháp Luật, Lao Động. Giấy sách khoa học, văn chương, từ điển... Miếng được vuốt sắc cạnh rồi mới xé. Miếng xé vợi lam nham. Có những miếng giống nhau đều tăm tắp. Lại có miếng to miếng nhỏ lượm lượm. Bao nhiêu mẫu giấy là bấy nhiêu học vấn, thói quen, tính cách. Tháng một lần, mẹ bịt khẩu trang, lấy chổi cán dài gom mớ giấy lưu cữu thành đống rồi hoả thiêu, khói bay ngút trời.

Ở đây không gian thơm ngát. Nhà vệ sinh nức hương biển Thái Bình Dương, xà phòng trăm hương, nước tắm hoa cam, nước gội đầu tổng hợp mùi hoa mùa xuân. Phòng khách thoảng hương rừng nhiệt đới, nước cọ sàn mùi táo, nước rửa bát hương chanh Địa Trung Hải, nước rửa tay mùi hoa hồng... Đôi khi cuộn mình trong chăn nệm thơm tho, Phương Thảo nhớ cái mùi xóm nhỏ. Chẳng biết nên vui hay buồn. Cửa sổ buông ngủ bây giờ trông ra cây dẻ lớn. Tháng năm, hoa bùng lên như lửa trắng trên cây. Mỗi lần gió nổi, cả núi hoa lung lay, xao động. Hoa dẻ hữu sắc vô hương, không giống như hoa sữa ở nhà. Cây sữa mọc ở đầu mảnh sân chung, khi heo may về nhú lên những chùm hoa xanh nhạt, bông nhỏ như đinh hương. Duy nhất chỉ vào dịp ấy, hương hoa sữa lấn át tất cả các mùi hỗn tạp trong xóm. Căn phòng của bố mẹ bỗng bình yên trong biển hương sữa. Những lớp sóng hương ngạt ngào mẹ man xò đầy Phương Thảo hai mươi tuổi vào miền cổ tích. Ở đó chàng hoàng tử giương cánh bướm đỏ thăm chờ nàng Lọ Lem từ lâu lắm. Mẹ không biết con gái đã nhận lời đính ước với hoàng tử, có hương hoa sữa làm chứng. Mẹ bắt đầu lo vì Phương Thảo không bao giờ về muộn, lúc nào cũng đúng mười giờ tối. Đi một mình, về một mình, như bài học đạo đức của mẹ. Đi qua cầu thang nơi ông hàng xóm đặt cái tivi để nuôi gà. Tivi Panasonic hỏng, moi hết ruột vớt đi, vỏ ngoài chần lưới mắt cáo, thành cái chuông gà hiện đại. Trên nóc tivi là chuông vẹt Hồng Kông. Vẹt ỉa xuống đầu gà. Cám gà vãi tung ra đất. Con chó tha thẩn ngửi hít rồi bỏ ra thùng nước gạo sục mồm tìm xương. Phương Thảo đi qua mảnh sân chung nước đá cụ Nhỏ trộn nước đá thành Bi. Qua dây phơi trĩu trĩu quần lót áo lót. Qua góc bếp sục mùi than tổ ong, mùi dầu hoả. Qua khóm trúc Phật bà, hồng tí muội, trinh nữ hoàng cung của mẹ... Đi qua tất cả mà chẳng chạm vào vì Phương Thảo đang bận tâm sự với hoàng tử. Chàng nàng liên hệ với nhau hai ba tiếng rưỡi trên hai bốn, trừ nửa tiếng Phương Thảo xếp hàng đi vệ sinh. Lúc đó hoàng tử chẳng nên đến gần. Lúc đó mới thật là toàn tâm toàn ý như Thiên. Thời gian còn lại, Phương Thảo nói, hoàng tử lắng nghe và chàng hiểu hết. Bao nhiêu năm, hoàng

tử ở bên Phương Thảo như cuộn giấy thấm tuyết hảo, hút mãi những nỗi niềm không cạn. Bây giờ khi nhớ lại, Phương Thảo nghĩ có thể đó là hội chứng hoa sữa, giống người say nấm độc tự huyền hoặc mình bởi những ảo ảnh. Một sáng bình tĩnh sau cơn mê hoa sữa, Phương Thảo chợt thấy mình đang là vợ goá của hoàng tử. Tài sản thừa kế là một núi tiền sự không biết trút vào đâu, còn lại thì trống rỗng. Ngoài vườn, hoa dẻ đã tàn gần hết. Những cánh dẻ như ngàn vạn con bướm trắng phiêu tán theo gió. Bay mãi rồi cũng rơi về đất.

Thế thì sao không thử bắt đầu từ đất ? Nhờ anh hàng xóm lực lưỡng cuộc giúp mảnh vườn, trồng mấy cây hoa dẻ dễ sống. Anh hàng xóm lần nào Phương Thảo mở cửa ra cũng gặp, nhiệt tình hơn cả ông giáo sư cùng phố ngày xưa cho mượn sách. Hay ừ quách cậu đồng nghiệp đầu vuốt gôm như lông nhím, chân tay không vạm vỡ bằng nhưng có thể cùng đi dạo biển, buổi tối đàn ghita phùng phùng mắt đắm đuối môi ướt ? Hay thả mình bình yên như cọng cỏ mềm nép vào lồng ngực chấn gió của người bạn thân rất thân ? Hay gặp lại cô nhân chín năm trước đó theo Phương Thảo về tận gốc cây sữa đầu nhà, người chẳng ngại bay chín nghìn cây số tìm lại cọng cỏ ngày xưa ?... Hay là gửi cả tá bình xịt khử mùi, nước hoa, nước tắm thơm về cho mẹ. Dùng hàng ngoại đánh át mùi nước đáị cụ Nhỏ, thành Bi, xua đuổi hương hoa sữa. Khi đó Phương Thảo có thể về hát karaoke vô tư với thành Cà Chô. Cà Chô không phát âm được chữ cà chua nhưng lại thích hát. Chiều chiều, bố mẹ nó hãnh diện bật giàn karaoke cực xịn để thành con ba tuổi gào vào máy : “ Cháu tìm tù lù, anh êu em đến tàn lù ”. Cà Chô không đọc được lời bài hát ở dưới : “ Trái tim ngục tù, anh yêu em đến ngàn thu ”. Chẳng sao, tìm tù lù chắc dễ chịu hơn. Có điều Phương Thảo lại biết đọc, và hiểu rằng chịu ngục tù như thế là sến lảm lảm, nhưng thoát ra bằng cách nào đây ? Thư mẹ viết thiết tha, con ơi về đây sướng khổ có nhau. Bây giờ ở nhà khác lắm. Mẹ đã lắp xí bệt (1) giặt nước kiểu Tây, trước cửa trồng thêm giàn thiên lý. Hương nó thơm ngọt ngào chứ không gắt như hoa sữa. Về đi mẹ nấu canh thiên lý giò sống cho mà ăn.

Thì về. Cái xóm nhỏ xem ra cũng nhiều thay đổi. Cụ Vòng đã quy tiên, bia mộ dề tên Nguyễn Thị Kiều Nga. Cụ Nhỏ nhờ nước tiểu trị liệu nên còn minh mẫn, chỉ tội yếu. Phương Thảo biểu cụ tiên ăn trâu, cụ bảo thôi thôi nhưng bàn tay khô không móng như vuốt chim giữ chặt tiền không rời. Thành hàng xóm ngày xưa giờ một vợ hai con, mặc com lê, lái taxi, chỉ học phát phơ có một tuần đã lấy bằng tay lái lùa, đi taxi của nó lúc nào cũng có thể là đi suốt lên thiên đường. Phương Thảo đi giấy dính, mặc áo hở rốn, tay xách camera tìm về những con đường ngày xưa. Con đường xao xác hoa kim phượng, cánh vàng rải lãn tãn trên gạch đỏ màu son. Con đường rợp bóng sấu già, sau cơn mưa, lá sấu giập thơm mát như úp mặt vào trái dưa hấu mới bổ. Con đường ngày xưa phượng nở cháy trời, bây giờ không phải mùa hoa, chỉ có những trái già nâu sẫm đung đưa trong gió... Các chị bán hàng lưu niệm cho Tây “ hênô ” (2) Phương Thảo, tụi trẻ tổ bán báo Xa Mẹ mấy lần mời mua postcard cảnh hồ Gươm lung linh câu Thê Húc. Phương Thảo nghĩ mình phải đi may gáp áo bà ba lùa tơ tầm cho thiên hạ đỡ mất công xô tiếng Tây. Cô thợ may vừa đo vòng ngực, vừa hỏi : “ Chắc chị không phải người ở đây, hay là đi xa lâu lắm mới về ? ”.

Lỗi tại hoa sữa. Mà cũng tại ông khách đã buột miệng “ ...sao đẹp thế ! ”. Nếu chẳng bao giờ nghe ông nói, có lẽ Phương Thảo cứ là cái Choắt. Sẽ vô nhiễm với hoa sữa. Sẽ đóng đô trong xóm nhỏ, yên tâm phấn khởi cùng đám các bà nội trợ chuyển từ bếp than sang bếp dầu, bếp điện và thoả mãn khi mua được bếp ga. Sẽ tự tin giống con bé bán trứng vịt lộn nhà đối diện. Nó hân hoan khoe với Phương Thảo chiếc váy Siđa (3) mới mua, ngắn đến ngang đùi. Mặc váy này vào, ngồi sau xe honda của chồng, con bé bán trứng sẽ cỡi lốt thành mệnh phụ, à quên, thành đằm, đằm bây giờ mới mốt chứ mệnh phụ lỗi thời rồi. Chồng nó đạp xích lô lọng vàng, đậu ở cửa khách sạn ba sao kia kia, nó sợ chồng nhìn đằm quen mắt về chê vợ nhà quê nên sắm váy mini bảo vệ hạnh phúc gia đình. Mới tâm sự hôm trước, hôm sau, Phương Thảo đi ăn sáng, ngạc nhiên thấy hàng trứng vịt lộn đóng im ỉm. Con bé bán trứng đội nón sùm sụp đi ngang cửa, vẫy tay chào : “ Thành khốn lạn ló bảo em mặc váy ngắn như con phò. Ló đánh em tím cả mặt. Em dọn về nhà mẹ đây. Bái bai chị.” Tiếc cho thành chồng không thức thời !

Phương Thảo tự biết cái mác đi Tây về của mình không đủ làm con bé bán trứng thần phục. Tây gì mà chỉ thấy lóc cóc đi bộ hoặc xe ôm, chả bao giờ gọi taxi hay bước lên xích lô lọng vàng của chồng nó. Thần tượng của con bé bán trứng là bố mẹ thành Cà Chô, chủ số đề kiêm buôn lậu bao cao su và ảnh cỡi trường của Trung Quốc tuần qua biên giới. Mẹ Cà Chô sắm toàn hàng xịn trong shop thời trang, đeo vàng đỏ chói. Sáng sáng, cô ấy mặc áo lụa mỏng dính, xịt nước hoa thơm ngửi ở bàn chờ Ôsin* mua phở bung về ăn điểm tâm. Buổi chiều hai vợ chồng quần áo thể thao trắng muốt, lái xe ô tô nhà đi đánh tennis, tối thì đi nhảy đầm. Con bé Ôsin nhà ấy chỉ mặc quần áo thả ra của bà chủ mà thành niềm mơ ước của tất cả đám Ôsin choai choai khác. Ôsin mặc quần bò thụng, hai ống xoè ra như cái nôm úp cá, đánh mông đi lại cực kỳ mãn nguyện.

Mẹ Cà Chô vừa ngắm nghía chiếc nhẫn hồng ngọc mới mua, vừa ái ngại nghe Phương Thảo kể chuyện ở bên Tây làm gì có Ôsin, cái gì cũng tự làm. Cơm nước giặt giũ đã đành, đi làm xe đạp công cọc đã đành mà đến việc nặng như sửa xe, cửa, bào, khoan, đục, sơn quét nhà cửa... đàn bà cũng phải cố học mà làm lấy. “ Tây hoá ra khổ thế em nhĩ ”, mẹ Cà Chô kết luận, lại đăm chiêu bực bạch : “ Nhưng mà thời nào ở đâu cũng có cái khổ của nó thôi. Có Ôsin thì nhàn thân, nhưng cũng đau cả đầu...”. Một tối bố mẹ Cà Chô đi nhảy đầm về sớm, thấy nhà khoá cửa. Cà Chô bị nhốt trong nhà từ chiều, gói bím bím được hời lộ ăn hết từ lâu, đang khóc sứt sứt vì đói quá. Gần mười hai giờ đêm mới thấy Ôsin trang điểm lộng lẫy, mặc váy đầm của bà chủ đi chơi về. Hôm sau, mẹ Cà Chô đích thân áp tải Ôsin ra bến xe gửi trả về quê. Bẵng đi vài tháng, bố Cà Chô đi hát karaoke ôm thì gặp lại Ôsin cũ, giờ là giọng ca vàng của quán, không còn tên là Na như hồi trước mà đổi thành Lan, “ Nệ Nan ”. Mẹ Cà Chô nhăn nhe khắp nơi tìm người giúp việc, bây giờ chỉ muốn thuê bà già. Ôsin mới ngót nghét năm chục, mặt mũi ngờ nghệch thật thà, mỗi tội chả biết dạ thưa cho phải phép mà cứ hồn nhiên gọi mợ chủ là mày, xưng tao, ý chừng cho mình lớn tuổi hơn. Ôsin này quanh năm hái chè trên đồi Vĩnh Phú, thành ra cũng không biết gọi theo kiểu người đồng bằng. Khi cần gọi ai, Ôsin chỉ hú, nội lực hùng hậu từng được thử thách trên những đồi chè mệnh mông,

tiếng hú lan xa cả dãy phố, ai nghe cũng rờn rợn xương sống. Ông Vinh Phú lại không biết lau nhà, mấy chục năm ở nhà nền đất nện, giờ đi trên sàn đá hoa cương trơn bóng cứ trượt chân như làm xiếc. Nấu ăn thì kinh quá, cái gì cũng chỉ luộc và cho muối. Cả nhà Cà Chô nuốt không được, đành tự túc ăn đặc sản tháng, Ông lĩnh tiền ăn cơm bụi. Ngày ngày, Ông ngồi phệt ở thêm nhà, bắt chuyện với người qua lại, thì thào kể đêm qua ông bà chủ cãi nhau, duyên do rằng thì là ông chủ mua cái vợt chơi gì mờ đất thế, những mấy triệu, nhà tôi ăn cả năm không hết chỗ tiền ấy, lại kể hái chè ở Vinh Phú ngày được hai nghìn tiền công, nắng xuyên qua lớp vải dây xem lưng, ở đây cả ngày chả biết làm gì, chân tay bải hoải, ăn miếng cơm trắng mà cứ nhạt thếch, buồn nhớ nhà quá thể... Được hai tuần ăn cơm Hà Nội, Ông Vinh Phú đổi mới tư duy, từ bỏ cái quần vải đen mang từ dưới què lên bị các bà bán rau chê là “âm lịch”. Ông mặc quần hoa xin được, đứng vịn vào giàn karaoke, chụp ảnh màu gửi về động viên tinh thần bố con nó dưới què. Ông chồng Vinh Phú nhận ảnh, nhún vợ về lập tức. Biết ngay là ra đất ăn chơi con người nó hư hỏng, năm chục tuổi đầu mà mặc quần hoa như thế là để đi đánh đĩ. Ông sợ chồng, ngậm ngùi từ chức, về lại bản quán hái chè.

Phương Thảo tình cờ thấy ông giáo sư hàng xóm cũ. Ông đạp xe như nép vào lề đường, xe máy, ô tô rầm rầm qua lại, nhấn còi âm ỉ. Một gã choai choai phóng Dream lảng tay lái xẹt qua ông, ghé sát mặt quát : “ Bố già đi sai đường rồi. Đường về Văn Điển ** đi hướng kia kia.” Ông giáo gậm lên tiếng gì không rõ, hăm hăm kéo xe lên vỉa hè. Giờ tan trường, những tà áo dài trắng thướt tha tủa ra, đẹp hơn Phương Thảo của mười mấy năm về trước, nhưng ông giáo không nhìn nữa. Cánh tay ông, từng như gọng kìm ám ảnh Phương Thảo, giờ không còn đủ sức trừng trị gã trai mất dạy, run lên giận dữ, bất lực. Gã choai choai đó biến mất trong dòng người xe, quảng lại cho ông luồng khói xăng khét lẹt và chuỗi cười khà ố. Không ai dừng lại, không một cái liếc mắt về phía ông già lạc lõng đứng ở vệ đường.

Điện tín từ bên kia bờ đại dương nhấn về. Người bạn thân hôm qua uống cả vỉ thuốc ngủ. Đêm ấy chia tay, anh bảo tóc Phương Thảo sao lại có mùi hương hoa sữa. Lần này về Hà Nội đúng vào mùa cúc, nhớ ngắm luôn cả cho anh. Anh nói như thể hai đứa đã không hẹn nhau một ngày cùng lang thang trên các phố hàng. Hàng Lược, Hàng Bô, Hàng Quạt, Hàng Gai, Hàng Đường, Hàng Bạc... Những gánh cúc vàng rung rung trôi nổi khắp các con phố cổ. Cô bán hoa vừa bán hàng, vừa hốt hoảng trông chừng công an đến phạt. Thành phố mới ra quyết định cấm bán hàng rong, cho nên những xe hoa trái cứ cuống cuống rong ruổi. Năm bông cúc này cho em, năm bông này cho anh, hãy tỉnh lại mình cùng ngắm. Anh vẫn thích hoa này, bông cúc quý, tàn héo rồi mà cánh chẳng rụng rơi. Những cánh nhỏ bám chắc lấy đài. Như anh muốn giữ em, như em giữ mùi hương sữa. Ràng buộc nhau thế để làm gì ? Tỉnh mà xem em cấm cúc trong bình gốm sẫm màu. Cánh vàng óng giữ nắng chiều ở lại. Rồi cũng sẽ tàn phai, cả hoa lẫn nắng. Anh vội làm gì ?

Vội làm gì đêm nay trăng lên. Những đám mây chẳng ra hình thù gì nối nhau lướt trên vòm hoa sữa ngậm hương, trôi mãi trôi về đâu. Thành Cà Chô đang hát bài “ Trái tim tù lù ” ưa thích. Trăng vàng vạc soi lên vũng nước đá cù Nhỏ loang

trên sân. Trăng trong nước đá cũng sáng như trăng trên trời... Ngày mai, Phương Thảo lại ra đi...

Amsterdam, rằm tháng tư Nhâm Ngọ

PHẠM HẢI ANH

(1) *Xi bet* : câu tiêu “ ngôi ghé ” (*siège*), thay thế *xi xóm* (*à la turque*).

(2) *Hello* (nói ngọng).

(3) *Quần áo Sida* : mua ở chợ quần áo cũ.

* Ông : sau một phim truyền hình nhiều tập của Nhật Bản kể về cuộc đời nhân vật chính Ông, là đây tờ phán đấu vươn lên thành bà chủ, từ “ Ông ” thành tiếng lóng gọi người giúp việc trong nhà.

** Văn Điển : tên một nghĩa địa lớn ở ngoại thành Hà Nội.

chuyện như đùa

ĐƠN DƯƠNG BỊ ĐÒN HỘI ĐỒNG

Đơn Dương là một diễn viên xuất sắc của điện ảnh Việt Nam trong thập niên đã qua với những vai chính trong các phim *Canh bạc* (Luu Trọng Ninh), *Dấu ấn của quý* và *Chung cư* (Việt Linh), *Ba mùa* (Tony Bùi). Phim cuối (đạo diễn là cháu gọi Đơn Dương bằng cậu) được giải của Sundance Festival, Đơn Dương bắt đầu được giới điện ảnh Mỹ biết đến. Từ đó anh được chọn đóng một vai phụ, “ đại tá Việt cộng ”, bên cạnh Mel Gibson, trong phim *We were Soldiers* (*Chúng tôi đã từng là lính*), rồi vai một người thông ngôn ở trại di tản Pendleton trong cuốn phim *Green Dragon* (*Rồng xanh*) của Tim Bùi (anh ruột của Tony Bùi).

Cả hai phim mới đều không được giới phê bình điện ảnh đánh giá cao và ít được khán giả đi xem. Câu chuyện lẽ ra chấm dứt ở đây là vừa đúng. Vậy mà, từ “ Hội điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh ” đã dấy lên một cuộc đấu tố âm ỉ. Đơn Dương bị tố cáo : (1) đã đóng vai một đại tá cộng sản “ khát máu ”, (2) vì “ nhận thức kém ” đã đóng một vai chống cộng trong một phim “ xấu ”, (3) xuất ngoại với visa du lịch, đóng phim cho nước ngoài mà không xin phép. Các “ nhà điện ảnh ” (điện = điện nặng) ấy đã đề nghị : (a) cấm Đơn Dương xuất cảnh và đóng phim trong 5 năm, (b) khai trừ khỏi HĐA Thành phố và HĐA Việt Nam.

Trong khi các “ giới thẩm quyền ” còn đang xem xét những đề nghị bất hủ ấy, thì cơn lên đồng lên gân tập thể đã lan ra Hà Nội : Cục điện ảnh (Bộ văn hoá thông tin) đã quyết định không gửi cuốn phim mới hoàn thành của đạo diễn Việt Linh, *Mê Thảo thời vang bóng* (dựa theo kiệt tác *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuân), tham gia Liên hoan điện ảnh Châu Á Thái Bình Dương. Lí do : Đơn Dương đóng trong phim này, mà Đơn Dương thì không “ đủ tư cách để đại diện cho điện ảnh Việt Nam ”.

Trong thời kì “ không mao-ít cũng mao... nhiều ” ở Việt Nam, câu chuyện như trên được coi là “ chuyện thường ngày ở huyện ”. Từ ngày đổi mới, vẫn còn khá nhiều nhà vô địch môn điện kinh “ ném đá giấu tay ” dùng chiêu bài chính trị để giành ăn hay thoả mãn lòng đố kỵ, song mọi sự thường ngừng ở những bài báo, những đơn tố cáo (có, hoặc không có, địa chỉ). Phải chăng, với “ vụ ” Đơn Dương, điện ảnh Việt Nam chuẩn bị cải biên cuốn phim *Bao giờ cho đến tháng mười* của Đặng Nhật Minh thành *Bao giờ cho đến... ngày xưa* ?

K. V.

Trịnh Công Sơn - Tại sao ?

Lê Minh Hà

...Đêm ấy, 30 tháng 4 năm 75, Hà Nội vẫn mất điện. Trong bóng tối hầm hập, tiếng loa truyền thanh không dễ định vị như lúc ban ngày, vang xa hơn, chói lói hơn. Hai chị em Ngân kéo kẹt đèo nhau về nhà trên cái xe đạp cũ. Từ bệnh viện K nơi mẹ và những bệnh nhân ung thư nằm – những người mà người thân đang cố giấu họ một cách vô ích chẩn đoán vô vọng của bác sĩ, nơi chỉ có những mắt nhìn mỏi mệt của người sống và hoang vu của người đang chết trở ra phố, Ngân có cảm giác thế giới này không có thật. Người như nước tuôn về phía Bồ Hồ. Như cả thành phố dồn về đây, để đứng bên nhau, để cùng lắng nghe. Đoạn Hai Bà Trưng – Hàng Bài tắc cứng. Không rõ mặt ai trong tối. Chỉ những hơi thở nóng, nặng nề. Chỉ những tiếng lầm bầm xin lỗi của những người bị mắc xe đạp vào nhau hay sơ ý giẫm phải chân nhau. Bay náo nức trên tất cả, trên đám người không rõ mặt, trên vòm lá bắt đầu lỏng lẻo gió là những âm giai nao nức. *‘Việt Nam trên đường chúng ta đi – Nghe gió thổi đồng xanh quê ta đó – Nghe sóng biển âm vang xa tận tới chân trời – Nghe ấm lòng những khi đang dấn bước mà vui sao ta chẳng nói nên lời... Chẳng đường xa ta đi giữa mùa xuân – Ta đi giữa tình thương... chiến trường xa dấn dậm bước... Việt Nam... Việt Nam...’* ‘Yên hàn thật rồi.’ Ai nói lầm thầm như mơ. Đột ngột vang lừng một giai điệu chưa bao giờ nghe... *‘Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng – Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng...’* Lại Việt Nam. Lại Hồ Chí Minh. Có cái gì cảm động lắm, vừa cảm động vừa nghẹn ngào vừa kỳ quặc nở dần ra trong bóng tối của ngày đại thắng.

Khi đó Ngân chưa biết Trịnh Công Sơn. Chị cũng chưa biết tự hỏi mình nếu vào lúc đó hoặc trước đó người Hà Nội đã biết chẳng hạn *‘Một buổi sáng mùa xuân’* của Trịnh thì ấn tượng về ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh đàng đẵng ấy đối với mỗi người sẽ như thế nào ?

Đại hội Đảng lần thứ tư sẽ diễn ra sau đó một năm. Trước đó là cuộc diễu binh lớn chưa từng thấy. Nhà Ngân chật cứng bà con ra tỉnh xem duyệt binh. Mẹ vẫn nằm bệnh viện, đang heo hắt những hơi thở cuối. Ai ra Hà Nội cũng vào thăm mẹ và mẹ vẫn cố hết sức để mỉm cười, để diễn tả niềm vui có thật trong lòng khi biết mình sẽ chết. Rằng con mình đã sống và sẽ sống. Vì đã là hoà bình. Nhưng, trong hoà bình đã bắt đầu một cái gì đó còn khó khăn hơn cả thời bom đạn. Sau này, ký ức về những ngày đó trong trí Ngân cứ tự xoá từng vệt. Chỉ còn duy nhất một ấn tượng : hè năm đó ve sao mà nhiều thế, và mậu dịch bán nhiều chanh thế. Ve ran ran đêm ngày như một lời

tiên cảm về những mùa khô khát chưa tới. Chanh đổ từng đống bên hè phố, thơm mát đường trưa tháng sáu, rồi úa đi, nẫu đi, bốc mùi. Tại sao Ngân lại nhớ điều nhỏ nhặt ấy ? Tại sao Ngân không mấy khi nghĩ tới những buổi trưa hai chị em lúi thủ đi xuyên thành phố mang cơm cho bố đang trông mẹ trong bệnh viện ? Tại sao Ngân không nhớ những tiết học đột nhiên ngừng hẳn lời thầy giảng, trái tim đập nặng như muốn ngừng vì ý nghĩ có thể trên cái giường sắt đó ở viện mẹ đã tắt thở ? Đấy có phải là phản ứng tự vệ để lẻo đẻo cho hết cái phần đời chưa kịp sống ?

Lúc đó, trong đầu óc cô gái mười ba tuổi không còn chỗ cho Trịnh Công Sơn. Mà có lẽ, với những người khác thì cũng thế. Đại hội Đảng IV thành công rực rỡ. Báo đăng. Đài nói. Công viên Thống Nhất thành rừng ánh sáng. Nghị quyết về các chỉ tiêu kinh tế đất nước phải đạt tới trong kế hoạch năm năm tiếp đó... Những con số... *‘Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng...’* Hai mốt triệu tấn lương thực thành mục tiêu trên giấy cho bà con nông dân hướng tới... *‘Hợp lý.’ ‘Nhảy vọt.’* Đài nói. Báo đăng. Có thể đoán chắc chuyện nghề vực không có trong lòng người dân bình thường. Cái chính là đang sống, còn sống. Vả chăng đánh Mỹ còn được thì làm gì chả được. Đã ở nước nào đại sứ Mỹ phải cuốn cờ cấp nách cút đầu. Không ai thấy chuyện giang sơn thu về một mối mà vào tìm thân nhân trong miền đất vừa giải phóng vẫn cần có đủ thứ giấy chứng nhận nhân thân của cơ quan phường phố là điều bất thường. Nếu có nghề ngành thì chỉ là nghề ngành về một miền Nam phồn vinh lắm đồ nhựa xanh xanh đỏ đỏ, lắm máy móc gia dụng cũ, lắm vải mỏng đẹp tuyệt mà vừa giặt vài ba nước đã rách và vào chợ Bến Thành không biết cách mặc cả thì chớ có mua bán gì. Nếu có nghề vực thì chỉ là sự nghề vực kín đáo trước những người đàn bà miền Nam ra thăm chồng đi tù, áo bà ba vải mỏng tang mà nét cắt trông cứng cứng, quần ống rộng đen nhấp nhoáng, dép lưới, đội mũ vải thay vì nón lá, miệng lúc nào cũng hờm sẵn một nụ cười giữ ý chẳng ăn nhập gì với cái nhìn căng thẳng, buồn bã. Họ luẩn quẩn trong căn phòng chật của người bà con Hà Nội, lo xếp xếp sắp sắp những gói những lọ những hộp bốc mùi thơm lừng. Toàn những mùi xa xỉ tra tấn mũi và lưỡi và dạ dày của đám con chủ nhà cùng chúng bạn. Ngoài phố, tiếng loa truyền thanh vẫn vang vang dội ngược vào nhau. Náo nức. *‘...Chưa có bao giờ đẹp như hôm nay – Non nước mây trời lòng ta mê say...’* *‘...Từ ngày hôm nay chỉ còn những tiếng ca...’* *‘...Từ thành phố này Người đã ra đi – Bao năm ước mong đón Bác trở về...’* Cũng đã chen vào những âm thanh mới của những cuộc chiến mới. Nức lòng. Hùng tráng. *‘...Chẳng kẻ thù nào ngăn được bước ta đi – Khí thế tiến công mang sức mạnh thần kỳ – Lời Tổ quốc vẫn âm vang sóng núi...’* *‘...Chúng con lên đường hình Tổ quốc trong tim...’* Trịnh Công Sơn phản chiến của cuộc chiến đã qua không thể chen chân trong dòng chảy này của đời sống. Còn tình ca ? Tình ca thích hợp với một cuộc chiến nhất định thắng chỉ có thể hát về những nỗi nhớ hai đầu, hai đầu dòng sông, hai đầu núi biếc, hai phương trời cách biệt, là sự chia xa thực chứ không phải là tưởng tượng, và không bao giờ là cô đơn. Vẫn còn nguyên trong trí nhớ Ngân giọng nữ trung nồng ấm và rạo rục của Vũ Dậu : *‘...Rất dài và rất xa là những ngày thương nhớ... Anh đang mùa hành quân pháo lửa dài chiến dịch – Bồi hồi đêm xuất kích chờ nghe tiếng pháo ran – Ngồi sao như*

mắt anh trong những đêm không ngủ – Giáo án em vẫn mở cho ánh sao bay vào – Ngày và đêm xa nhau những đêm dài thương nhớ – Thời gian trong cách trở vẫn cháy ngời tình yêu...’ Vẫn còn nguyên... giọng hát và ánh mắt... gửi trao... hò hẹn... rụt rè... liều lĩnh... Quang... chiều Đại Lải năm nào : ‘...Một tiếng chim ngân – một làn gió biển – một sớm mai xuân bên cửa hẻm đã chiến thấy trời xanh xao xuyên... ta vẫn thăm hái hoa tặng nhau...’ Không một nhấp nháy xao xuyên trước tấm tình ấy, nhưng Ngân nhớ, nhớ tới bây giờ và chắc mãi về sau nữa, về người bạn cùng lớp sẽ hi sinh chỉ sau đó ít ngày, dù Ngân đã chồng con, đã mệt nhọc lắm bỡ ngỡ vì phải sống. Lứa tuổi Ngân khi ấy chưa có tình ca cho riêng mình. Vẫn phải ăn đong tình ca của các thế hệ trước. Tiền chiến là cái gì đó chỉ lồm bồm nghe ‘các cụ’ âm ư rồi thở dài sau những bữa ăn chiều còn hơn là đạm bạc. Còn cái món ỉ ôi suốt suốt ‘Thì ơi Thi Thi có biết biết không Thi khi con tìm yêu đương thăm chết...’ nhà hàng xóm khuân từ miền Nam ra nghe lén qua cái Akai cũ to như hòm lương khô, cái món ấy làm cho xương thịt thiếu ăn cứ muốn rã ra và những trưa hanh hao Hà Nội đậm khó thở.

Khi đó Ngân chưa biết Trịnh Công Sơn. Mà biết, liệu Ngân đã biết để mà mê đắm ?

Cô gái mười sáu tuổi không hề nghĩ rằng chỉ sau đó mấy năm thôi mình sẽ đổi khác hoàn toàn. Càng thiết tha bao nhiêu thì càng có vẻ ơ hờ. Càng nồng nhiệt bao nhiêu thì càng cô độc. Trịnh Công Sơn ? Rồi Ngân sẽ biết nhưng không phải ngay lập tức đã cảm được. *Biển nhớ. Tình nhớ. Cuối cùng cho một tình yêu. Rừng xưa đã khép. ‘...Tình yêu như trái phá con tìm mù lòa... Một mai thức dậy chợt hôn như ngắt ngáy... Chợt buồn trong mắt nai... Tình yêu như vết cháy trên da thịt người... Tình xa như trời... Tình gần như khói mây... Tình yêu như nổi chết con đau thật dài... Tình cho nhau môi ấm một lần là trăm năm...’* Tình nào mà chẳng như tình nào. Có gào thét than van cho lắm cũng có khác gì nhau lắm. Ngân sẽ còn phải nhắm mắt lần đời mình qua những đam mê và khó nhọc của ngày sống thời hậu chiến rồi mới hiểu ra rằng những than van, những gào thét, những day dứt giữa những cơn say dài những cơn say vùi của Trịnh cần phải cảm không phải bằng trái tim đau khổ vì yêu hay vì đã chán yêu mà phải bằng trái tim hoang mang của người biết mình là duy nhất, lớn lao và nhỏ bé, tột cùng. ‘...Từ lúc đưa em về là biết xa ngàn trùng...’ Đấy không còn là nỗi thiết tha tuyệt vọng của kẻ đang yêu. Đấy là nỗi bi thảm của người-xa-lạ, mến thương cuộc đời này, mê đắm cuộc đời này, cô độc tuyệt đối trong cuộc đời này và mỗi mỗi tình sống qua, mỗi người tình quen thêm chỉ là thêm một bước, vào hoang vu.

Ngân hiểu ra điều ấy hơi bị sớm. Nhưng cần một buổi chiều, một cơn gió bời bời khua trong vòm sấu làm chao nghiêng một chiếc lá bên trời, một mùi hương thơm ngát của tách cà phê quán vắng, một con người sẽ bước ra khỏi đời Ngân, điều mà cả Ngân và người ấy khi chia tay đã không hề nghĩ.

*

... Trời trở lạnh đột ngột. Phong phanh trong cái áo mỏng đứng run cầm cập giữa đám người chen chúc trước cửa hàng chất đốt, Ngân buồn nản nghĩ tới cái cổ họng nhạy cảm và

lồng ngực óm yếu của mình. Bài tập lớn chưa làm. Sắp thi điều kiện rồi. Rồi sau đó là kỳ thi tốt nghiệp. Nhưng trước mắt sẽ là những đêm không ngủ không chạy đâu cho thoát vì khó thở, sẽ là những ngày nằm bẹp dí trên giường kẹp giữa hai chồng sách sẽ đọc và đã đọc. Nhưng cũng không thể bỏ về. Đã xếp hàng suốt từ trưa tới giờ. Bìa chất đốt chiều nay hết hạn. Bỏ đi làm. Chị đi thực tập. Không còn trông được vào đâu. Ngân không chờ đợi cái tin ấy vào đúng lúc ấy.

Việt dùng xe sát bên Ngân, nhẹ giọng : ‘*đặt lên đây*’ và đỡ lấy can dầu nặng trĩu trong tay Ngân. Có cái gì thương mến lắm trong mắt Việt. Ngân không biết khuôn mặt trắng xanh, cái áo cũ mỏng Ngân vừa co hai vạt quần chặt tấm thân thanh mảnh, mái tóc dày buông lơi của mình đã siết lấy trái tim Việt trong khoảnh khắc đó của buổi chiều đó. ‘*Vừa lĩnh học bổng. Muộn muộn Việt tới. Đi nhé !*’ Vẫn là thương mến, nhưng thêm một chút gì như gượng nhẹ, như vui thâm trong mắt Việt, khi Ngân gật đầu. Việt không lên nhà, trước khi quay xe, Việt ngần ngừ rồi bảo : ‘*Phan viết thư về kể chuyện có cô bạn nhà ở gần gần đây*’. Mặt Ngân không thể tái hơn được. Ngân mỉm cười. Cả ba là bạn cũ...

‘*Đen hay nâu ? Ngân đừng uống đen. Nâu nhé !*’ Vẫn Việt nói. Việt ngồi quay lưng ra cửa. Ngoài kia gió vẫn bời bời. Lá sấu quay tròn lấp loáng trong sắc trời xám sáng chỉ có vào những ngày cuối thu gió trở như thế này. Ngân cầm cái thìa, gẩy một chút bơ vào tách cà phê chị chủ quán vừa mang tới, chăm chú nhìn giọt bơ loang. Mùi cà phê thơm ngậy ngậy và khác khoái. Việt vẫn nói, vẫn nói. ‘*Vậy đấy. Phan đã có một cô bạn. Khi nói một cô bạn thì đã không còn là bạn. Phan đang xoay làm chuyển tiếp sinh...*’ Ngân lắng nghe, nghĩ, tưởng như mình thờ ơ. ‘*Không một ai biết chúng mình đã viết cho nhau những lá thư như thế nào. Cả Việt nữa. Nhưng lẽ nào Việt không biết chúng mình...*’ Ngân ấy năm Ngân thân tình với bao nhiêu người nhưng không thân thiết riêng một người nào. Không hẹn thề, không gì cả, nhưng những lá thư mang màu sắc một trời xa và những lá thư Ngân gửi đi bằng con tem mua từ đồng học bổng chất bóp dán bằng cơm nguội đã riết Ngân vào trong ảo giác về một cái gì tuyệt đối và vĩnh viễn. Có thể gọi là tình bạn. Cũng có thể là tình yêu. Bởi vì chỉ có hai người, chỉ có khát khao, cảm hiểu. Thánh thiện. Nguyên chất. Tất cả bạn bè đều nghĩ thế. Mà đến hai gia đình cũng nghĩ thế. Việt chắc càng nghĩ thế. Vì Việt thân với Phan đến thế và vẫn là người chuyển thư Phan cho Ngân. ‘*Mấy năm rồi nhỉ ? Chẳng bao lâu nữa tất cả sẽ ra trường...*’ Ngân xoè bàn tay hất mái tóc văng về phía sau lưng, cố gắng rời mắt khỏi một chiếc lá sấu đang vật lộn trong gió tìm cách đậu xuống hè phố : ‘*Việt vừa bảo gì Ngân ? Á, Việt được dự kiến ở lại trường ? Tuyệt !...*’ Việt cắt ngang lời Ngân, thô bạo : ‘*Việt bảo Việt muốn có Ngân. Việt muốn sống cùng Ngân khi bạn mình ra trường. Việt không muốn cứ phải làm hộp thư sống hộp thư chết của Ngân với những ai ai ! Ngân nói đi !*’ Việt chộp lấy bàn tay Ngân : ‘*Nói đi ! Nói đi !*’ Ngân ngẩn người, tỉnh hẳn. Quán vắng. Chỉ có hai người và chị chủ quán đang hí hoáy thay băng mới. Trịnh Công Sơn ! Sao lại Trịnh Công Sơn lúc này ? ‘*...Đời sao im vắng... Người về soi bóng mình giữa tường trắng lặng câm... Có đường phố nào vui cho ta qua một ngày... Có sợi tóc nào trôi trong trí nhớ nhỏ nhoi... Không còn không còn ai... Ta trôi trong cuộc đời... Không chờ*

không chờ ai...' Ngoài trời mưa giăng tự lúc nào. Ngán khẽ khàng rút những ngón tay ra khỏi bàn tay Việt, với tách cà phê nguội uống ực ực. Chua loét. Vô duyên. '*...Có những ai xa đời quay về... về lại nơi cuối trời làm mây trời...*' Việt nhìn vào mắt Ngán, vậy chị chủ quán rồi lặng lẽ ra mở khoá xe. Ngán ngồi nhìn phố chiều đông dần lên, nhìn những dáng người mãi mốt trong mưa lất phất. Phía bên kia ngã tư, người ta đang dựng một tấm panô mới. Bác. Mặt gầy và mắt sáng. Tay chống nạnh. Và phía dưới là hàng chữ to đùng : '*Bác đang cùng chúng cháu hành quân.*' '*Bác đang cần chúng cháu hành quân...*' Ngán lắc đầu, xua đi một nỗi nhớ. Phan. Phan hay gào câu hát láo lếu ấy. Cứ tưởng như Phan thì khó sống. Vậy mà lại chính Phan là người biết cách hoà hợp trước với cuộc đời này. '*...Ngày ra đi với gió – ta nghe tình đời mùa...*' Đầu rồi ôi những non tơ ?

Sau này, Ngán không biết nên ơn hay nên oán Trịnh Công Sơn. Liệu không có Trịnh Công Sơn xót xa và giản dị đến ma quái, liệu không có giọng hát rền rền mê mệt một nỗi ai hoài trống trải của Khánh Ly, không rõ Ngán có chú tâm hơn không khi nghe Việt nói lời yêu dấu ấy. '*...Ngày ra đi với gió... Ta nghe tình đời mùa... Rừng đông rơi chiếc lá... Ta cười với âm u... Trên quê hương còn lại ta đi qua nửa đời không thấy một ngày vui... Đường trần rồi khăn gói... mai đây chào cuộc đời... nghìn trùng cơn gió bay...*' Không bao giờ họ trở lại câu chuyện cũ, dù vẫn đến nhà nhau chơi, vẫn lang thang cùng nhau, vẫn lo lắng cho nhau. Nhưng buổi chiều ấy vĩnh viễn trở thành màn sương mưa phủ lấy một cõi chung riêng tư nhất mà không một ai muốn vén. '*...Nhìn lại nhau con mắt lo âu xin vỗ về muôn yêu dấu... Nhìn lại nhau che những cơn đau...*' Trịnh Công Sơn bất chợt, đã buộc Ngán phải soi ngắm lại cuộc sống quanh mình, phải nhìn thẳng vào từng ngày sống của mình.

Đấy là những ngày kì quặc và buồn thảm. Nhưng hầu như không ai nhận thấy. Có biết một cuộc sống khác hơn đâu để mà ao ước rồi buồn. Chỉ những lo là lo. Toàn chuyện áo cơm phải từng ngày đối mặt. Niềm vui chiến thắng, đúng hơn là niềm vui yên hàn đã nhòe mờ theo thời gian. Niềm tin thì, không ai muốn nói và dám nói, nhưng cứ từng ngày mai một. Làm sao có thể tin vào một sự đổi thay kì diệu, rằng '*thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày xưa*' khi thành phố hình như mỗi ngày một xao xác và nghèo hơn, khi định lượng gạo còm cõi thế mà mậu dịch cũng không thể cung ứng. Làm sao có thể yên tâm khi chiều chiều nghe tiếng reo à à của bọn trẻ con là phải buông tất cả sách vở chạy ra chen lấn đổi bánh mì tem phiếu. Những cái bánh mì khô, rần và chua mậu dịch bán thay gạo ấy Ngán lèn trong thùng gạo rỗng, vài ba hôm lại chờ lúc nhọ mặt người bê đi bán tống bán tháo được đồng nào hay đồng ấy cho mấy bà phe phẩy đầu ngõ. Những giờ học triết, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học và lịch sử Đảng trở thành lạ lẫm. Cái cần nhất là nhập tâm, không đối chiếu so sánh với đời sống hàng ngày làm gì cho mệt. Chân lí của chủ nghĩa là một cái gì đó không thể và không nên tìm cách chứng minh, bởi vì nó nằm ở thì tương lai, của những thế hệ sau nữa. Không lẽ thế hệ trẻ của dân tộc này lúc nào cũng phải thực hiện kì vọng vào tương lai của thế hệ già ? Nghĩa là không một thế hệ nào được sống cho đúng nghĩa ! Ý nghĩ này Ngán không bao giờ dám chia sẻ với một ai trong đám bạn bè.

Học hành trở thành gánh nặng vô nghĩa, càng vô nghĩa khi biết chắc tốt nghiệp rồi sẽ không mấy đứa thi thố nổi. Sẽ có những đứa chễm chệ trong cơ quan một bộ nào ngay giữa Hà Nội nhờ vào thân thế ai đó. Còn những đứa như Ngán, hôm nay no đói thế nào ra phố vẫn tóc ngang vai, guốc cao, quần áo là kĩ lưỡng và vẫn rủ rê nhau cà phê cà pháo khi trong túi có tiền, ngày mai chưa biết bị bắn về phương trời nào của Tổ quốc, để rồi chết dí ở đấy với đồng lương đũa nhả, bao nhiêu điều học được cứ chột dần đi. '*...Nơi em về trời xanh không em...?*' Không ai có thể hỏi một câu như thế vào lúc ấy, ngay cả để trêu chọc nhau. Cho nên câu hát càng hoang mang, ứa một khát khao. Bao nhiêu lần lang thang trên phố, ngang qua mấy hàng thuốc lá có cô bán hàng xinh xắn, bao nhiêu lần Ngán tự hỏi đấy có phải là một nữ sinh viên đã tốt nghiệp chống lệnh công tác hay không ? Đã tự hỏi liệu mình có dám đánh đổi tất cả cho một cuộc sống yên bình nửa vơi và thắm đậm như thế ở thành phố thân thương này ?

Mà vẫn tự biết '*...vai em gầy guộc nhỏ... như cánh vạc về chốn xa xôi...*' Từ buổi chiều gió trở Việt bỏ về trước còn có bao nhiêu lần Ngán như thế một mình. '*...Buổi chiều ngồi ngắm những chuyến mưa qua... Trên bước chân em âm thầm lá đổ...*' '*Những chuyến mưa qua...*' Ôi Trịnh ! Phải, Hà Nội mùa thu nhiều mưa lắm, hết mưa ngâu, hết bão rồi lại những cơn mưa dầm, lũng thũng đến rồi đi. Những cơn mưa buộc người ta ngồi lại, lặng lẽ nơi này, để, đôi khi, chỉ đôi khi thôi mà đau đớn mãi '*...nhìn lại mình đời đã xanh rêu...*', dù còn rất trẻ, chưa sống được bao nhiêu.

Giống như là mộng mị. Vẫn sống đấy, vẫn lo toan đấy, vẫn nói cười đấy, vẫn yêu đương loạn xạ đấy, nhưng không thiết tha với một cái gì, ngoài khao khát về một cái gì tuyệt diệu lắm tồn tại đâu đó, có thật, nhưng mà mong manh, có lẽ còn vô nghĩa và vô ích giữa cuộc đời toàn những bươn chải không đáng như thế này. Không còn là lý tưởng đã hối thúc mấy thế hệ liền suốt mấy chục năm qua, đã một thời non trẻ hết mình tin tưởng. Những trang sách đẹp chỉ làm cho nỗi thiết tha thêm tuyệt vọng. '*...Đôi khi ta lắng nghe ta... nghe sóng âm u dội vào đời...*' Những ngày ấy đã tạo ở Ngán thói quen lang thang phố vắng một mình. Bao chiều. Bao đêm. Sương buông mờ phố nhỏ. Mùi lá đốt quỳen trong sương buông lúc chiều hôm bình thản. Là cái gì chỉ thành phố này ngày ấy mới có. '*...Gió heo may lại về... Chiều tím loang vĩa hè... Rồi mùa thu bay đi... Trong nắng vàng chiều nay...*' Đèn đường bật sáng héo hắt dưới ánh chiều còn rớt lại và nhòe dần đi trong sương cuối thu mỗi lúc một phủ dày hơn. Hoa sữa dậy một vùng hương ấm cơn gió lạnh vừa xộc tới. Đã mấy mùa thu sang như thế. '*...Đêm khuya nhìn đường phố... thành phố hoang vu...*' Không phải một lần Ngán cảm giác được cảm giác của người nhạc sĩ ấy. Cuối phố đằng kia, nơi có hàng cây cao chứa đầy ánh sáng xanh tái của những bóng đèn cao áp mới được lắp, có đôi lần Ngán thấy Việt đạp xe rất chậm, cũng một mình, và Ngán đã rẽ sang lối khác. Đồng điệu ư và ích gì cho nhau ? Nói gì với nhau ? Rằng từ đấy đã yêu nhiều lần lắm rồi chăng ? Rằng dù thế vẫn chưa biết thế nào là mê đắm ? Rằng vẫn không thể cùng nhau ! Hay không dám ! Sợ làm xước những tin yêu. Vì không thể sống khác ! Không thể từ bỏ đam mê, đam mê một cái gì rất đẹp, có thực mà vô ích. Như màu nắng hanh kia. Như tiếng vọng trong lá kia của gió. Như một

con người vĩnh viễn trượt qua đời mình, vĩnh viễn mang đi mất của mình chút hi vọng, chút ảo giác vào một cõi sống bình yên, trong trẻo, lãng đãng. Và bởi thế, mọi mối tình đều dần tàn lụi, tắt ngấm. *'...Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ... Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những con mọt...'* Không ai có lỗi. Chỉ có điều sống thật khó. Từng ngày rời rã, từng ngày hoang mang. *'...Màu nắng hay là màu mắt em... Mùa thu mọt bay cho tay mềm... Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thềm... Bàn tay xanh xao đón ưu phiền... Ngày xưa sao lá thu không vàng... Em qua công viên bước chân âm thầm...'* Là thật đấy, rất thật, mà vẫn như là hoang tưởng giữa những ngày rất nhiều sự kiện, kì quặc và buồn thảm ấy.

'...Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì...' Thầm thì cùng Khánh Ly, bao giờ Ngân cũng kinh ngạc. Người nhạc sĩ ấy đã sống thế nào trước đó, ở một miền đất với Ngân cho đến bây giờ vẫn là một miền đất lạ để viết nên bài ca đó. Như là cho cả thế hệ Ngân sau này, ở một miền khí hậu khác, với một nhịp sống khác. Ngân đã không thể nghĩ về Phan như cũ, nhưng không bao giờ Ngân tiếc nữa. Có lẽ mọi sự sẽ không thể là như thế nếu giữa hai đứa đã có một chút gì, một ước thề, chẳng hạn. Nhưng đã không hề có một điều gì như thế, cũng như không một lần trừu mến nắm tay, cũng như không một lần nói lời gì tựa tựa như thương mến. Sau này, nhiều lần Ngân gặp lại Phan. Và cũng như với Việt, không bao giờ câu chuyện dài xưa được nói lại. Nhưng cái cảm giác hiểu nhau đến tận cùng, đến độ như thể chẳng hề trôi qua khoảng đời vừa bình thản vừa run rẩy tin yêu ấy thì vẫn còn lại đó, mặc dù Ngân rồi sẽ dần quen chấp nhận cái hữu hạn của con người. Sự lặng im đầy cần trọng của Phan, với Ngân, như một lời xin lỗi, xin lỗi khát khao xưa, đã vô tình để cho Ngân hiểu Trịnh Công Sơn, theo một cách nào đó. Người nhạc sĩ ấy đã đến và ở lại trong trí nhớ khát khe của thành phố này, của Ngân, không phải bằng những bài ca phản chiến, không phải bằng tình ca viết cho một người con gái tuổi tên nào. Rất mỏng và rất nhẹ, mà dai dẳng, đầy ám ảnh là những bài ca Trịnh viết dường như cho chính mình, như về chính mình, kể sau này cuối đời sắp về lại nơi cuối trời còn tự dặn *'đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng.'* Câu ấy, ở tuổi xuân thì bọn Ngân không tự biết để mà nói. Cũng chưa có để mà hát. Nhưng đã sống nó một cách vô thức, bởi dù sao thì vẫn không thể chết, vẫn muốn biết *'...ta là ai mà còn nghe dấu lệ... ta là ai mà còn trần gian thế...'* Ta là ai? *'...Ôi áo xưa lồng lộng đã xô dạt trời chiều...'* sao vẫn thiết tha thương nhớ, như vẫn nhớ thương niềm vui hiếm hoi buổi sáng năm học cuối cùng ở ngôi trường ấy, gió đầu hè mát rượi đưa từ phố xa vào lớp học lời ca làm rung lên trong cả lũ con gái con trai mười bảy mười tám tuổi một cái gì mệnh mang không thể đặt tên, tuyệt vời, diệu vợi. *'...Gọi nắng trên vai em gầy đường xa áo bay... Gọi cho nắng chết trên sông em dài... Gọi tên em mãi suốt cơn mê này... Đời xin có nhau... Áo xưa dù nhàu cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau...'* Không có những gian nan của thời hậu chiến, mà trước hết, không có cái hoang mang bất buộc chứ không phải là bất chợt, chứ không phải là vì rừng mờ bối chuyện trầm tư của những ngày sống ấy, khi người ta luôn phải cúi nhìn hố thẳm giữa những điều trông thấy nghe thấy, chưa chắc Trịnh Công Sơn ở lại được với thành phố kiêu bạc này, như đã. Cũng như nếu không phải là Khánh Ly ma mị, rên siết mà không sụt mướt, quạnh quẽ cơ hồ lãnh cảm, cứng cáp

mà tan hoang, như đang lục lọi chính tâm hồn mình, đã chắc gì ngay lập tức... Thành phố này từ ấy có thêm một nỗi yêu thương : Trịnh ; có thêm một nỗi nhớ : Trịnh Công Sơn. Giá không phải là như thế ! Khi những thế hệ sau vẫn cứ luôn phải soi bóng mình, vẫn phải đau đớn vì đời im vắng, vẫn thấy dường như nỗi lòng mình đang được hát ca trong nhạc Trịnh, vẫn tìm tới Trịnh Công Sơn không phải như tìm tới một quý báu còn đọng lại thì điều đấy chỉ có nghĩa là cuộc sống không có đời đổi, như lẽ ra phải thế. Trịnh Công Sơn không nói hộ ai điều gì, không gửi gắm giùm ai điều gì. Trịnh làm thức dậy trong mỗi người cái điều bao lâu rồi bị nén bẹp dí, là ý thức về phía sâu khuất của mình và cuộc đời, để có thể níu vào chính mình mà sống tiếp, khi miên man thâm thì rên siết một nỗi hoang mang, khi day dứt mãi nỗi phù du tuyệt kỳ của kiếp. *'...Ôi cát bụi tuyệt vời...'* Ai biết sỏi đá không đau ?

*

... Mãi mãi về sau này, rất nhiều khi Ngân còn bàng hoàng ngỡ trong lồng ngực mình vẫn đập mãi trái tim mười sáu tuổi. *'Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi... Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một...'* Lời ca réo gọi, nhắc mãi, rút mãi về tuổi thiếu nữ hoang vu ấy. Chị hiểu rằng Trịnh ám ảnh còn hơn một tình chung. Và cay đắng. Sẽ không bao giờ, không có ai đạt tới được nỗi cô đơn ấy của người nghệ sĩ ấy. Trịnh bắt mỗi người phải nhìn cho ra đỉnh cô đơn của chính mình. *'Đâu là đỉnh cô đơn của mình ?'* Lần đầu tiên hiểu ra rằng Trịnh không phải là tri kỷ của ai ngoài Trịnh, và mình, cũng chỉ mình là tri kỷ của mình thôi, Ngân kinh hoàng.

Ngày Trịnh mất, Ngân đã ở rất xa những buổi chiều nắng thủy tinh nơi quê nhà. Đi rồi... Tưởng rằng được quên thương nhớ... Mà không ! *'...Lòng thật bình yên mà sao buồn thế...'* Nghe nói đám tang Trịnh là một đám tang huyền thoại, với cả biển người đưa. Nghe nói, người ta đồng thanh nhạc Trịnh trước nấm mồ chưa lấp. Nghe nói, có cả đoàn tăng ni đã đến nghiêng mình trước linh cữu Trịnh và xin hát gửi theo linh hồn gió nhẹ ấy *'Một cõi đi về'*. Bài hát từ đó được người Sài Gòn coi là *'Chùa ca'*. *'Mình sẽ hát thắm bài gì vào lúc ấy ?'* Chọn lựa này khó biết chừng nào. *'Tại sao mình không thể xúc động như bao người ?'* Ngân tự hỏi, tự hỏi. *'Liệu mình có đi viếng Trịnh nếu như có thể ?'* Nhưng ngay lúc tự hỏi mình như thế, Ngân đã biết rằng mình sẽ lại xử sự một cách không bình thường trong mắt bạn bè, quá ư là bình thản, y như năm nào những Nguyễn Tuấn những Lưu Quang Vũ mất. Họ đã sống một cuộc đời không bình thường, với những đau đớn và vui sướng không thường, với những hi vọng và tuyệt vọng cao vút sâu hút. *'...Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi... Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi một... Đường chạy vòng quanh một vòng tiêu tụy... Một bờ cỏ non một bờ mộng寐...'* Giờ họ không còn phải than van vì đôi vầng nhật nguyệt trên vai cùng những day dứt của cõi sống hư hao này. Giờ họ được bước thẳng vào cõi chết. Nơi đó chắc có màu bình an sương mù. Sao không để cho họ nhẹ nhàng đi vào cõi ấy. Những lập loè rục rịch, những thống thiết trong lễ tưởng niệm bây giờ và vui vẻ (chắc chắn) trong những lễ kỷ niệm năm năm mười năm hai mươi năm họ mất có phải dành cho người đã khuất ? Chắc chi...

Lê Minh Hà

Trích từ *'Gió của thời khuất mặt'*

sinh hoạt nghệ thuật

Đoàn tuồng Đào Tấn trình diễn tại Đức

ĐÔNG LỘ ĐỊCH

ƯNG BÌNH THỨC GIÀ THỊ phóng tác từ vở *Le Cid* của Pierre Corneille, trình diễn tại Muenchen từ 6.10 đến 17.10

Trung tâm Giao lưu Đức - Á tổ chức

xem chi tiết trên mạng internet :

<http://perso.wanadoo.fr/diendan/agenda/agenda.html>

Hôn Trương Ba da hàng thịt tại Anh

Đoàn kịch *Yellow Earth Theatre* đã chuyển thể vở kịch nổi tiếng của Lưu Quang Vũ

THE BUTCHER'S SKIN

đạo diễn David K. S. TSE,

cảnh trí Claire LYTH, ánh sáng Douglas KUHRT

tại LONDON :

15th - 17th Oct, STUDIO THEATRE, North Wharf Road, W2 1LF (điện thoại : 020 7641 8424)

18th & 19th Oct, THE ALBANY, Douglas Way, Deptford, SE8 4AG (điện thoại : 020 8692 4446)

29th Oct - 2nd Nov, WIMBLEDON STUDIO THEATRE, The Broadway, SW19 1QG (điện thoại : 020 8540 0362)

VNHELP PROUDLY PRESENTS

2002 fundraising event

Mùa Thu Cho Em 7

FEATURING SINGING SUPERSTARS

Mỹ Linh and Trần Thu Hà

Saturday, October 12, 2002, at 2:30 PM and 8:00 PM,
Santa Clara Convention Theater

5001 Great America Parkway
Santa Clara, California

Ticket Information:

Tickets are available for sale now.

Ticket price: \$45, \$55, \$65 and \$100-VIP

Tickets can be purchased at the following locations:

*** on-line at <http://www.vnhelp.org/mtce7>

*** VNHELP office: (408) 206-9969 ; (408) 885-1791

Email: info@vnhelp.org

Đào Droste triển lãm

1) **Nürtingen**, 13.10. - 13.11.2002, Galerie Die Treppe.

2) **Nancy**, 22.10. (Vernissage: 17 h) - 22.11.2002, *Terra cantans - une nouvelle Installation au Sol de Dao Droste*, Parc de l'Institut Goethe Nancy, (Tél. 03 83 35 44 36).


ATELIER & GALERIE DAO, Wasserturmstr. 56 (Tél. 49 6221 765138) <http://www.daodroste.de>

Bạn đọc và Diễn Đàn

Vô cùng...

Hè vừa qua tôi về nước, có qua Hà Nội, nhưng ngày lễ tang ông Trần Độ thì tôi đã ở trong nam. Trở lại Pháp, nhận được báo *Diễn Đàn* số 121, đọc tin và bài về ông, tôi rất cảm động. Các thông tin của báo chung quanh đám tang cũng phù hợp với những điều tôi nghe bạn bè trong nước kể lại, trừ một điểm. Theo một người bạn thì ngay vòng hoa của đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng bị xoá hai chữ “ vô cùng ”. Người ta muốn một người như Trần Độ thì chỉ được “ thương tiếc ” thôi, chớ không được “ vô cùng thương tiếc ”. *Diễn Đàn* có phối kiểm thông tin kĩ càng không ?

N. T. M. (Paris, Pháp)

 Nguồn tin của chị cũng có cơ sở vì chính nhà văn Hoàng Tiến, trong bài tường thuật đám tang trung tướng Trần Độ (mà chúng tôi nhận được sau khi lên khuôn), cũng viết như vậy. Thông tin của chúng tôi căn cứ vào hai nguồn tin độc lập, trong đó có một cựu quân nhân có quan hệ thân thiết với người quá cố và tang gia, cả hai đã dự lễ truy điệu và lễ hoá táng từ đầu đến cuối (phỏng vấn qua điện thoại). Rất tiếc chúng tôi chưa có hình ảnh để kiểm chứng. Song, trên điểm cụ thể này, bất luận hai chữ “ vô cùng ” có bị gỡ đi hay không, dư luận đã thấy rõ tâm địa của những người đã ra lệnh ấy. Tâm địa ấy, bản lĩnh ấy, dùng tính từ gì để mô tả nó, cùng cần để thêm vào trước đó hai chữ “ vô cùng... ”.

Vũ khúc con cò

Xin báo tin mừng với các bạn : phim *Vũ khúc con cò* vừa được giải quốc tế tại Milano Film Festival (13-22.09). Không phải là người chuyên môn trong ngành nên chỉ xin ghi lại vài cảm tưởng của người xem bình thường.

Đây không phải là một phim tài liệu mà là một phim dàn dựng công phu, có cốt chuyện, những đoạn phim tài liệu chỉ để chuyển cảnh và xác minh câu chuyện đang kể.

Phim kể về những nỗi buồn của một thế hệ, thế hệ của những người sống và lớn lên trong chiến tranh, và khi cuộc chiến đã tàn nhưng vẫn còn đọng lại những ám ảnh, những day dứt về những người bạn đó mất trong chiến đấu. Người phóng viên chiến trường Trần Văn Thủy vẫn còn mang nặng trong tâm mình những “ chuyện tử tế ” phải làm đối với những người chịu nhiều thiệt thòi, cô thanh niên xung phong chỉ đường vẫn

DIỄN ĐÀN FORUM

—

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy,

Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Vân, Hoà Vân

muốn làm dáng trong rừng dù đã cụt mất hai tay, người bạn nhà thơ ác hiểm, vừa mới đặt ra những câu hỏi mơ hồ về cái chết sự sống để rồi mất đi sau đó vài hôm. Vào tuổi mà chúng ta già từ sự trong trắng với nhiều trống vắng phía trước.

Bối cảnh là không khí miền Bắc thời B52 trải bom liên tục, nhà cháy, người mất, hình ảnh người lính bộ đội trong chiến trường với những bản khoả lo lắng hàng ngày, nghĩ đến tập thơ, hình người yêu hơn là vết thương của chính mình. Ở trong Nam với những trường hợp tranh đấu ngay trong lòng giặc, các cuộc biểu tình của sinh viên học sinh chống Mỹ, hình ảnh đàn áp tra tấn những người theo địch và thành phần thượng lưu trường giả vẫn nô đùa.

Có cả những người lính Mỹ trong chuyện kể vì một khi cuộc chiến đã tàn, vết thương đã thành sẹo, thì những người trong cuộc mới chiêm nghiệm ra là chỉ có con người, là loài động vật duy nhứt trên quả địa cầu, biết dùng trí thông minh của mình để giết hại lẫn nhau. Cuối cùng nhà văn-nhà thơ-cựu chiến binh Mỹ đến ngồi dưới bóng mát của cây cổ thụ giữa cánh đồng mênh mông của nông thôn Việt Nam, tâm sự với kẻ thù của mình ngày trước, trên đường đi tìm chiếc chìa khóa để hoá giải những trần trở của riêng mình.

Những đoạn phim cuối cũng nói lên nỗi buồn, hình ảnh của người cựu phóng viên cô đơn lạc lõng giữa những giòng xe chạy hối hả như khung cử của thành phố Hồ Chí Minh, như đặt ra một câu hỏi “ tử tế ” khác, những hy sinh mất mát lúc trước là để xây dựng nên một xã hội lạnh lùng chạy theo kinh tế như hiện tại hay sao ?

Khi phim chấm dứt đã có tràng pháo tay vang lên như cùng chia sẻ những trần trở, bản khoả. Và giải thưởng dành cho phim tuy khiêm tốn nhưng là một khích lệ đối với hai nhà đạo diễn trẻ, muốn chuyển đến các thế hệ đi trước lòng kính trọng biết ơn.

Vài thông tin về cuốn phim *Vũ khúc con cò* (Song of the Stork, Việt Nam 2002, dài 96 min, 35mm, sản xuất Mega Media Pte Ltd) :

Đạo diễn : Jonathan Foo (Singapore) và Nguyễn Phan Quang Bình (Việt Nam) ; *kịch bản* : Nguyễn Quang Sáng, Thu Bồn, Nguyễn Duy, Wayne Karlin ; *âm nhạc* : Nguyễn Thiên Đạo, Joshua Hong ; *diễn viên* : Đỗ Hải Yến, Phạm Gia Chi Bảo, Tạ Ngọc Bảo, Tranh Mai Nguyễn, Nguyễn Ngọc Hiệp, Quang Hải.

Nguyễn Văn Danh (Milano, Italia)

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)
FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Dù năm dù tháng

Nhạc Vũ Quang

Thơ Hoàng Phủ Ngọc Tường

The musical score is written in a single system with ten staves. It begins with a tempo marking of quarter note = 120 and a dynamic marking of *ff*. The melody is in a 2/4 time signature. The lyrics are written in Vietnamese and are numbered from 1 to 65. The score includes various musical notations such as notes, rests, and bar lines. The lyrics are: Anh hái cánh phù dung trắng. Cho em niềm vui cập tay. Máu hoa như máu ánh nắng. Buổi chiều chợt tím không hay. Nhìn hoa bằng khung ảnh phơi mới thôi mà đã một ngày. Mới thôi mà đã một ngày. Ruộng cấy ta trông cơn mưa. Ruộng gặt ta trông cơn nắng. Chăm lo cánh đồng tình yêu. Anh đếm từng vầng trăng sáng. Mới thôi mà đã một tuần. Mới thôi mà đã một tuần. Mùa xuân trên đỉnh đồi cao. Mùa hạ nhìn trời mây trắng. Thu tìm chân cầu tìm núi. Đông xa ngày trắng mưa dầm. Nhìn trời ngẩn ngơ anh nói, mới thôi mà đã một năm. Mới thôi mà đã một năm. Rồi sẽ có ngày trắng tóc. Nhưng lòng anh vẫn không người. Thời gian sao mà xuân ngọc. Mới thôi mà đã một đời. Dù năm dù tháng em ơi, tim ta chỉ đập một lần. Dù năm dù tháng em ơi, tim ta chỉ đập một lần.

Tiếp theo trang 28

...Về bản Kiều Duy Minh Thị

viết năm Đinh Hợi 1947, chậm nhất là khoảng cuối năm đó, nhưng Giáo sư đã đổ thành Ất Hợi 1945 !

Lần này cũng vậy, chúng tôi rất băn khoăn : chúng tôi bàn đến ý kiến của Giáo sư về bản Kiều DMT, nhưng không biết những gì chúng tôi nêu trên đây có thực sự ăn khớp với các luận cứ của Giáo sư hay không. Trong lúc chưa có điều kiện tra cứu được kho lưu trữ của Giáo sư, chúng tôi đành xin nhận trách nhiệm về mình, nhất là về mặt các dẫn chứng cụ thể. Nếu trong các dẫn chứng đó có một số chỗ nào đấy không thật ăn khớp với hồ sơ tư liệu gốc của Giáo sư đi nữa – thì hi vọng rằng chúng cũng không hại gì, mà trái lại, chúng chỉ càng góp phần ủng hộ thêm cho các kết luận cơ bản của Giáo sư, về bản Kiều DMT mà Giáo sư đã suốt đời hết lòng quý trọng.

NGUYỄN TÀI CẢN

(1) Các bài tranh luận này đã được tập hợp một phần trong cuốn *Văn bản Truyện Kiều - Nghiên cứu và thảo luận* (Đào Thái Tôn, Hà Nội, 2001). Và gần đây vẫn còn đang tiếp tục : xin xem bài *Di sản Hoàng Xuân Hãn* (Nghiêm Xuân Hải, *Hợp Lưu*, số 65, tháng 6&7 năm 2002).

(2) Chưa thật dám chắc có mấy lần in lại vì ngay trong một năm 1879 có cả bản thuộc Văn Nguyên đường tàng bản, cả bản thuộc Bảo Hoa Các tàng bản.

(3) Theo chỗ chúng tôi hiện biết, qua các tài liệu đã được công bố, phải đến 30 năm cuối cùng của thế kỉ 20 thì bản DMT 1879 mới bắt đầu được chú ý và được dẫn làm một trong những tài liệu tham khảo chính : xin xem *Đoạn trường tân thanh khảo lục* (Vũ Văn Kính, Bùi Hữu Sùng, Saigon 1971), *Kim Vân Kiều tân khảo* (Paul Schneider, Paris 1981).

(4) Xin xem Nguyễn Văn Hoàn, *Trên đường đi tìm nguyên tác Truyện Kiều*, Tạp chí Văn học số 6, 1998.

(5) Xin xem *Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về Truyện Kiều*, Tạp chí Văn học số 3, 1997.

(6) Nguyễn Tài Cản : 1/ *Chữ huý trong 2 bản Kiều Nôm 1871, 1872* (*Ngôn ngữ số 1/ 2002*), 2/ *Về bản Kiều Nôm do DMT trùng san năm 1872* (Báo cáo Hội nghị Quốc tế EURO-VIỆT lần thứ 5 (28-30/05/2002)).

(7) CHỮNG ghi GIỐNG ở bốn câu 853, 1194, 1728, 2066 và có thể ở cả ba câu 243, 258, 2097 ; LAN Hán Việt ở các câu 162, 375, 1310, 1471, 1988 và có thể ở cả hai câu 497, 1803 ; LAN /LÀN (Cổ Hán Việt) ở hai câu 25, 2118 và có thể ở cả câu 261 ; LAN thuần Việt ở câu 2750 và LAN trong DAN ĐIÚ ở câu 1300 ; HOÀN ở câu 2807 và có thể ở cả câu 354 ; NGUYỄN ở câu 3000 ; KHANG ở hai câu 477, 1335. Chúng tôi dựa vào bản Kiều Đào Duy Anh (1974) là chính ; còn các câu có thể dẫn thêm là dựa vào các bản khác, chủ yếu là bản Kiều Oánh Mậu (1902).

(8) Chữ ĐÊM ở câu 15517 có lẽ do viết tắt và viết nhanh nên bị đọc nhầm và khắc nhầm thành LẦN : rõ ràng không ai nói LẦN NAY !

(9) LƯỠNG LỰ (câu 217), TIỀN HÀNH (câu 872), TÂM TÃ (câu 851, câu 1944), NGHĨ (ở khoảng 10 câu : 238, 554, 788...), ĐÃI ĐÀNG (câu 1025, câu 2011), ĐIỀU QUANH (câu 274), PHỮ (câu 592), PHỮ PHÀNG (ba câu 85, 1969, 2897)...

(10) Xin xem *Việt sử diễn nghĩa, một bộ diễn ca đáng chú ý* (Phan Hứa Thủy, *Tạp chí Văn học*, số 4/1983).

mục lục

2 Diễm Đàn, 11 năm sau

thời sự & những vấn đề

- | | | |
|----|----------------------------|-------------------|
| 3 | Kẻ thù cũ, chiến tranh mới | Cao Huy Thuần |
| 6 | Tổng triều phủ dụ Giao Chỉ | An Nam Chí Lược |
| 7 | 11 - 9, một năm sau | Nguyễn Quang |
| 10 | Bầu cử Quốc hội Đức | Nguyễn Tường Bách |
| 12 | Tin tức | |
| 17 | Vụ cá Catfish | Nguyễn Thương |

Hồ sơ đặc biệt : Giáo dục

- | | | |
|----|-----------------------------------|-----------|
| 19 | Những nghịch lý giáo dục | Hoàng Tuy |
| 20 | Gọi đúng tên thực trạng giáo dục | Tương Lai |
| 21 | Tựu trường, học phí trả bằng gì ? | |
| 22 | Sách giáo khoa mới : ai có lý ? | H.V. |

văn hoá & khoa học & nghệ thuật

- | | | |
|----|-----------------------------------|----------------|
| 23 | Điểm hai cuốn sách về kinh tế VN | Tiểu Hằng Ngôn |
| 25 | Về bản Kiều Duy minh thị | Nguyễn Tài Cản |
| 29 | Bài thơ Cẩm Sắt | Vĩnh Sính |
| 34 | Du ký | Phan Tam Khê |
| 36 | Nhịp điệu trong ngôn ngữ tạo hình | Vân Ngọc |
| 39 | Tranh ký hiệu Phạm Ngọc Tuấn | Hoài Văn |
| 40 | Độc Nguyễn Thị Chân Quỳnh | Vân Ngọc |
| 41 | Tìm trăng (truyện ngắn) | Phạm Hải Anh |
| 45 | Trịnh Công Sơn, tại sao ? | Lê Minh Hà |
| 49 | Bạn đọc và Diễm Đàn | |
| 51 | Dù năm dù tháng (nhạc) | Vũ Quang |

THƠ : Đỗ Quang Nghĩa, Diễm Châu, Trần Hồng Hà
(tr. 32-33)

BIA :
Phạm Ngọc Tuấn

Diễm Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 5 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@wanadoo.fr

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 50)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)